UBND TỈNH ĐỒNG NAI **TỔNG CÔNG TY SONADEZI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 225 /SNZ-QTTH	*Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2022*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
- Tên viết tắt: TỔNG CÔNG TY SONADEZI
- Mã chứng khoán: SNZ
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường 1, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 8860561 Fax: (0251) 8860573
- Người thực hiện công bố thông tin: ông Phạm Trần Hòa Hiệp – Người CBTT
- Loại thông tin công bố:

☐ định kỳ ☑ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty Sonadezi công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Sonadezi vào ngày 20/4/2022 tại đường dẫn: http://sonadezi.com.vn/quan-he-co-dong/.

Tài liệu đính kèm: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, QTTH.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

Phạm Trần Hòa Hiệp

Signature Not Verified
Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
Ký ngày: 20/4/2022 21:08:15

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **TỔNG CÔNG TY SONADEZI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
(Dự thảo)	*Đồng Nai, ngày 28 tháng 04 năm 2022*

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Thời gian	Nội dung
08g30 – 09g00	Đón tiếp đại biểu, cổ đông Đăng ký danh sách cổ đông tham dự, phát tài liệu họp
09g00 – 09g20	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự
	Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành họp
	- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa, Ban Thư ký; - Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu; - Thông qua Quy chế làm việc; Thông qua Chương trình họp
09g20 – 10g20	- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và Kế hoạch năm 2022; - Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán; - Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022; - Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát hoạt động tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021; - Báo cáo về tiền lương của người điều hành, tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2021 và Kế hoạch năm 2022; - Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch năm 2022; - Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022; - Phát biểu của lãnh đạo UBND tỉnh Đồng Nai.
10g20 – 10g40	Cổ đông thảo luận
10g40 – 10g50	Biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình
10g50 – 11h10	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu biểu quyết
11g10 – 11g30	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu - Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông - Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
11g30	Phát biểu cảm ơn và bế mạc

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

Điều 1. Những quy định chung

1. Quy chế làm việc này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2022 của Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi).

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham dự họp, điều kiện và thể thức tiến hành họp, cách thức biểu quyết và bầu cử.

3. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự họp sẽ được gọi chung là cổ đông.

4. Cổ đông và các bên tham dự có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy chế này.

Điều 2. Chủ tọa – Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

1. Chủ tọa cuộc họp là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tọa có các quyền và nghĩa vụ:

- Thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để tổ chức, điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

- Hướng dẫn các cổ đông thảo luận;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu;

- Quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 3. Đăng ký dự họp và kiểm tra điều kiện tiến hành họp

1. Ban tổ chức phải tiến hành các thủ tục để các cổ đông đăng ký dự họp, nhận tài liệu họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Ban tổ chức phải tổng hợp và báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành họp.

Điều 4. Thư ký – Quyền và nghĩa vụ của Thư ký

1. Thư ký do chủ tọa giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của thư ký:

- Ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung của cuộc họp;

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 5. Ban Kiểm phiếu - Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu:

1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết/ bầu cử của các cổ đông/đại diện cổ đông;

- Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử;

- Lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử và công bố trước ĐHĐCĐ;

- Giao lại phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử và Biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty Sonadezi theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 29/3/2022 có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2022. Cổ đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo một trong các cách thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

2. Mỗi cổ đông khi đăng ký tham dự họp phải có giấy tờ pháp lý của cá nhân như CMND/ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu.

3. Mỗi cổ đông tham dự họp được nhận tài liệu họp gồm các báo cáo, tờ trình, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu, giấy trắng và viết. Trên thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu có ghi Họ tên cổ đông, số thứ tự của cổ đông, số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu. Cổ đông thông báo ngay cho Ban tổ chức để chỉnh sửa các sai sót liên quan đến thông tin của cổ đông khi đăng ký.

4. Trong thời gian họp, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Khi có nhu cầu cá nhân cần ra ngoài phòng họp, cổ đông phải giữ trật tự để tránh làm phiền các cổ đông khác cũng như làm gián đoạn tiến trình họp và công việc của Chủ tọa.

5. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu.

6. Cổ đông khi có ý kiến thảo luận hoặc cần tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa mời, cổ đông sẽ bắt đầu phát biểu. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, súc tích, rõ ràng,

không trùng lặp. Cổ đông có thể ghi các ý kiến vào giấy và chuyển cho Ban Thư ký, Chủ tọa.

7. Cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Cổ đông tham dự họp phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế này. Nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điểm b, khoản 7, Điều 146, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. Điều kiện tiến hành họp

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai thực hiện theo Điều 17 Điều lệ Tổng công ty và Điều 145 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Thể lệ biểu quyết

1. Các cổ đông có quyền tham dự họp đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.

2. Cổ đông biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và/hoặc điền vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (theo hướng dẫn trên Phiếu biểu quyết).

3. Nghị quyết về các nội dung theo Chương trình họp sẽ được thông qua khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

4. Sau khi Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết xong các vấn đề trên Phiếu biểu quyết, Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành thu hồi lại Phiếu biểu quyết để kiểm phiếu. Trưởng Ban Kiểm phiếu sẽ công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết trước Đại hội đồng cổ đông cho từng nội dung, vấn đề đã được biểu quyết tại cuộc họp.

5. Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại cuộc họp.

6. Quy định về Phiếu biểu quyết:

a. Phiếu biểu quyết thuộc một trong những trường hợp sau đây là không hợp lệ:

- Phiếu được gửi đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử sau 08g30' ngày 28/04/2022;

- Phiếu không đúng các nội dung do Ban tổ chức phát hành;

- Phiếu không có chữ ký của cổ đông;

- Phiếu rách rời không còn nguyên vẹn các ô để điền hoặc không còn đủ các thông tin phục vụ cho kiểm soát và kiểm phiếu.

b. Các trường hợp khác:

- Phiếu không điền vào ô nào hoặc điền vào 2 ô trở lên cho một nội dung biểu quyết được xem là "Không ý kiến" cho nội dung đó;

- Phiếu đánh sai ký hiệu, tẩy xóa không theo hướng dẫn trên Phiếu biểu quyết dẫn đến không xác định được ý kiến biểu quyết được xem là "Không ý kiến" cho nội dung đó.

Điều 9. Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Thư ký sẽ ghi chép các nội dung diễn ra trong cuộc họp.

Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Ngay sau khi được ĐHĐCĐ Tổng công ty Sonadezi thông qua, Ban Tổ chức, toàn thể cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 có trách nhiệm thi hành quy chế này.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- Lưu: VT, QTTH.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 219/BC-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO
Về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

I. Kết quả hoạt động SXKD năm 2021:

Năm 2021, dịch Covid-19 tiếp tuc bùng phát dữ dội ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các quốc gia trên thế giới. Tuy vậy, nhờ kịp thời ban hành những quyết sách quan trọng trong phòng chống dịch bệnh và phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, Việt Nam đã đạt được một số thành công trong phòng chống dịch bệnh, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 vẫn đạt 2,58% so với năm trước.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong việc thực hiện mục tiêu kép, tập thể cán bộ nhân viên Tổng công ty Sonadezi đã nỗ lực khắc phục khó khăn, linh hoạt thích ứng và kịp thời đưa ra các giải pháp sản xuất kinh doanh phù hợp. Nhờ vậy, Tổng công ty Sonadezi không có doanh nghiệp nào bị lỗ, đảm bảo an toàn nguồn nhân lực, thực hiện đa nhiệm vụ: vừa phòng chống dịch, vừa tổ chức sản xuất an toàn, đảm bảo cung ứng các dịch vụ thiết yếu trong thời gian giãn cách xã hội (cấp nước, đô thị môi trường, dịch vụ cảng), cùng với hệ thống chính quyền tổ chức các gian hàng cung ứng, hỗ trợ lương thực, thực phẩm thiết yếu, an sinh cho người dân, hỗ trợ thiết bị, sinh phẩm y tế và kinh phí cho lực lượng tuyến đầu chống dịch…

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

a. Công ty mẹ:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/ KH
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
2	Tổng doanh thu	629.454	581.006	92,30%
3	Lợi nhuận trước thuế	484.266	442.492	91,37%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	442.272	419.299	94,81%
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	75.597	65.399	86,51%
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	11,56%	10,96%	94,83%

Công ty mẹ - Tổng công ty đạt 92,3% kế hoạch doanh thu và 94,81% kế hoạch lợi nhuận sau thuế do không thực hiện được công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp khác (nội dung chi tiết tại khoản 3).

b. Hợp nhất:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/ KH
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
2	Tổng doanh thu	4.770.000	5.556.255	116,48%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.264.860	1.772.802	140,16%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.011.888	1.497.634	148,00%
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	556.734	1.051.195	188,81%
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	13,73%	19,58%	142,60%

Tất cả các công ty con và công ty liên kết trong Tổng công ty đều hoạt động có lãi.

Các công ty Sonadezi Châu Đức, Sonadezi An Bình, đã hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế hơn 80%.

Niên độ 2020-2021, Trường Cao Đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi đã có lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2021 là 3,92 tỷ đồng.

Một vài doanh nghiệp hiệu quả chưa cao, cụ thể:

- Công ty CP Môi trường Sonadezi đạt 87,9% kế hoạch doanh thu và 95,81% kế hoạch lợi nhuận sau thuế. Nguyên nhân do nhiều doanh nghiệp, cửa hàng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ngừng hoạt động để chống dịch nên giảm khối lượng rác thải, dịch vụ chợ đêm tạm ngừng hoạt động làm giảm doanh thu và lợi nhuận của công ty.

- Trong 04 tháng giãn cách xã hội để chống dịch, các công trình xây dựng đều ngưng thi công, các công ty cung cấp vật liệu xây dựng và thi công xây dựng rất khó hoàn thành kế hoạch, trong đó Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai đạt 66,68% kế hoạch doanh thu và 82,06% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

2. Các dự án:

2.1. Trong năm 2021, Tổng công ty Sonadezi tiếp tục thực hiện các dự án hiện hữu như Khu xử lý chất thải Quang Trung, Khu xử lý chất thải sinh hoạt Vĩnh Tân; triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng KCN Tân Đức, Cụm công nghiệp Long Phước 1, KDC dịch vụ Giang Điền; các công ty thành viên cùng nhau hợp tác đầu tư dự án KDC Bửu Long 3, KDC Hữu Phước.

2.2. Công tác phát triển dự án mới:

Trong năm 2021, Tổng công ty đã nộp hồ sơ quan tâm hoặc đã đăng ký tham gia là nhà đầu tư một số dự án Khu công nghiệp, Khu dân cư nhưng do vướng cơ chế nên không được lựa chọn.

Để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong việc phát triển các dự án mới, ngày 20/5/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 272/SNZ-QTTH kiến nghị UBND tỉnh và các Sở ngành về chủ trương thực hiện một số giải pháp để phát triển các dự án bất động sản công nghiệp và dân dụng. UBND tỉnh Đồng Nai đã triển khai văn bản số 1776/BKHĐT-PTDN ngày 24/3/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Sau khi có hướng dẫn của các Sở Ngành, Tổng công ty sẽ nghiên cứu thực hiện.

2.3. Các dự án của công ty mẹ Tổng công ty:

a. Dự án đầu tư kinh doanh mặt bằng công nghiệp tại KCN Châu Đức:

- Đã ký hợp đồng chuyển quyền thuê đất với 04 khách hàng; tổng diện tích cho thuê là 123.537,5m^2.

- Đã xây dựng xong để đưa vào khai thác 02 nhà xưởng nhưng chưa có khách hàng thuê.

b. Về dự án chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1:

Ngày 03/04/2020, Tỉnh ủy Đồng Nai đã có văn bản số 8827-CV/TU triển khai các nội dung chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại Kết luận số 767-KL/TU ngày 02/04/2019. Theo đó, ưu tiên phương án thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trong quá trình lập đề án chuyển đổi KCN Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - dịch vụ - thương mại và khắc phục ô nhiễm môi trường.

Ngày 21/04/2020, UBND đã có văn bản số 4524/UBND-KTNS giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan căn cứ ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy để tham mưu UBND tỉnh xử lý các nội dung liên quan đến việc triển khai đề án.

Ngày 28/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 111/TTg-CN đưa KCN Biên Hòa 1 ra khỏi Quy hoạch các KCN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Hiện nay, Tổng công ty đã báo cáo các nội dung liên quan theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Đồng Nai và thực hiện nhiệm vụ thành viên của Ban chỉ đạo dự án theo phân công.

3. Công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp khác.

Trong năm 2021, Tổng công ty không thoái được vốn tại các doanh nghiệp khác, cụ thể:

3.1. Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai:

Ngày 04/12/2020, Tổng công ty Sonadezi có văn bản số 668/SNZ-QTTH báo cáo và xin ý kiến UBND tỉnh Đồng Nai việc thoái vốn.

Sở Tài chính có văn bản số 7754/STC-TCDN ngày 31/12/2020 và văn bản số 1479/STC-TCDN ngày 19/03/2021 đề nghị UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy.

Đến nay, Tổng công ty vẫn chưa nhận được chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai.

Ngày 20/11/2021, Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công trình Giao thông Đồng Nai đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ với số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán là 59 triệu cổ phần. Đến nay, tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty giảm còn 0,314% tại công ty này.

3.2. Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (D2D):

Ngày 18/06/2021, Công ty CP Thẩm định giá Đồng Nai đã ban hành Chứng thư thẩm định giá số 2161/1/TĐG-CT.

Ngày 29/06/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 362/SNZ-QTTH báo cáo xin ý kiến về việc thoái vốn tại D2D.

Chứng thư thẩm định giá số 2161/1/TĐG-CT ngày 18/6/2021 đã hết hiệu lực vào ngày 17/12/2021.

Ngày 06/4/2022, UBND tỉnh Đồng Nai vừa có văn bản số 3406/UBND-KTNS về việc thoái vốn tại D2D.

Tổng công ty sẽ nghiên cứu triển khai trong quý 2/2022.

3.3. Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa (Amata):

Ngày 25/06/2021, UBND tỉnh đã có văn bản số 7173/UBND-KTNS về việc thoái vốn đầu tư tại Amata.

Ngày 29/06/2021, HĐQT Tổng công ty đã có Nghị quyết số 138/NQ-SNZ-QTTH thông qua việc thoái vốn bằng hình thức chuyển nhượng phần vốn góp tại Amata.

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên việc công bố thông tin chuyển nhượng cổ phần của Tổng công ty tại Amata phải gia hạn nhiều lần.

Đến ngày 28/09/2021, Tổng công ty đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ số 70/2021/CBCP/IRS-SNZ với Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (IRS) để thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần. Tuy nhiên việc chuyển nhượng không thành công do không có nhà đầu tư đăng ký nhận chuyển nhượng cổ phần.

3.4. Thoái vốn tại các công ty khác:

Căn cứ các Quyết định số 1816/QĐ-UBND và Quyết định số 3640/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai,

Thực hiện văn bản số 6071/STC-TCDN ngày 15/9/2021 của Sở Tài chính, ngày 27/9/2021, Tổng công ty Sonadezi đã có Báo cáo số 523/BC-SNZ-QTTH về tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.

Thực hiện văn bản số 7716/STC-TCDN ngày 22/11/2021 của Sở Tài chính, Tổng công ty đã có văn bản số 662/SNZ-QTTH ngày 26/11/2021 góp ý một số điểm trong dự thảo quyết định ban hành Danh mục thoái vốn tại Công ty mẹ - Tổng công ty CP Phát triển KCN và các công ty thành viên thuộc Tổng công ty CP Phát triển KCN giai đoạn 2021-2025.

Tổng công ty đang chờ chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai.

4. Tình hình cổ đông của Tổng công ty:

4.1. Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tại ngày 29/03/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, Tổng công ty có tổng số 512 cổ đông. Trong đó:

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông nhà nước	374.756.700	3.747.567.000.000	99,5370%
2	Cổ đông trong nước (499 cổ đông)	1.710.200	17.102.000.000	0,4542%
a	Cá nhân (498 cổ đông)	1.569.200	15.692.000.000	0,4168%
b	Tổ chức (01 cổ đông)	141.000	1.410.000.000	0,0374%
3	Cổ đông nước ngoài (11 cổ đông)	24.900	249.000.000	0,0066%
a	Cá nhân (10 cổ đông)	18.500	185.000.000	0,0049%
b	Tổ chức (01 cổ đông)	6.400	64.000.000	0,0017%
4	Cổ phiếu quỹ	8.200	82.000.000	0,0022%
	Tổng cộng	**376.500.000**	**3.765.000.000.000**	**100,00%**

4.2. Công tác thoái vốn nhà nước tại công ty mẹ - Tổng công ty

a. Về lộ trình thoái vốn:

Ngày 29/06/2020, Thủ tướng đã có Quyết định số 908/QĐ-TTg phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020. Theo đó, nhà nước sẽ thoái vốn tại Tổng công ty từ 99,54% xuống còn 36%.

Ngày 07/09/2020, UBND tỉnh đã có văn bản số 10654/UBND-KTNS báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những khó khăn trong quá trình thoái vốn liên quan đến việc chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1.

Ngày 02/11/2020, UBND tỉnh đã có văn bản số 13160/UBND-KTNS xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về việc xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện thoái vốn nhà nước theo Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 23/01/2021, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 580/VPCP-ĐMDN về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 908/QĐ-TTg.

Ngày 28/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 111/TTg-CN đưa KCN Biên Hòa 1 ra khỏi Quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam đến năm 2020.

Ngày 14/09/2021, UBND tỉnh đã có văn bản số 11073/UBND-KTNS về việc có ý kiến liên quan đến Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025. Theo đó UBND tỉnh Đồng Nai kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tỷ lệ sở hữu của nhà nước tại Tổng công ty Sonadezi sau khi thoái vốn là 70,67%.

b. Về việc định giá:

Ngày 09/02/2021, UBND tỉnh đã có văn bản số 1583/UBND-KTNS chỉ đạo Tổng công ty phối hợp với tổ chức thẩm định giá áp dụng Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

Ngày 18/03/2021, Tổng công ty có văn bản số 106/SNZ-QTTH báo cáo việc VLAND đã áp dụng Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và đã dự thảo chứng thư thẩm định giá tại thời điểm 30/06/2020, đồng thời báo cáo việc thẩm định giá trị tại thời điểm 30/06/2020 không còn phù hợp vì thời điểm này (tháng 03/2021) so với thời điểm chốt số liệu để thẩm định giá (ngày 30/06/2020) đã hơn 6 tháng và Tổng công ty đã có Báo cáo Tài chính kiểm toán thời điểm 31/12/2020.

Ngày 05/4/2021, UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản số 3428/UBND-KTNS giao cho người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Sonadezi thuê đơn vị tư vấn xác định lại giá trị cổ phần SNZ tại thời điểm 31/12/2020.

Ngày 21/5/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 276/SNZ-QTTH báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh chấp thuận:

- Nghiệm thu chứng thư và thanh toán phí thẩm định theo phụ lục hợp đồng số 0233/2018/PLHĐTĐG-VLAND ngày 10/8/2020 là 273.000.000 đồng.

- Giao cho các Sở Ngành có liên quan và/hoặc người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Sonadezi tại thời điểm 31/12/2020 làm cơ sở thoái vốn nhà nước.

Ngày 14/7/2021, UBND tỉnh có văn bản số 8086/UBND-KTNS giao cho nhóm người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Sonadezi thực hiện lựa chọn đơn vị tư

vấn thẩm định giá, tạm ứng và thanh quyết toán hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

Ngày 07/12/2021, Tổng công ty Sonadezi đã có Báo cáo số 689/BC-SNZ-QTTH về việc thanh toán phí thẩm định Phụ lục hợp đồng số 0233/2018/HĐTĐG-VLAND ngày 10/08/2020 và số 690/BC-SNZ-QTTH về việc lập dự toán chi phí thẩm định giá trị Tổng công ty Sonadezi.

Đến ngày 22/12/2021, Sở Tài chính có văn bản số 8529/STC-TCDN tham mưu cho UBND tỉnh.

Ngày 04/4/2022, UBND tỉnh Đồng Nai vừa có văn bản 3301/UBND-KTNS giao cho người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Sonadezi triển khai thực hiện theo văn bản số 8529/STC-TCDN của Sở Tài chính.

Trong quý 2/2022, Tổng công ty sẽ nghiên cứu triển khai và có báo cáo UBND tỉnh Đồng Nai về những vướng mắc khi thực hiện văn bản số 8529/STC-TCDN của Sở Tài chính.

5. Các hoạt động khác:

5.1. Chương trình nhận diện thương hiệu, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số:

Tháng 08/2021, Nhãn hiệu Sonadezi đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho 45 nhóm ngành nghề, dịch vụ phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Trong năm 2021, Tổng công ty đã triển khai chương trình ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và hướng tới số hóa dữ liệu toàn bộ hệ thống Sonadezi.

5.2. Công tác nhân sự:

a. Hoàn tất rà soát và thông qua quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020 – 2025 tại Công ty mẹ; Thông qua rà soát quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020 – 2025 và xây dựng quy hoạch giai đoạn 2025 – 2030 cho 11 Công ty con.

b. Hoàn tất công tác bổ nhiệm/bổ nhiệm lại, cử/thôi cử/cử lại người đại diện phần vốn nhà nước và người đại diện phần vốn của Sonadezi; luân chuyển, điều động cán bộ, bổ nhiệm cán bộ theo yêu cầu thực tế của Tổng công ty và các công ty.

c. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện 2020 và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của Tổng công ty và 11 Công ty thành viên; Hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương, thưởng và thù lao của Tổng công ty.

d. Tổ chức 12 khóa đào tạo cho 24 lượt người tại công ty mẹ Tổng công ty; Phối hợp tổ chức 03 khóa đào tạo ngoài kế hoạch cho toàn Tổng công ty với hơn 617 lượt người tham dự (bao gồm 37 người đại diện phần vốn và 24 cán bộ được quy hoạch).

đ. Công tác thi đua khen thưởng:

- Hoàn tất tổ chức Hội nghị tổng kết năm 2020 của Khối thi đua 6;

- Hoàn tất hồ sơ xét, đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh; kết quả 04/04 sáng kiến được Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai công nhận phạm vi ảnh hưởng và có hiệu quả áp dụng trên toàn tỉnh;

- Hoàn tất khen tặng các danh hiệu thi đua cơ sở năm 2020 tại Tổng công ty, cụ thể:

+ Lao động tiên tiến: 43 cá nhân;

+ Chiến sĩ thi đua cơ sở: 02 cá nhân;

+ Tập thể Lao động tiên tiến: 18 tập thể (gồm: 7 Ban/Văn phòng tại Tổng công ty và 11 Công ty thành viên);

- Hoàn tất thủ tục đề nghị các danh hiệu, hình thức thi đua cấp tỉnh và cấp nhà nước năm 2020, kết quả được UBND tỉnh và Thủ tướng Chính phủ khen tặng:

+ Cờ thi đua xuất sắc: 3 tập thể;

+ Tập thể lao động xuất sắc: 27 tập thể;

+ Bằng khen UBND tỉnh: 6 tập thể và 28 cá nhân;

+ Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh: 4 cá nhân;

+ Bằng khen Thủ tướng Chính phủ: 4 cá nhân;

- Hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty.

e. Tổng số lao động của toàn tổng công ty tính đến 31/12/2021 là 3.281 người trong đó có 868 lao động nữ.

5.3. Công tác quản trị:

- Tổ chức thành công họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 trong điều kiện dịch bệnh Covid-19;

- Trình Đại hội đồng cổ đông ban hành Điều lệ Tổng công ty, các Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị theo Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020;

- Thống nhất khung chung để các công ty thành viên sửa đổi Điều lệ công ty, các Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị theo Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020;

- Xem xét, cho ý kiến để các công ty thành viên tổ chức thành công họp ĐHĐCĐ thường niên 2021;

- Thống nhất khung chung việc phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc/ Giám đốc của các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty;

- Hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung các quy chế Quản lý và đánh giá Người đại diện phần vốn, Quy chế Quản lý tài chính và Quy chế công bố thông tin.

5.4. Công tác xã hội cộng đồng của cả Tổng công ty:

- Tiếp tục thực hiện chương trình hỗ trợ viện phí cho bệnh nhân nghèo với số tiền đã chuyển cho Bệnh viện Đồng Nai trong năm là 01 tỷ đồng (lũy kế là 3,5 tỷ đồng), năm 2021 chương trình đã hỗ trợ được 79 trường hợp (lũy kế là 339 trường hợp);

- Hỗ trợ tỉnh Đồng Nai và các địa phương khác phòng chống dịch Covid-19 với số tiền gần 26 tỷ đồng. Trong đó, ủng hộ quỹ mua Vắc xin là 09 tỷ đồng, mua thiết bị, sinh phẩm là 02 tỷ đồng, hỗ trợ cho các lực lượng tuyến đầu chống dịch và người dân trong vùng dịch là 14,3 tỷ đồng, hỗ trợ thiết bị học tập trực tuyến cho học sinh nghèo trong tình hình dịch bệnh là 0,65 tỷ đồng;

- Tổng chi cho công tác xã hội cộng đồng năm 2021 là 28,5 tỷ đồng.

II. Kế hoạch SXKD năm 2022

Căn cứ định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Căn cứ tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp và khó lường trong nước và quốc tế;

Cuộc chiến Nga – Ukraine gây ra căng thẳng về kinh tế giữa một bên là Mỹ và các nước phương tây với một bên là Nga đang tác động đến chi phí nhiên, nguyên liệu sản xuất, ảnh hưởng đến chuỗi cung cấp toàn cầu, nguy cơ gây lạm phát cao;

Trên cơ sở các khó khăn vướng mắc trong quá trình thoái vốn năm 2021,

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

a. Công ty mẹ

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	KH 2022/TH 2021
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
2	Tổng doanh thu	581.006	682.215	117,42%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	442.492	482.741	109,10%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	419.299	446.210	106,42%
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	65.399	75.166	114,93%
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	10,96%	11,60%	105,84%

b. Hợp nhất

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	KH 2022/TH 2021
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
2	Tổng doanh thu	5.556.255	5.516.407	99,28%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.772.802	1.263.770	71,29%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.497.634	1.067.290	71,27%
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	1.051.195	572.278	54,44%
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	19,58%	14,16%	72,32%

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty mẹ - Tổng công ty:

- Quản lý, vận hành khu công nghiệp Biên Hòa 1;

- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư xây dựng và cho thuê nhà xưởng tại KCN Châu Đức;

- Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh tại dự án Khu dân cư Bửu Long 3.

- Phát triển các dự án mới trong và ngoài tỉnh;

- Quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty.

3. Công tác thoái vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác:

Trong năm 2022, Tổng công ty tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp theo Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 04/06/2020, Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai và kiến nghị của Tổng công ty tại Báo cáo số 523/BC-SNZ-QTTH ngày 27/9/2021, văn bản số 638/SNZ-QTTH ngày 15/11/2021, văn bản số 662/SNZ-QTTH ngày 26/11/2021, văn bản số 708/SNZ-QTTH ngày 16/12/2021.

4. Trong năm 2022 dự kiến hoàn tất việc thoái vốn tại Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 (D2D) xuống dưới 50%. Do đó, kế hoạch hợp nhất không bao gồm D2D.

5. Kế hoạch doanh thu của các công ty năm 2022 có tăng trưởng nhưng kế hoạch lợi nhuận sau thuế của một số công ty giảm nhiều so với thực hiện năm 2021 (Sonadezi Châu Đức, Cấp nước, Sonadezi An Bình…) do giá vốn của các sản phẩm, dịch vụ năm 2022 tăng cao hơn so với năm 2021.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, QTTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600335363
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

RSM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Quốc Chí	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên
Ba Lương Minh Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)
Ông Phan Đình Thám	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)
Ông Trần Ngọc Tòng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)
Ông Trần Ngọc Tòng	Thành viên
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Trần Thanh Hải	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2021)
Ông Phan Đình Thám	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2021)
Ông Đinh Ngọc Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ba Lương Minh Hiền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2021)
Ông Nguyễn Minh Khoa	Giám đốc chi nhánh

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 3600335340
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TP. BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

Trần Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2022

RSM

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 256/2022/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(Xem trang tiếp theo)

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

RSM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0172-2018-026-1

Lê Việt Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán: 4732-2019-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.013.019.794.143**	**1.117.692.215.037**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4.1	**28.158.397.911**	**31.889.335.434**
1. Tiền	111		28.158.397.911	31.889.335.434
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**781.295.000.000**	**957.895.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	781.295.000.000	957.895.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**190.053.803.608**	**104.986.443.077**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	53.557.767.261	46.989.438.002
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		907.855.000	1.194.712.320
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	145.978.292.155	63.651.819.480
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(10.390.110.808)	(6.849.526.725)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**12.134.386.778**	**12.025.473.643**
1. Hàng tồn kho	141	4.6	12.134.386.778	12.025.473.643
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.378.205.846**	**10.895.962.883**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	243.261.360	10.265.831.164
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	1.132.859.481	628.046.714
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	2.085.005	2.085.005
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**3.373.339.430.619**	**3.230.023.881.384**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**200.000.000**	**1.276.538.000**
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		200.000.000	200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	1.076.538.000
II. Tài sản cố định	**220**		**12.973.727.287**	**14.230.588.833**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	3.588.342.643	4.185.612.729
Nguyên giá	222		13.879.024.565	13.471.218.202
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.290.681.922)	(9.285.605.473)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	9.385.384.644	10.044.976.104
Nguyên giá	228		14.248.840.250	14.248.840.250
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.863.455.606)	(4.203.864.146)
III. Bất động sản đầu tư	**230**	4.9	**29.263.522.148**	**3.391.369.071**
1. Nguyên giá	231		142.408.783.302	115.188.369.923
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(113.145.261.154)	(111.797.000.852)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**6.424.868.403**	**27.689.155.124**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	6.424.868.403	27.689.155.124
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	4.2	**3.204.885.275.373**	**3.016.555.758.119**
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.744.762.870.217	1.552.795.570.217
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.314.856.869.951	1.323.111.713.608
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		149.148.164.350	140.648.474.294
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.882.629.145)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**119.592.037.408**	**166.880.472.237**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	119.592.037.408	166.880.472.237
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**4.386.359.224.762**	**4.347.716.096.421**

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**84.811.957.883**	**79.995.046.408**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**51.211.957.883**	**45.852.972.133**
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	6.534.766.732	8.837.568.005
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	4.006.439.156	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	10.994.118.800	9.028.186.469
4. Phải trả người lao động	314	4.15	4.781.658.972	5.218.116.789
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.196.831.378	140.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		542.074.275	722.765.700
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	589.513.984	1.403.084.744
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.17	22.566.554.586	20.503.250.426
II. Nợ dài hạn	**330**		**33.600.000.000**	**34.142.074.275**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	542.074.275
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	33.600.000.000	33.600.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**4.301.547.266.879**	**4.267.721.050.013**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.18	**4.301.547.266.879**	**4.267.721.050.013**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.765.000.000.000	3.765.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.765.000.000.000	3.765.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(90.100.000)	(90.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		65.134.440.658	44.192.605.476
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		471.502.926.221	458.618.544.537
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		52.204.054.819	39.674.373.703
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		419.298.871.402	418.944.170.834
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**4.386.359.224.762**	**4.347.716.096.421**

Trần Thanh Hải	Lê Thị Bích Loan	Nguyễn Thị Chung
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	198.107.340.905	183.315.167.859
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		198.107.340.905	183.315.167.859
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	87.885.042.522	96.494.107.728
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		110.222.298.383	86.821.060.131
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	380.622.060.146	398.906.844.211
6. Chi phí tài chính	22	5.4	4.906.339.392	(5.213.576.487)
Trong đó, chi phí lãi vay	*23*		*359.671.233*	*199.890.028*
7. Chi phí bán hàng	25		1.612.657.451	2.129.447.848
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	44.109.977.342	47.518.806.768
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		440.215.384.344	441.293.226.213
10. Thu nhập khác	31		2.276.516.000	181.783.820
11. Chi phí khác	32		-	192.222.900
12. Lợi nhuận khác	40		2.276.516.000	(10.439.080)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		442.491.900.344	441.282.787.133
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	23.193.028.942	22.338.616.299
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		419.298.871.402	418.944.170.834

Trần Thanh Hải	Lê Thị Bích Loan	Nguyễn Thị Chung
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**442.491.900.344**	**441.282.787.133**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	4.022.562.548	3.777.981.215
Các khoản dự phòng	03		7.423.213.228	(3.170.872.883)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		296.223	33.202
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(379.971.930.146)	(398.714.587.246)
Chi phí lãi vay	06	5.4	359.671.233	199.890.028
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**74.325.713.430**	**43.375.231.449**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(75.192.635.181)	(10.797.437.483)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		98.685.550	(518.677.990)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.775.162.664	(10.528.830.481)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		57.311.004.633	64.723.565.483
Tiền lãi vay đã trả	14		(359.671.233)	(199.890.028)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(26.214.584.291)	(26.107.468.678)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		11.920.000	39.800.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.929.470.376)	(4.635.945.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**28.826.125.196**	**55.350.346.972**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.591.266.043)	(23.697.187.953)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.137.088.000.000)	(1.811.995.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.313.688.000.000	1.754.933.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(192.977.300.000)	(178.870.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		367.893.499.547	390.156.575.390
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**343.924.933.504**	**130.527.387.437**

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	278.000.000.000	181.404.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(278.000.000.000)	(181.404.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(376.481.700.000)	(338.151.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(376.481.700.000)**	**(338.151.900.000)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**50**		**(3.730.641.300)**	**(152.274.165.591)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.889.335.434	184.163.534.227
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(296.223)	(33.202)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	**70**	4.1	**28.158.397.911**	**31.889.335.434**

Trần Thanh Hải	Lê Thị Bích Loan	Nguyễn Thị Chung
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3600335363 ngày 01 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 05 năm 2021 để thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

Tiền thân của Tổng Công ty là Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa - Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1713/QĐUBT ngày 15 tháng 12 năm 1990 và đăng ký lại theo Quyết định số 2271/QĐ-UBT ngày 17 tháng 12 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai. Ngày 29 tháng 06 năm 2005, Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Quyết định số 2335/QĐ-UBT của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 925/QĐ - SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty với mã chứng khoán SNZ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 3.765.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 50 (31/12/2020: 47).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Đầu tư phát triển đô thị công nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư;
- Dịch vụ du lịch;
- Dịch vụ quản lý môi trường;
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác;
- Cho thuê nhà ở;
- Mua, bán, cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản,quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các công ty con và các công ty liên kết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Tỷ lệ vốn góp
	Công ty con trực tiếp:			
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác nước sạch	63,99%
2.	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	H22, Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê khu công nghiệp	57,86%
3.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Số 138, Đường Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, P. Trảng Dài, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	52,29%
4.	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	1B-D3, KP Bình Dương, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ cảng biển	51,00%
5.	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Đường 5, KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê khu công nghiệp	51,19%
6.	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Số 12, Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ đô thị môi trường	64,04%
	Công ty con gián tiếp:			
1.	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Số 113 -116, Lô C2, Đường 9, KDC An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê Khu công nghiệp, xây dựng công trình	37,95%
2.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Tầng 8, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Xử lý nước thải, chất thải nguy hại và không nguy hại	20,00%
3.	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Tầng 9, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư	46,84%
4.	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Số 1, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê khu công nghiệp	46,22%
5.	Công ty Cổ phần Soandezi Bình Thuận	443 Khu phố 1, Thị trấn Tân Minh, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	42,00%
6.	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Tầng 1, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê khu công nghiệp	46,45%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Tỷ lệ vốn góp
	Công ty liên kết:			
1.	Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Số 9 Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa,Tỉnh Đồng Nai	Xây dựng công trình	40,00%
2.	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo	30,01%
3.	Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Số 1, Đường 6A, KCN Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Giáo dục - Đào tạo - Dịch vụ	40,00%
4.	Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	Số 315, Đường Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Xây dựng công trình giao thông, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo phương thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT))	39,72%
5.	Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	Số 121 Phan Chu Trinh, P. Quang Vinh, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh nhà và hạ tầng, xây dựng	36,00%

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Khu công nghiệp Châu Đức, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Tổng Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 21 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị của quyền sử dụng đất tại mỏ đá Xuân Hòa được khấu hao 11 năm theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (03 - 05 năm).

3.8. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 45 năm

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí đầu tư mặt bằng công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật; chi phí sửa chữa;... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Quỹ lương

Quỹ lương năm 2021 được trích lập theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố chia cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Tổng Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu từ tiền cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở mục 3.8.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác.

3.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cho thuê đất và phí hạ tầng đối với các doanh nghiệp chế xuất 0%
- Hoạt động cho thuê lại đất, cho thuê nhà xưởng và các hoạt động khác 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	8.821.174	82.957.917
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.149.576.737	31.806.377.517
Cộng	**28.158.397.911**	**31.889.335.434**

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

Đvt: Ngàn đồng

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng	781.295.000	781.295.000	957.895.000	957.895.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	849.100.146.787	1.996.459.920.000	-	657.132.846.787	1.420.558.020.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	242.452.980.000	879.443.082.000	-	242.452.980.000	727.358.940.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	201.688.600.000	666.493.800.000	-	201.688.600.000	557.971.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	200.655.000.000	1.046.789.352.000	-	200.655.000.000	1.090.624.752.000	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	197.027.735.730	288.192.690.000	-	197.027.735.730	278.586.267.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	53.838.407.700	138.580.200.000	-	53.838.407.700	109.940.292.000	-
Cộng	**1.744.762.870.217**		**-**	**1.552.795.570.217**		**-**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	488.352.527.264	3.185.120.000.000	-	488.352.527.264	1.498.880.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	255.000.000.000	634.950.000.000	-	255.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	172.866.022.000	470.091.300.000	-	172.866.022.000	471.478.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	168.000.000.000	(*)	-	168.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	112.000.000.000	(*)	-	112.000.000.000	(*)	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	33.436.575.595	(*)	-	33.436.575.595	(*)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	29.841.520.005	(*)	-	29.841.520.005	(*)	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	21.578.551.008	(*)	-	21.578.551.008	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	12.600.000.000	28.300.000.000	-	12.600.000.000	21.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	10.886.379.679	(*)	-	11.651.533.280	(*)	-
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	10.295.294.400	18.540.640.800	-	10.295.294.400	13.575.211.200	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 - Đồng Nai	-	-	-	7.489.690.056	(*)	-
Cộng	**1.314.856.869.951**		**-**	**1.323.111.713.608**		**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu Đồng Nai	72.516.189.000	(*)	(2.646.727.090)	72.516.189.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Amata	47.180.395.294	(*)	-	47.180.395.294	(*)	-
Công ty Cổ phần BOT 319 Cường Thuận CTI	20.250.000.000	(*)	(1.235.902.055)	19.240.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 - Đồng Nai	7.489.690.056	(*)	-	-		-
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	1.711.890.000	10.023.240.000	-	1.711.890.000	12.405.000.000	-
Cộng	**149.148.164.350**		**(3.882.629.145)**	**140.648.474.294**		**-**

Ngày 05/02/2021 Tổng Công ty công bố thông tin về việc giảm tỷ lệ sở hữu từ 20% xuống 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 - Đồng Nai sau khi công ty này hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 27/01/2021.

Ngày 23/02/2021, Tổng Công ty đã chuyển tiền mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai theo Nghị quyết số 47/NQ-SNZ-QTTH ngày 19/02/2021 của Hội đồng quản trị để duy trì tỷ lệ sở hữu 63,99%, được chi tiết như sau:

- Số lượng cổ phiếu mua thêm: 12.797.820 cổ phiếu;
- Giá trị cổ phiếu mua thêm: 191.967.300.000 đồng.

Ngày 21/09/2021, Tổng Công ty đã chuyển tiền góp tăng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần BOT 319 Cường Thuận CTI theo Nghị quyết số 73/NQ-SNZ-QTTH ngày 07/04/2021 của Hội đồng quản trị, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Đối với các khoản đầu tư vào các công ty đã đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.

(*) Đối với các khoản đầu tư vào các công ty khác, tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH Flanon Việt Nam	14.000.536.493	-
Công ty TNHH Ống Thép Sài Gòn	12.775.451.040	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai	10.698.769.994	7.760.026.614
Công ty Cổ phần Tấm lợp và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	5.688.872.455	4.704.323.812
Công ty TNHH Dasan Hygiene Vina	-	12.053.049.485
Công ty TNHH Gia Thùy	-	7.063.985.281
Các khách hàng khác	10.394.137.279	15.408.052.810
Cộng	**53.557.767.261**	**46.989.438.002**

Tại ngày 31/12/2021, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn củakhách hàng.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu cổ tức từ bên liên quan - Xem thêm mục 7	27.204.435.200	-	11.515.440.000	-
Đầu tư hợp tác kinh doanh với bên liên quan (*) - Xem thêm mục 7	93.062.403.717	-	-	-
Phải thu khác từ bên liên quan - Xem thêm mục 7	1.031.515.500	-	1.025.539.734	-
Dự thu lãi tiền gửi	20.591.714.000	-	22.157.620.000	-
Phải thu cổ tức	474.300.000	-	1.106.700.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDCO - Mỏ Đá Xuân Hòa	2.575.197.600	-	1.549.832.164	-
Phải thu người lao động	42.000.000	-	49.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	25.000.000.000	
Phải thu khác	996.726.138	-	1.247.687.582	-
Cộng	**145.978.292.155**	**-**	**63.651.819.480**	

(*) Là khoản góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 18/HĐHTĐT/KDN ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai để thực hiện dự án đầu tư xây dựng 50 căn nhà liên kế vườn tại Khu dân cư số 3, Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	19.281.012.125	8.890.901.317	15.691.260.207	8.841.733.482

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai	9.792.331.605	4.410.949.957	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	7.760.026.614	4.540.341.787	Từ 1 năm đến dưới 2 năm
Công ty Cổ phần Tấm lợp và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	5.081.341.443	2.356.842.225	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	4.704.323.812	2.561.415.421	Từ 6 tháng đến dưới 2 năm
Công ty Cổ phần Công trình Giao Thông Đồng Nai	1.398.241.924	395.212.523	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm	1.398.241.924	395.212.523	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	3.009.097.153	1.727.896.612	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	1.828.667.857	1.344.763.751	Từ 6 tháng đến dưới 3 năm
Cộng	**19.281.012.125**	**8.890.901.317**		**15.691.260.207**	**8.841.733.482**	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.330.487.211	-	11.112.788.526	-
Mỏ đá Xuân Hòa	*6.425.125.871*	-	*6.207.427.186*	-
Chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa 1	*3.833.608.907*	-	*3.833.608.907*	-
Khác	*1.071.752.433*	-	*1.071.752.433*	-
Hàng hóa	803.899.567	-	912.685.117	-
Cộng	**12.134.386.778**	**-**	**12.025.473.643**	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	3.646.591.259	7.307.357.943	2.517.269.000	13.471.218.202
Mua trong năm	-	-	407.806.363	407.806.363
Tại ngày 31/12/2021	**3.646.591.259**	**7.307.357.943**	**2.925.075.363**	**13.879.024.565**
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	3.646.591.259	4.244.263.241	1.394.750.973	9.285.605.473
Khấu hao trong năm	-	608.870.672	396.205.777	1.005.076.449
Tại ngày 31/12/2021	**3.646.591.259**	**4.853.133.913**	**1.790.956.750**	**10.290.681.922**
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	-	3.063.094.702	1.122.518.027	4.185.612.729
Tại ngày 31/12/2021	**-**	**2.454.224.030**	**1.134.118.613**	**3.588.342.643**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.717.370.930 VND.

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2021	13.631.953.886	616.886.364	14.248.840.250
Tại ngày 31/12/2021	**13.631.953.886**	**616.886.364**	**14.248.840.250**
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2021	3.972.673.578	231.190.568	4.203.864.146
Khấu hao trong năm	504.629.460	154.962.000	659.591.460
Tại ngày 31/12/2021	**4.477.303.038**	**386.152.568**	**4.863.455.606**
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2021	9.659.280.308	385.695.796	10.044.976.104
Tại ngày 31/12/2021	**9.154.650.848**	**230.733.796**	**9.385.384.644**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2021 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Hệ thống đường KCN Biên Hòa 1	97.223.269.271	-	1.195.279.209	96.027.990.062
Hệ thống thoát nước KCN Biên Hòa 1	14.438.070.440	-	-	14.438.070.440
Hệ thống điện, camera KCN Biên Hòa 1	3.527.030.212	419.722.544	32.053.813	3.914.698.943
Nhà xưởng KCN Châu Đức	-	28.028.023.857	-	28.028.023.857
Cộng	**115.188.369.923**	**28.447.746.401**	**1.227.333.022**	**142.408.783.302**
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Hệ thống đường KCN Biên Hòa 1	93.950.469.192	1.159.516.216	1.195.279.209	93.914.706.199
Hệ thống thoát nước KCN Biên Hòa 1	14.387.910.115	16.720.108	-	14.404.630.223
Hệ thống điện KCN Biên Hòa 1	3.458.621.545	19.719.000	32.053.813	3.446.286.732
Nhà xưởng KCN Châu Đức	-	1.379.638.000	-	1.379.638.000
Cộng	**111.797.000.852**	**2.575.593.324**	**1.227.333.022**	**113.145.261.154**
Giá trị còn lại:				
Hệ thống đường KCN Biên Hòa 1	3.272.800.079			2.113.283.863
Hệ thống thoát nước KCN Biên Hòa 1	50.160.325			33.440.217
Hệ thống điện KCN Biên Hòa 1	68.408.667			468.412.211
Nhà xưởng KCN Châu Đức	-			26.648.385.857
Cộng	**3.391.369.071**			**29.263.522.148**

Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 110.161.106.841 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Mỏ đá Thiện Tân	3.311.412.475	3.311.412.475
Nhà xưởng KCN Châu Đức	1.360.954.435	22.628.618.848
Chi phí xây dựng dở dang khác	1.752.501.493	1.749.123.801
Cộng	**6.424.868.403**	**27.689.155.124**

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Tiền thuê đất KCN Biên Hòa 1	-	10.062.858.044
Các khoản khác	243.261.360	202.973.120
Cộng	**243.261.360**	**10.265.831.164**
Dài hạn:		
Chi phí đầu tư mặt bằng công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật KCN Châu Đức	113.911.481.623	163.224.336.438
Chi phí sửa chữa, bảo trì KCN Biên Hòa 1	4.216.064.422	2.715.431.673
Công cụ dụng cụ	852.677.672	940.704.126
Các khoản khác	611.813.691	-
Cộng	**119.592.037.408**	**166.880.472.237**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	2.844.595.075	2.844.595.075	2.942.501.810	2.942.501.810
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất TM Ngọc Minh Quân	1.228.212.950	1.228.212.950	32.093.000	32.093.000
Công ty TNHH Bất động sản Công nghiệp Hòa Hưng	1.136.655.110	1.136.655.110	904.358.859	904.358.859
Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Tân Việt	737.075.000	737.075.000	4.263.264.296	4.263.264.296
Phải trả cho các đối tượng khác	588.228.597	588.228.597	695.350.040	695.350.040
Cộng	**6.534.766.732**	**6.534.766.732**	**8.837.568.005**	**8.837.568.005**

4.13. Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	242.808.474	-
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Thép Vicasa	535.268.740	-
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa	481.352.010	-
Các khách hàng khác	2.747.009.932	-
Cộng	**4.006.439.156**	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã khấu trừ VND	Tại ngày 31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	628.046.714	3.315.771.710	2.810.958.943	1.132.859.481

	Tại ngày 01/01/2021 VND		Trong năm VND			Tại ngày 31/12/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	18.678.312.819	11.780.886.367	2.810.958.943	-	4.086.467.509
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.812.602.864	23.193.028.942	26.214.584.291	-	-	4.791.047.515
Thuế thu nhập cá nhân	-	924.154.468	3.836.051.997	3.817.103.441	-	-	943.103.024
Thuế tài nguyên	-	180.896.297	2.657.533.020	2.560.730.620	-	-	277.698.697
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	15.406.116.651	14.679.994.876	-	-	726.121.775
Thuế, phí và lệ phí khác	2.085.005	110.532.840	1.627.584.930	1.568.437.490	-	2.085.005	169.680.280
Cộng	**2.085.005**	**9.028.186.469**	**65.398.628.359**	**60.621.737.085**	**2.810.958.943**	**2.085.005**	**10.994.118.800**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2021 còn phải trả người lao động tại ngày 31/12/2021.

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Thù lao của người đại diện phần vốn góp, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	441.888.000	518.016.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	114.085.984	86.628.744
Nhận ký quỹ, ký cược	-	775.000.000
Cổ tức phải trả	33.540.000	23.440.000
Cộng	**589.513.984**	**1.403.084.744**
Dài hạn:		
Phải trả cho các bên liên quan (*)	33.600.000.000	33.600.000.000

(*) Là khoản phải trả các bên liên quan về khoản góp vốn liên doanh đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp QL91 đoạn Km 14 - Km 50 + 889 theo hình thức hợp đồng BOT - Xem thêm mục 7.

4.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Số dư đầu năm	20.503.250.426	21.744.376.726
Trích lập trong năm	8.980.854.536	3.355.019.000
Tăng khác	11.920.000	39.800.000
Sử dụng trong năm	(6.929.470.376)	(4.635.945.300)
Số dư cuối năm	**22.566.554.586**	**20.503.250.426**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	3.765.000.000.000	(90.100.000)	40.924.673.476	234.543.224.703	4.040.377.798.179
Lãi trong năm trước	-	-	-	418.944.170.834	418.944.170.834
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.267.932.000	(3.267.932.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.355.019.000)	(3.355.019.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(188.245.900.000)	(188.245.900.000)
Tại ngày 01/01/2021	3.765.000.000.000	(90.100.000)	44.192.605.476	458.618.544.537	4.267.721.050.013
Lãi trong năm nay	-	-	-	419.298.871.402	419.298.871.402
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	20.941.835.182	(20.941.835.182)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(8.980.854.536)	(8.980.854.536)
Chia cổ tức	-	-	-	(376.491.800.000)	(376.491.800.000)
Tại ngày 31/12/2021	**3.765.000.000.000**	**(90.100.000)**	**65.134.440.658**	**471.502.926.221**	**4.301.547.266.879**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Nhà nước	3.747.567.000.000	3.747.567.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	17.433.000.000	17.433.000.000
Cộng	**3.765.000.000.000**	**3.765.000.000.000**

4.18.3. Cổ tức

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cổ tức đợt 2 năm 2019	-	188.245.900.000
Cổ tức năm 2020	376.491.800.000	
Cộng	**376.491.800.000**	**188.245.900.000**

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 86/NQ-SNZ-QTTH ngày 28 tháng 04 năm 2021, cổ tức năm 2020 được chia với tỷ lệ 10% vốn điều lệ.

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	376.500.000	376.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	376.500.000	376.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(8.200)	(8.200)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	376.491.800	376.491.800

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Ngoại tệ các loại:		
USD	615,72	615,72
EUR	15,00	15,00

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu kinh doanh đất, hạ tầng KCN Biên Hòa 1	41.365.364.162	40.035.256.940
Doanh thu kinh doanh hạ tầng KCN Châu Đức	153.761.494.023	141.878.741.154
Doanh thu khác	2.980.482.720	1.401.169.765
Cộng	**198.107.340.905**	**183.315.167.859**
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	1.066.870.042	1.229.834.381

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn kinh doanh đất, hạ tầng KCN Biên Hòa 1	34.417.528.722	38.412.990.975
Giá vốn kinh doanh hạ tầng KCN Châu Đức	53.180.583.025	57.916.193.362
Giá vốn khác	286.930.775	164.923.391
Cộng	**87.885.042.522**	**96.494.107.728**

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	338.740.587.999	340.254.742.556
Lãi tiền gửi	41.881.472.147	58.652.067.590
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	34.065
Cộng	**380.622.060.146**	**398.906.844.211**

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	359.671.233	199.890.028
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá tổn thất đầu tư	3.882.629.145	(6.495.928.415)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	296.223	67.267
Chi phí tài chính khác	663.742.791	1.082.394.633
Cộng	**4.906.339.392**	**(5.213.576.487)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	24.093.232.466	26.196.559.400
Chi phí vật liệu quản lý	34.000.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	802.680.182	649.897.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.160.038.449	1.077.758.222
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	24.182.978
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.540.584.083	3.325.055.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.700.572.018	1.814.793.306
Chi phí bằng tiền khác	12.774.870.144	14.430.559.677
Chi phí thuê văn phòng	*4.001.061.564*	*4.059.601.200*
Chi phí khác	*8.773.808.580*	*10.370.958.477*
Cộng	**44.109.977.342**	**47.518.806.768**

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	24.093.232.466	26.196.559.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.022.562.548	3.777.981.215
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.540.584.083	3.325.055.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.569.429.247	7.732.065.772
Chi phí khác bằng tiền	94.599.567.656	105.454.206.494
Cộng	**133.825.376.000**	**146.485.868.413**

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	442.491.900.344	441.282.787.133
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	12.213.832.367	10.665.036.918
Trừ: Thu nhập được miễn thuế	(338.740.587.999)	(340.254.742.556)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	115.965.144.712	111.693.081.495
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**23.193.028.942**	**22.338.616.299**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Thu nhập điều chỉnh giảm là khoản thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn sau khi bên nhận góp vốn đã nộp thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	278.000.000.000	181.404.000.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(278.000.000.000)	(181.404.000.000)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty con trực tiếp
2. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	Công ty con trực tiếp
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Công ty con trực tiếp
4. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty con trực tiếp
5. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty con trực tiếp
6. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty con trực tiếp
7. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty con gián tiếp
8. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty con gián tiếp
9. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty con gián tiếp
10. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty con gián tiếp
11. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty con gián tiếp
12. Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Công ty con gián tiếp
13. Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty liên kết
14. Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty liên kết
15. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty liên kết
16. Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	Công ty liên kết
17. Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	Công ty liên kết
18. Công ty TNHH Tiên Triết	Công ty cùng nhân sự quản lý chủ chốt
19. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn khác:		
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	93.062.403.717	1.315.440.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	26.840.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	1.031.515.500	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	364.435.200	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	-	1.025.539.734
Cộng - Xem thêm mục 4.4	**121.298.354.417**	**12.540.979.734**
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty TNHH Tiên Triết	(1.632.609.567)	(1.599.453.352)
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	(1.021.633.738)	(981.762.593)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	(157.462.870)	(325.646.965)
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	(32.888.900)	(35.638.900)
Cộng - Xem thêm mục 4.12	**(2.844.595.075)**	**(2.942.501.810)**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty TNHH Tiên Triết	(116.884.385)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(63.139.350)	-
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	(32.465.694)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	(30.319.045)	-
Cộng - Xem thêm mục 4.13	**(242.808.474)**	**-**
Phải trả dài hạn khác:		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	(11.200.000.000)	(11.200.000.000)
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(22.400.000.000)	(22.400.000.000)
Cộng - Xem thêm mục 4.16	**(33.600.000.000)**	**(33.600.000.000)**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	371.579.100	407.260.484
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	224.327.126	247.181.428
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	174.301.795	191.435.729
Công ty TNHH Tiên Triết	296.662.021	383.956.740
Cộng - Xem thêm mục 5.1	**1.066.870.042**	**1.229.834.381**
Mua hàng hóa, dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	4.351.377.256	4.526.206.384
Công ty TNHH Tiên Triết	4.097.814.740	3.779.088.708
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	3.328.362.861	2.194.461.823
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	143.148.064	476.288.650
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	13.500.000
Cộng	**11.920.702.921**	**10.989.545.565**
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	76.786.920.000	57.590.190.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	61.369.560.000	55.566.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	46.840.000.000	46.840.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	34.667.500.000	34.667.500.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	30.714.000.000	30.714.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	33.061.770.000	28.338.660.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	15.370.276.800	15.370.276.800
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	15.300.000.000	35.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	5.081.274.000	5.081.274.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	2.630.880.000	3.946.320.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	2.362.500.000	2.362.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	2.000.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	1.731.067.200	1.138.860.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	840.000.000	1.260.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 - Đồng Nai	-	922.320.000
Cộng	**328.755.748.000**	**320.997.900.800**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.336.112.620	1.410.670.125
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/05/2021)	1.199.256.741	1.193.544.752
Ông Phan Đình Thám	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/05/2021) Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 28/04/2021)	408.015.443	1.242.637.652
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.120.866.035	1.172.690.488
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.067.454.855	1.393.514.780
Bà Lương Minh Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/04/2021)	602.861.224	-
Ông Nguyễn Long Bôn	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01/12/2020)	-	516.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	205.658.790	216.281.302
Ông Phạm Quốc Chí	Thành viên Hội đồng quản trị	205.658.790	216.281.302
Bà Lê Thị Bích Loan	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/05/2020)	754.363.936	659.643.241
Bà Phan Thùy Đoan	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/05/2020)	-	159.423.281
Cộng		**6.900.248.434**	**8.180.686.923**

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập và thù lao	1.021.899.566	1.119.629.077

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù không tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Tổng Công ty đến ngày 31/12/2021 nhưng Tổng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên (nếu có), không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tổng Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Trần Thanh Hải	**Lê Thị Bích Loan**	**Nguyễn Thị Chung**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 60

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Tổng Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Tổng Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Quốc Chí	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên
Bà Lương Minh Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)
Ông Phan Đình Thám	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)
Ông Trần Ngọc Tòng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2021)
Ông Trần Ngọc Tòng	Thành viên
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Trần Thanh Hải	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2021)
Ông Phan Đình Thám	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2021)
Ông Đinh Ngọc Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ba Lương Minh Hiền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2021)
Ông Nguyễn Minh Khoa	Giám đốc chi nhánh

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 3600335363
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TP. BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

Trần Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2022

RSM

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 413/2022/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (cùng với Tổng Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022 từ trang 05 đến trang 60, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

RSM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0302361789-C.T.C.P.H.H.
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lục Thị Vân **Phó Tổng Giám đốc** Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0172-2018-026-1	**Lê Việt Hà** **Kiểm toán viên** Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 4732-2019-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**6.599.821.857.975**	**6.940.504.117.636**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4.1	**1.350.305.311.174**	**1.426.243.405.928**
1. Tiền	111		397.118.313.494	316.387.497.251
2. Các khoản tương đương tiền	112		953.186.997.680	1.109.855.908.677
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	4.2	**2.603.918.002.058**	**2.983.761.296.247**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		222.213.419.999	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.381.704.582.059	2.983.761.296.247
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.141.077.284.275**	**2.007.637.634.002**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	678.835.146.546	541.826.879.116
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.232.737.360.269	1.302.097.620.567
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	267.715.357.207	193.117.256.584
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(38.210.579.747)	(29.404.122.265)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**412.230.057.278**	**435.914.880.882**
1. Hàng tồn kho	141	4.7	412.363.239.228	435.914.880.882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(133.181.950)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**92.291.203.190**	**86.946.900.577**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	4.765.465.589	22.216.435.401
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		83.893.451.082	48.509.044.198
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.16	3.632.286.519	16.221.420.978

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**15.378.555.469.510**	**13.552.302.260.447**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**120.694.593.659**	**113.446.887.100**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		74.540.000	74.540.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		200.000.000	200.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	126.970.672.059	119.722.965.500
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.6	(6.550.618.400)	(6.550.618.400)
II. Tài sản cố định	**220**		**4.640.198.960.431**	**4.624.835.956.186**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	4.286.548.022.559	4.261.663.733.844
Nguyên giá	222		8.551.038.842.572	8.079.763.129.861
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.264.490.820.013)	(3.818.099.396.017)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	353.650.937.872	363.172.222.342
Nguyên giá	228		490.683.788.146	489.761.788.146
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(137.032.850.274)	(126.589.565.804)
III. Bất động sản đầu tư	**230**	4.11	**2.708.820.292.692**	**2.732.238.312.169**
1. Nguyên giá	231		4.397.457.828.790	4.275.911.691.064
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.688.637.536.098)	(1.543.673.378.895)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**6.002.270.042.050**	**4.607.439.323.381**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.12	32.288.469.398	43.910.932.084
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.13	5.969.981.572.652	4.563.528.391.297
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	4.2	**473.977.203.630**	**533.246.143.808**
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		305.737.840.018	310.520.402.359
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		171.002.252.350	163.512.562.294
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.762.888.738)	(786.820.845)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	60.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.432.594.377.048**	**941.095.637.803**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	1.392.315.441.470	917.853.154.045
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.9	40.278.935.578	23.242.483.758
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**21.978.377.327.485**	**20.492.806.378.083**

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**12.703.129.109.101**	**12.057.000.814.033**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**3.274.688.924.481**	**3.402.211.583.906**
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.14	616.880.110.076	652.887.785.817
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	382.802.939.386	704.552.324.011
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.16	112.653.996.180	83.338.723.970
4. Phải trả người lao động	314	4.17	163.968.985.816	181.338.637.411
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.18	150.942.518.113	194.342.442.361
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.19	178.849.205.484	157.323.609.360
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.20	206.902.556.823	233.471.678.698
8. Vay ngắn hạn	320	4.21	1.222.978.247.519	999.632.493.875
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		25.446.393.736	19.931.126.901
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.22	213.263.971.348	175.392.761.502
II. Nợ dài hạn	**330**		**9.428.440.184.620**	**8.654.789.230.127**
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		13.753.755.089	12.233.220.218
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.18	651.422.554.945	499.601.140.087
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.19	4.406.957.998.921	4.146.669.817.711
4. Phải trả dài hạn khác	337	4.20	476.117.611.251	248.734.366.239
5. Vay dài hạn	338	4.21	3.877.429.116.410	3.745.052.351.427
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.759.148.004	2.498.334.445

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**9.275.248.218.384**	**8.435.805.564.050**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.23	**9.275.248.218.384**	**8.435.805.564.050**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.765.000.000.000	3.765.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.765.000.000.000	3.765.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		105.704.219.146	107.957.289.146
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		234.047.706.002	234.047.706.002
4. Cổ phiếu quỹ	415		(90.100.000)	(90.100.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(592.863.242.704)	(595.686.133.141)
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		597.868.145.884	481.796.881.998
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.331.087.435	4.331.087.435
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.641.633.516.662	1.340.278.851.355
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		739.715.834.683	602.780.775.912
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		901.917.681.979	737.498.075.443
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.519.616.885.959	3.098.169.981.255
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**21.978.377.327.485**	**20.492.806.378.083**

Trần Thanh Hải	Lê Thị Bích Loan	Nguyễn Thị Chung
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		5.187.428.888.415	4.974.931.094.856
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4.955.700	12.002.701
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	5.187.423.932.715	4.974.919.092.155
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	3.087.253.430.304	3.070.227.594.672
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.100.170.502.411	1.904.691.497.483
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	344.296.034.303	337.782.940.384
7. Chi phí tài chính	22	5.4	121.046.970.344	218.295.568.663
Trong đó, chi phí lãi vay	*23*		*118.253.830.309*	*129.766.838.146*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(6.885.830.148)	1.844.553.853
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	120.114.833.189	113.381.251.821
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	444.508.859.140	404.648.039.089
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.751.910.043.893	1.507.994.132.147
12. Thu nhập khác	31		31.420.872.650	24.024.312.574
13. Chi phí khác	32		10.528.615.269	15.830.051.904
14. Lợi nhuận khác	40		20.892.257.381	8.194.260.670
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.772.802.301.274	1.516.188.392.817
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	292.205.084.294	236.396.580.153
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.9	(17.036.451.820)	10.003.640.556
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.497.633.668.800	1.269.788.172.108
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		901.917.681.979	737.498.075.443
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		595.715.986.821	532.290.096.665
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.23.3	2.370	1.935
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.23.4	2.370	1.935

M.S.D.N: 3600335383
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TP. BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

Trần Thanh Hải	**Lê Thị Bích Loan**	**Nguyễn Thị Chung**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**1.772.802.301.274**	**1.516.188.392.817**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	773.389.231.367	779.975.852.321
Các khoản dự phòng	03		30.023.136.024	17.707.809.342
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục	04		(126.445.002.226)	87.333.283.938
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(208.552.430.611)	(340.647.286.432)
Chi phí lãi vay	06	5.4	118.253.830.309	129.766.838.146
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi	**08**		**2.359.471.066.137**	**2.190.324.890.132**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(187.676.475.668)	122.552.238.253
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		49.033.216.504	17.725.564.120
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		117.845.917.061	475.699.893.337
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(485.503.506.454)	(254.886.420.251)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(222.213.419.999)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(121.479.794.725)	(122.037.654.786)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.16	(283.154.529.313)	(242.362.148.061)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.911.590.436	2.821.305.230
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(95.639.223.373)	(89.164.094.761)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**1.132.594.840.606**	**2.100.673.573.213**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.073.742.622.059)	(2.923.612.687.697)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.037.272.726	904.338.181
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.718.075.000.000)	(4.182.060.831.111)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		3.382.834.378.100	4.305.194.435.973
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(21.780.000.000)	(34.650.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		40.346.480.000	4.040.741.600
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		233.731.905.592	312.517.288.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(1.155.647.585.641)**	**(2.517.666.714.814)**

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		108.032.700.000	84.580.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	3.081.387.839.194	2.710.374.954.626
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(2.595.323.910.573)	(1.909.569.387.715)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(646.846.391.920)	(583.599.092.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(52.749.763.299)**	**301.786.474.086**
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	**50**		**(75.802.508.334)**	**(115.206.667.515)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.426.243.405.928	1.541.432.193.346
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(135.586.420)	17.880.097
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	**70**	4.1	**1.350.305.311.174**	**1.426.243.405.928**

Trần Thanh Hải	Lê Thị Bích Loan	Nguyễn Thị Chung
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3600335363 ngày 01 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 05 năm 2021 để thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

Tiền thân của Tổng Công ty là Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa - Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1713/QĐUBT ngày 15 tháng 12 năm 1990 và đăng ký lại theo Quyết định số 2271/QĐ-UBT ngày 17 tháng 12 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai. Ngày 29 tháng 06 năm 2005, Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Quyết định số 2335/QĐ-UBT của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 925/QĐ - SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty với mã chứng khoán SNZ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 3.765.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	3.747.567.000.000	99,54%
Vốn góp của các cổ đông khác	17.433.000.000	0,46%
Cộng	**3.765.000.000.000**	**100,00%**

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại Số 1, Đường 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Tổng Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 50 (31/12/2020: 47 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Đầu tư phát triển đô thị công nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư;
- Dịch vụ du lịch;
- Dịch vụ quản lý môi trường;
- Đầu tư chính vào doanh nghiệp khác;
- Cho thuê nhà ở;
- Mua, bán, cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, bán hàng thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là 12 tháng.

Đối với các công ty con còn lại thì chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường được tính từ thời điểm mua nguyên vật liệu để tham gia vào một quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền.

1.4. Cấu trúc Tập đoàn

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu đa cấp gồm công ty mẹ, 06 công ty con trực tiếp và 06 công ty con gián tiếp.

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Khu công nghiệp Châu Đức, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.5. Các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp trực tiếp	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác nước sạch	63,99%	63,99%	63,99%
2.	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	12 Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ đô thị môi trường	64,04%	64,04%	64,04%
3.	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	1B-D3 Khu phố Bình Dương, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh dịch vụ cảng biển	51,00%	51,00%	51,00%
4.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	138 Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ	52,29%	52,29%	52,29%
5.	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	H22 Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê khu công nghiệp	57,95%	57,86%	57,95%
6.	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Đường 5, KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê khu công nghiệp	56,28%	51,19%	56,28%

Các công ty con gián tiếp:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp trực tiếp	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa	Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê khu công nghiệp	46,45%	46,45%	46,45%
2.	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Số 1, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê khu công nghiệp	60,65%	46,22%	53,21%

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.5. Các công ty con được hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty con gián tiếp (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp trực tiếp	Tỷ lệ lợi ích
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Xử lý nước thải, chất thải nguy hại và không nguy hại	49,00%	20,00%	36,35%
4.	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Tầng 9, Tòa nhà Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư	58,42%	46,84%	52,68%
5.	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Số 113-116 Lô C2, Đường 9, Khu dân cư An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê khu công nghiệp, xây dựng công trình	60,44%	37,95%	49,46%
6.	Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	443 Khu phố 1, Thị trấn Tân Minh, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	91,10%	42,00%	67,22%

1.6. Các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Các công ty liên kết trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Số 9 Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa,Tỉnh Đồng Nai	Xây dựng công trình	40,00%	40,00%	40,00%
2.	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo	30,01%	30,01%	30,01%
3.	Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Số 1, Đường 6A, KCN Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Giáo dục - Đào tạo - Dịch vụ	40,00%	40,00%	40,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.6. Các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Các công ty liên kết trực tiếp (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
4.	Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	Số 315, Đường Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Xây dựng công trình giao thông, đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo phương thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT))	39,72%	39,72%	39,72%
5.	Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	121 Phan Chu Trinh, P. Quang Vinh, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh nhà và hạ tầng, xây dựng	36,00%	36,00%	36,00%

Các công ty liên kết gián tiếp:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Khu phố Bình Dương, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác cảng, kỹ thuật, cung ứng, logistic	45,00%	45,00%	22,95%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Số 48, Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	25,00%	25,00%	16,00%
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai	Số 52, Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Lắp đặt ống cấp thoát nước; thiết kế công trình dân dụng; khai thác nước phục vụ công nghiệp	36,00%	36,00%	23,04%
4.	Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	30,00%	30,00%	15,30%
5.	Công ty Cổ phần BOT 319 Cường Thuận CTI	Số 168, Khu phố 11, P. An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	30,00%	30,00%	20,74%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.4. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngay khi mất quyền kiểm soát công ty con, lãi lỗ của Tập đoàn được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn với giá trị tài sản thuần chuyển nhượng tại thời điểm mất quyền kiểm soát cộng với giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

Phương pháp xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ

Tại thời điểm nắm quyền kiểm soát công ty con, lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ dần đều không quá 10 năm vào chi phí trong kết quả kinh doanh hợp nhất. Lãi từ giao dịch mua rẻ được ghi nhận là thu nhập khác khi phát sinh.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng các công ty trong Tập đoàn đang giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua, tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Bất động sản khu công nghiệp và khu đô thị được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của bất động sản xây dựng để bán bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh và các cơ sở hạ tầng khác, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu, chi phí tư vấn thiết kế và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
▪ TSCĐ hữu hình khác	03 - 40 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, bao gồm:

STT	Địa điểm	Thời gian khấu hao
1.	Quyền sử dụng đất tại mỏ đá Xuân Hòa	11 năm
2.	Quyền sử dụng đất tại Thành phố Đà Lạt	50 năm
3.	Quyền sử dụng đất tại Xí nghiệp nước Biên Hòa, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Không thời hạn, không khấu hao
4.	Quyền sử dụng đất tại Xí nghiệp nước Tân Định, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai	Không thời hạn, không khấu hao
5.	Quyền sử dụng đất tại thửa số 140, Tờ bản đồ số 5, Ấp 1, Xã Sông Ray, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai	Không thời hạn, không khấu hao
6.	Quyền sử dụng đất tại Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	15 năm
7.	Quyền sử dụng đất bao gồm 918m2 và 144m2 bổ sung tại số H22 Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	6 - 22 năm
8.	Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Khu công nghiệp Gò Dầu và Khu công nghiệp Xuân Lộc	36,5 năm - 47,5 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (03 - 10 năm).

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tập đoàn có thể lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

▪ Chi phí đền bù, giải tỏa, quyền sử dụng đất	08 - 48 năm
▪ Cơ sở hạ tầng	05 - 20 năm
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 45 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 15 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.11. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Bên góp vốn ghi nhận tài sản đóng góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải thu khác; Bên nhận góp vốn ghi nhận tài sản các bên góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải trả khác.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Ban Quản lý dự án, các bên hợp doanh sẽ quyết định phân chia kết quả hoạt động kinh doanh cho từng bên theo tỷ lệ vốn góp.

3.13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; tiền thuê đất trả trước; chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.15. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.16. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo như chi phí hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh nhà, chuyển quyền sử dụng đất; chi phí đầu tư hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh hạ tầng, chuyển quyền sử dụng mặt bằng công nghiệp và các khoản chi phí khác.

Chi phí hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh nhà, chuyển quyền sử dụng đất được ghi nhận trên diện tích đất đã chuyển nhượng cho khách hàng căn cứ vào dự toán báo cáo đầu tư do Tập đoàn lập và điều chỉnh theo chi phí thực tế phát sinh.

Chi phí đầu tư hạ tầng trích trước cho hoạt động kinh doanh hạ tầng và chuyển quyền sử dụng mặt bằng công nghiệp được ghi nhận trên phần diện tích đất cho khách hàng thuê tính theo tỷ lệ doanh thu phí mặt bằng công nghiệp ghi nhận trong năm nhân với suất đầu tư hạ tầng.

3.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng, cho thuê đất và phí sử dụng mặt bằng công nghiệp.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.19. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, Tập đoàn đã thực hiện đánh giá lại giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo Biên bản định giá và căn cứ trên Hồ sơ Quyết toán cổ phần hóa đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Tập đoàn đã thực hiện ghi nhận tăng giá gốc của khoản đầu tư này trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất với số tiền là 592.863.242.704 VND (trong đó điều chỉnh đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con là 566.015.727.591 VND và điều chỉnh đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết là 26.847.515.113 VND), trong khi phần vốn chủ sở hữu của các đơn vị nhận đầu tư này của Tập đoàn không được định giá lại - Xem thêm mục 4.23.1.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được định giá lại và giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

3.20. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu từ tiền cho thuê tài sản hoạt động được trình bày tại mục 3.9.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày tại mục 3.21 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.21. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

3.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.23. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn và khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên; chi phí nguyên liệu, vật liệu và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.25. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cho thuê đất, phí hạ tầng, xử lý chất thải đối với các doanh nghiệp chế xuất 0%
- Cung cấp nước sạch sản xuất 5%
- Hoạt động cho thuê lại đất, cho thuê nhà xưởng, cho thuê văn phòng và các hoạt động khác 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.27. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.28. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.29. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	2.879.003.751	1.863.563.721
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	394.239.309.743	314.495.933.530
Tiền đang chuyển	-	28.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	953.186.997.680	1.109.855.908.677
Cộng	**1.350.305.311.174**	**1.426.243.405.928**

(*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng. Trong đó, một phần các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các công ty con được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn - Xem thêm mục 4.21.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh là khoản đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa của công ty con - Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền, được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Giá gốc	222.213.419.999	-
Giá trị hợp lý	567.270.000.000	-
Dự phòng	-	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn được chi tiết như sau:

Đvt: Ngàn đồng

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng	2.381.704.582	2.381.704.582	2.983.761.296	2.983.761.296

Một phần các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các công ty con được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn - Xem thêm mục 4.21.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Đầu tư vào công ty liên kết	305.737.840.018	310.520.402.359
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	171.002.252.350	163.512.562.294
Dự phòng đầu tư dài hạn	(2.762.888.738)	(786.820.845)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	60.000.000.000
Cộng	**473.977.203.630**	**533.246.143.808**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Tỷ lệ lợi ích	Vốn góp theo phương pháp giá gốc	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Vốn góp theo phương pháp giá gốc	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	39,72%	112.000.000.000	84.556.541.058	39,72%	112.000.000.000	98.028.933.262
Công ty Cổ phần BOT 319 Cường Thuận CTI	20,74%	60.750.000.000	58.186.636.369	20,74%	57.720.000.000	57.720.000.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	40,00%	33.436.575.595	36.018.537.601	40,00%	33.436.575.595	34.120.752.616
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	22,95%	13.500.000.000	14.317.934.235	22,95%	13.500.000.000	14.878.413.840
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	16,00%	43.750.000.000	30.898.447.852	16,00%	25.000.000.000	19.648.328.609
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	40,00%	12.524.493.524	11.221.333.536	40,00%	12.524.493.524	11.628.616.836
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	30,01%	10.295.294.400	14.524.116.613	30,01%	10.295.294.400	12.762.956.555
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	23,04%	7.800.368.003	16.482.013.815	23,04%	7.800.368.003	14.908.543.547
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	15,30%	1.665.000.000	5.229.406.460	15,30%	1.665.000.000	4.960.303.985
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	36,00%	21.578.551.008	34.302.872.479	36,00%	21.578.551.008	30.692.920.505
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 - Đồng Nai		-	-	20,00%	7.489.690.056	11.170.632.604
Cộng		**317.300.282.530**	**305.737.840.018**		**303.009.972.586**	**310.520.402.359**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Amata	47.180.395.294	(*)	-	47.180.395.294	(*)	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Châu Đức	19.800.000.000	(*)	-	19.800.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Cấu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	11.250.000.000	(*)	(116.161.648)	11.250.000.000	(*)	(786.820.845)
Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền	10.000.000.000	(*)	-	10.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai (BOT Cầu Đồng Nai)	72.516.189.000	(*)	(2.646.727.090)	72.516.189.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh	1.054.088.000	(*)	-	1.054.088.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	1.711.890.000	10.023.240.000	-	1.711.890.000	12.405.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 - Đồng Nai	7.489.690.056	(*)	-	-	-	-
Cộng	**171.002.252.350**		**(2.762.888.738)**	**163.512.562.294**		**(786.820.845)**

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ngoại trừ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai) để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	11.392.015.777	1.440.410.405
Phải thu từ khách hàng:		
Phòng Tài nguyên Môi trường TP. Biên Hòa	85.063.274.654	14.628.193.476
Phòng Quản lý đô thị Biên Hòa	37.636.168.914	68.237.495.171
Phải thu khách hàng chuyển QSD đất KDC Lộc An	59.823.266.400	18.352.489.289
Phải thu khách hàng khác liên quan đến hoạt động cung cấp nước sạch	53.058.422.968	43.237.076.154
Phải thu khách hàng khác liên quan đến hoạt động dịch vụ cảng biển	99.895.976.613	105.161.558.735
Phải thu các khách hàng khác	331.966.021.220	290.769.655.886
Cộng	**678.835.146.546**	**541.826.879.116**

Tại ngày 31/12/2021, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại các công ty con được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn - Xem thêm mục 4.21

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	2.106.648.940	10.019.561.507
Trả trước cho người bán:		
Trung tâm Phát triển Quỹ đất TP. Biên Hòa	127.295.583.418	249.418.422.330
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Trảng Bom	896.733.526.126	896.599.271.870
Các nhà cung cấp khác	206.601.601.785	146.060.364.860
Cộng	**1.232.737.360.269**	**1.302.097.620.567**

Tại ngày 31/12/2021, trả trước cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác bên liên quan - Xem thêm mục 8	394.232.145	-	1.315.440.000	-
Đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai (*) - Xem thêm mục 8	93.062.403.717	-	-	-
Dự thu lãi tiền gửi	59.663.811.379	-	106.154.102.100	-
Khoản tiền bồi thường về việc Phê duyệt bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án CCN Long Phước 1 tại Xã Long Phước, Huyện Long Thành	32.297.164.346	-	8.755.475.031	-
Tạm ứng kinh phí bồi thường dự án Khu công nghiệp Tân Đức	30.000.000.000	-	-	-
Kỹ quỹ, ký cược	14.752.619.325	-	39.688.141.608	-
Phải thu khác	37.545.126.295	-	37.204.097.845	-
Cộng	**267.715.357.207**	**-**	**193.117.256.584**	**-**
Dài hạn:				
Đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty ICD Tân Cảng Long Bình (**)	91.470.000.000	-	91.470.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	25.344.001.120	-	18.096.294.561	-
Phải thu khác	10.156.670.939	(6.476.078.400)	10.156.670.939	(6.476.078.400)
Cộng	**126.970.672.059**	**(6.476.078.400)**	**119.722.965.500**	**(6.476.078.400)**

(*) Là khoản góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 18/HĐHTĐT/KDN ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai để thực hiện dự án đầu tư xây dựng 50 căn nhà liên kế vườn tại Khu dân cư số 3, Phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(**) Là khoản góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 485/HD-ICDLB-SZB ngày 21 tháng 9 năm 2013, Phụ lục số 485/HD-ICDLB-SZB/PL1 ngày 08 tháng 05 năm 2014 và Phụ lục số 485/HD-ICDLB-SZB/PL2 ngày 15 tháng 06 năm 2015, giữa công ty con - Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình với Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình để thực hiện dự án đầu tư, xây dựng kho tại khu đất ICD Tân Cảng Long Bình và thực hiện các hoạt động kinh doanh dịch vụ kho và các giá trị gia tăng liên quan đến dịch vụ kho với thời gian thực hiện dự án là 45 năm kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2013. Tổng mức đầu tư của dự án là 323.409.000.000 VND, trong đó vốn tự có của dự án là 186.673.000.000 VND. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình đã góp đủ 49% vốn tự có của dự án.

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	78.380.547.595	33.619.349.448	57.248.347.190	21.293.606.525

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Cấu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	6.226.773.400	-	Trên 3 năm	6.226.773.400	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai	9.792.331.605	4.410.949.957	Từ 06 tháng đến dưới 3 năm	7.760.026.614	4.540.341.787	Từ 06 tháng đến dưới 2 năm
Công ty Cổ phần Tấm lợp và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai	5.081.341.443	2.356.842.225	Từ 06 tháng đến dưới 3 năm	4.704.323.812	2.561.415.421	Từ 06 tháng đến dưới 3 năm
Công ty TNHH Vạn Phúc	1.291.119.074	-	Trên 3 năm	1.291.119.074	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	55.988.982.073	26.851.557.266	Trên 6 tháng	37.266.104.290	14.191.849.317	Trên 6 tháng
Cộng	**78.380.547.595**	**33.619.349.448**		**57.248.347.190**	**21.293.606.525**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	49.956.524.972	(133.181.950)	44.644.995.843	-
Công cụ, dụng cụ	2.105.620.549	-	4.513.170.936	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	355.199.970.365	-	379.359.720.542	-
Dự án Khu dân cư Xã Lộc An, Huyện Long Thành	*67.220.497.959*	-	*130.258.098.507*	-
Dự án Chung cư D2D	*24.915.755.344*	-	*24.915.755.344*	-
Dự án Khu dân cư An Hòa 3	*45.064.193.650*	-	*44.051.847.967*	-
Các dự án khác	*217.999.523.412*	-	*180.134.018.724*	-
Thành phẩm	2.874.961.721	-	5.460.145.646	-
Hàng hóa	2.226.161.621	-	1.936.847.915	-
Cộng	**412.363.239.228**	**(133.181.950)**	**435.914.880.882**	**-**

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1	-	10.062.858.044
Công cụ dụng cụ	924.286.453	764.101.246
Các khoản khác	3.841.179.136	11.389.476.111
Cộng	**4.765.465.589**	**22.216.435.401**
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả trước	912.174.976.796	404.441.446.985
Trả trước tiền đền bù giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Thạnh Phú	287.287.148.603	288.694.402.696
Công cụ, dụng cụ	6.452.326.585	12.714.106.915
Chi phí trả trước dài hạn khác	186.400.989.486	212.003.197.449
Cộng	**1.392.315.441.470**	**917.853.154.045**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2021	3,176,189,998,105	1,482,487,618,104	3,270,602,832,716	89,011,820,054	61,470,860,882	8,079,763,129,861
Đầu tư XDCB hoàn thành	243,964,748,314	163,560,259,549	55,760,933,087	-	1,494,490,109	464,780,431,059
Mua trong năm	1,020,711,314	1,261,832,845	6,415,388,215	2,949,200,803	115,000,000	11,762,133,177
Thanh lý, nhượng bán	-	(488,552,528)	(3,957,100,930)	-	-	(4,445,653,458)
Giảm khác	(821,198,067)	-	-	-	-	(821,198,067)
Tại ngày 31/12/2021	**3,420,354,259,666**	**1,646,821,157,970**	**3,328,822,053,088**	**91,961,020,857**	**63,080,350,991**	**8,551,038,842,572**
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2021	1,524,494,558,098	793,236,029,914	1,387,522,193,006	69,664,482,659	43,182,132,340	3,818,099,396,017
Khấu hao trong năm	148,515,784,624	122,012,321,754	164,087,030,630	7,618,520,173	9,335,549,004	451,569,206,185
Thanh lý, nhượng bán	-	(488,552,528)	(3,957,100,930)	-	-	(4,445,653,458)
Giảm khác	(732,128,731)	-	-	-	-	(732,128,731)
Tại ngày 31/12/2021	**1,672,278,213,991**	**914,759,799,140**	**1,547,652,122,706**	**77,283,002,832**	**52,517,681,344**	**4,264,490,820,013**
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2021	1,651,695,440,007	689,251,588,190	1,883,080,639,710	19,347,337,395	18,288,728,542	4,261,663,733,844
Tại ngày 31/12/2021	**1,748,076,045,675**	**732,061,358,830**	**1,781,169,930,382**	**14,678,018,025**	**10,562,669,647**	**4,286,548,022,559**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.622.970.139.489 VND.

Một phần TSCĐ hữu hình của các công ty con được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn - Xem thêm mục 4.21.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	470,998,471,655	15,768,473,464	2,994,843,027	489,761,788,146
Mua trong năm	-	922,000,000	-	922,000,000
Tại ngày 31/12/2021	**470,998,471,655**	**16,690,473,464**	**2,994,843,027**	**490,683,788,146**
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	112,776,725,693	11,922,363,358	1,890,476,753	126,589,565,804
Khấu hao trong năm	8,951,216,394	1,430,456,916	61,611,160	10,443,284,470
Tại ngày 31/12/2021	**121,727,942,087**	**13,352,820,274**	**1,952,087,913**	**137,032,850,274**
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	358,221,745,962	3,846,110,106	1,104,366,274	363,172,222,342
Tại ngày 31/12/2021	**349,270,529,568**	**3,337,653,190**	**1,042,755,114**	**353,650,937,872**

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 43.275.350.141 VND.

Một số quyền sử dụng đất của các công ty con được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn - Xem thêm mục 4.21.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Chi phí đền bù, giải tỏa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	BĐS đầu tư khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2021	843,015,033,897	1,714,655,777,033	1,642,188,324,302	72,041,649,411	4,010,906,421	4,275,911,691,064
Đầu tư XDCB hoàn thành	985,591,668	33,395,841,290	92,545,042,836	9,493,468,843	534,998,182	136,954,942,819
Mua trong năm	-	1,014,994,513	-	-	-	1,014,994,513
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	(15,062,560,152)	-	-	(15,062,560,152)
Giảm khác	-	(1,251,094,493)	(110,144,961)	-	-	(1,361,239,454)
Tại ngày 31/12/2021	**844,000,625,565**	**1,747,815,518,343**	**1,719,560,662,025**	**81,535,118,254**	**4,545,904,603**	**4,397,457,828,790**
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2021	334,803,018,540	577,548,938,006	587,655,519,095	40,027,651,379	3,638,251,875	1,543,673,378,895
Khấu hao trong năm	13,540,885,885	52,237,906,824	79,001,708,824	5,261,466,858	165,799,624	150,207,768,015
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	(4,016,277,790)	-	-	(4,016,277,790)
Giảm khác	-	(1,227,333,022)	-	-	-	(1,227,333,022)
Tại ngày 31/12/2021	**348,343,904,425**	**628,559,511,808**	**662,640,950,129**	**45,289,118,237**	**3,804,051,499**	**1,688,637,536,098**
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2021	508,212,015,357	1,137,106,839,027	1,054,532,805,207	32,013,998,032	372,654,546	2,732,238,312,169
Tại ngày 31/12/2021	**495,656,721,140**	**1,119,256,006,535**	**1,056,919,711,896**	**36,246,000,017**	**741,853,104**	**2,708,820,292,692**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 527.601.457.418 VND.

Một phần bất động sản đầu tư tại các công ty con được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn - Xem thêm mục 4.21.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.12. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bãi chôn lấp chất thải an toàn, chất thải sinh hoạt	32.288.469.398	32.288.469.398	43.910.932.084	43.910.932.084

4.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Châu Đức	4.411.024.485.851	3.553.398.893.659
Dự án Golf Châu Đức	427.954.380.817	193.736.801.331
Chi phí mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2	221.179.562.785	180.745.009.225
Dự án Cụm công nghiệp Long Phước	215.486.820.641	36.980.102.415
Dự án cấp nước Nhơn Trạch	105.636.735.409	105.544.349.019
Dự án Khu công nghiệp Long Thành	92.039.546.039	2.015.650.145
Dự án Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2	90.549.072.099	69.867.350.716
Công trình xử lý rác Huyện Quang Trung	73.786.759.315	70.804.954.004
Công trình xử lý rác Huyện Vĩnh Cửu	56.881.703.602	131.637.331.392
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	275.442.506.094	218.797.949.391
Cộng	**5.969.981.572.652**	**4.563.528.391.297**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	36.554.881.262	36.554.881.262	34.812.075.817	34.812.075.817
Phải trả cho người bán:				
Hội đồng bồi thường Huyện Châu Đức	112.619.457.973	112.619.457.973	130.488.067.322	130.488.067.322
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải HPS Marine	36.444.491.000	36.444.491.000	42.984.103.000	42.984.103.000
Doanh nghiệp tư nhân Duy Khương	22.273.464.698	22.273.464.698	44.067.177.961	44.067.177.961
Công ty TNHH Duy Hiếu	7.103.753.090	7.103.753.090	28.480.700.906	28.480.700.906
Phải trả cho các đối tượng khác	401.884.062.053	401.884.062.053	372.055.660.811	372.055.660.811
Cộng	**616.880.110.076**	**616.880.110.076**	**652.887.785.817**	**652.887.785.817**

4.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Khách hàng trả tiền trước là bên liên quan - Xem thêm mục 8	168.736.881	26.876.802
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thép Việt Nhật	96.295.841.242	2.195.000.000
Công ty TNHH Rich Base	43.716.469.064	-
Công ty TNHH KHGEARS Việt Nam	38.337.767.787	1.048.000.000
Các khác hàng khác	204.284.124.412	701.282.447.209
Cộng	**382.802.939.386**	**704.552.324.011**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2021 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	2.575.787.005	18.379.887.766	209.062.815.362	(178.758.420.343)	-	46.108.495.780
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.060.297.267	52.387.366.888	289.420.881.603	(283.154.529.313)	731.475.108	50.324.897.019
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.201.351.856	41.583.940.254	(39.587.966.317)	-	7.197.325.793
Thuế tài nguyên	4.498.658.709	1.179.582.296	21.550.184.801	(15.914.449.991)	-	2.316.658.397
Tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp	-	433.418.091	428.333.561.997	(430.206.213.301)	2.898.726.406	1.459.493.193
Phí, lệ phí	-	453.380.114	5.558.943.181	(5.014.322.804)	-	998.000.491
Thuế khác	86.677.997	5.303.736.959	55.684.958.220	(56.654.976.680)	2.085.005	4.249.125.507
Cộng	**16.221.420.978**	**83.338.723.970**	**1.051.195.285.418**	**(1.009.290.878.749)**	**3.632.286.519**	**112.653.996.180**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2021.

4.18. Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí trích trước giá thành kế hoạch Dự án Khu dân cư Phường Thống Nhất	33.973.150.529	86.122.557.869
Trích trước tiền thuê đất	26.885.570.540	22.888.164.272
Chi phí lãi vay phải trả	13.550.154.107	16.870.593.308
Chi phí phải trả khác	76.533.642.937	68.461.126.912
Cộng	**150.942.518.113**	**194.342.442.361**
Dài hạn:		
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn kinh doanh Khu công nghiệp	643.702.922.190	491.034.072.332
Chi phí phải trả khác	7.719.632.755	8.567.067.755
Cộng	**651.422.554.945**	**499.601.140.087**

4.19. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu nhận trước cho thuê đất, hạ tầng khu công nghiệp	163.584.851.216	143.780.875.658
Doanh thu chưa thực hiện khác	15.264.354.268	13.542.733.702
Cộng	**178.849.205.484**	**157.323.609.360**
Dài hạn:		
Doanh thu nhận trước cho thuê đất, hạ tầng khu công nghiệp	4.369.343.131.582	4.107.449.264.399
Doanh thu chưa thực hiện khác	37.614.867.339	39.220.553.312
Cộng	**4.406.957.998.921**	**4.146.669.817.711**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14.585.484.784	11.996.072.204
Nhận ký quỹ, ký cược	65.615.613.863	90.268.428.266
Phải trả ngân sách Nhà nước	47.382.461.015	47.382.488.015
Các khoản phải trả, phải nộp khác	79.318.997.161	83.824.690.213
Cộng	**206.902.556.823**	**233.471.678.698**
Dài hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	94.749.998.164	100.595.684.164
Nhận ký quỹ, ký cược	126.684.951.076	113.369.730.801
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng	16.530.632.897	16.530.632.897
Nhận góp vốn Khu dân cư Hữu Phước	220.550.897.205	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.601.131.909	18.238.318.377
Cộng	**476.117.611.251**	**248.734.366.239**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.21. Vay

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2021 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	999.632.493.875	999.632.493.875	1.943.690.605.919	1.820.344.852.275	1.122.978.247.519	1.122.978.247.519
Trái phiếu (*)	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	999.632.493.875	999.632.493.875	2.043.690.605.919	1.820.344.852.275	1.222.978.247.519	1.222.978.247.519
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	3.745.052.351.427	3.745.052.351.427	916.332.029.662	1.182.751.264.679	3.478.633.116.410	3.478.633.116.410
Trái phiếu (*)	-	-	500.301.000.000	101.505.000.000	398.796.000.000	398.796.000.000
Cộng	3.745.052.351.427	3.745.052.351.427	1.416.633.029.662	1.284.256.264.679	3.877.429.116.410	3.877.429.116.410
Tổng cộng	**4.744.684.845.302**	**4.744.684.845.302**	**3.460.323.635.581**	**3.104.601.116.954**	**5.100.407.363.929**	**5.100.407.363.929**

(*) Là khoản phát hành trái phiếu không chuyển đổi của công ty con - Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức với tổng mệnh giá là 500.000.000.000 VND, lãi suất linh hoạt, đáo hạn vào năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vay ngân hàng là các khoản vay tại các ngân hàng, được đảm bảo bằng tài sản của các công ty con, chi tiết như sau - Xem thêm các mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.9, 4.10, 4.11:

- Tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền gồm:
  - + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn;
  - + Khoản phải thu khách hàng;
  - + Giá trị còn lại cuối năm của Bất động sản đầu tư là 222.445.304.443 VND;
- Tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai gồm:
  - + Một phần Nhà máy nước Thiện Tân theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TT1 ngày 10/07/2011;
  - + Hệ thống cấp nước Thạnh Phú theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TP ngày 10/07/2011;
  - + Quyền sử dụng đất tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSD đất số 0934404; Quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 747312604100101;
  - + Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 hình thành trong tương lai;
  - + Nhà làm việc Xí nghiệp nước Xuân Lộc tại thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai;
  - + Hệ thống cấp nước thị trấn Định Quán và hệ thống cấp nước P. Tân Biên, TP. Biên Hoà;
  - + Tài sản hình thành trong tương lai: Hệ thống cấp nước Xã Long Hưng Giai đoạn 2; Hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu 15.000m3; Hệ thống cấp nước Thị trấn Trảng Bom Giai đoạn 2; Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Tân - Trị An; Hệ thống cấp nước xã Bình Sơn, huyện Long Thành và Hệ thống cấp nước xã Long An, huyện Long Thành;
  - + Công trình hệ thống cấp nước P. Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, công suất 7.000 m3/ngày và các tài sản hình thành sau cải tạo, lắp đặt các tuyến ống trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai;
  - + Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân Giai đoạn 2;
  - + Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình lần lượt là 1.075.110.015.037 VND và 292.329.166.296 VND.
- Tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi gồm:
  - + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
- Tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai gồm:
  - + Bến tàu 30.000 DWT;
  - + 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014);
  - + Toàn bộ công trình xây dựng trên đất và tài sản đầu tư trên đất, khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản của dự án nâng cấp mở rộng cầu cảng số 2 (bến sà lan 3.000 DWT) tại P. Long Bình Tân, tỉnh Đồng Nai (Theo hợp đồng thế chấp số 094/14/VCB.BH);
  - + Chân đế trụ cẩu thuộc công trình bến sà lan 3.000 DWT tại P. Long Bình Tân;

+ 01 cẩu bờ cố định 40T/30M-Macgregor GL4030-2 (Theo Hợp đồng thế chấp số 211/14/VCB.BH);

+ Công trình đồng bộ - nhà kho CFS diện tích 5.250m2 (thuộc dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 tại P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai) (Theo hợp đồng thế chấp số 054.13);

+ Tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đỏ 7,15ha và 2,17ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản 02/CĐN/2017/HĐTC ngày 29 tháng 09 năm 2017);

+ Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình lần lượt là 193.389.676.027 VND và 606.878.097 VND.

- Tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai gồm:

  + Quyền khai thác tài nguyên mỏ đá Tân Cang;
  + Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 5.775.787.060 VND.

- Tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành gồm:

  + Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư là 56.968.710.746 VND.

- Tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình gồm:

  + Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư là 13. 203.083.722 VND.

- Tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi gồm:

  + Quyền sử dụng đất thửa số 204, tờ bản đồ số 45 với diện tích 181.503 m2 tại xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 582682 theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 21/2021/HĐSĐBS-QBVMT ngày 31 tháng 12 năm 2021;

  + Tài sản thuộc dự án đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải Quang Trung theo Hợp đồng thế chấp số 35/HĐTC-TD ngày 28 tháng 09 năm 2015.

- Tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay và trái phiếu của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức gồm:

  + Khoản tiền gửi có kỳ hạn;

  + Quyền thu phí từ tháng 08/2011 đến 31/12/2045 của trạm thu phí 2a và 2b trên đường Đồng Khởi và trạm thu phí 4a trên đường vào nhà máy nước Thiện Tân của dự án BOT, quyền thu phí tại trạm số 1 và trạm số 3 thuộc dự án Đường BOT - Đường 768;

  + Một phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các thửa đất tại xã Nghĩa Thành và xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức và xã Sông Xoài, xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0312/2021/HĐBĐ/ NHCT924-SZC ngày 26/03/2021, số 1017/2020 - HĐBĐ/NHCT924 – SZC ngày 20/10/2020, số 1109/2019/HĐBĐ/NHCT924-SZC ngày 11/11/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

và tài sản gắn liền với đất số 0903/2019/HĐBĐ/NHCT 924 –SZC ngày 08 tháng 04 năm 2019; và các văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7;

+ Các quyền tài sản phát sinh từ việc đầu tư Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Châu Đức theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 1022/2020/NHCT924-SZC ngày 23/10/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7;

+ Các quyền tài sản (bao gồm: quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ) theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 1023/2020/NHCT924-SZC ngày 23/10/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7;

+ Các quyền khai thác phát sinh từ các lô đất đủ điều kiện kinh doanh và có nguồn gốc sử dụng là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm thuộc Khu công nghiệp Châu Đức theo Hợp đồng thế chấp quyền khai thác số 1024/2020/NHCT924-SZC ngày 23/10/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7;

+ Quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo GCNQSDĐ QSHNO và tài sản gắn liền với đất số BM 510880 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 148/2019/3211825/HĐBĐ;

+ Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của dự án sân Golf Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 050449 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường - Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 01 năm 2020;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 756195 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường - Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 07 năm 2020;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 756197 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường – tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 07 năm 2020;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 050450 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 13/01/2020 và cập nhật vào ngày 23/10/2020.

- Tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình gồm:

  + Các khoản tiền gửi có kỳ hạn;
  + Tài sản cố định và bất động sản đầu tư.

4.22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Số dư đầu năm	175.392.761.502	149.722.050.934
Tăng trong năm	133.665.869.871	118.113.389.084
Giảm trong năm	(95.794.660.025)	(92.442.678.516)
Số dư cuối năm	**213.263.971.348**	**175.392.761.502**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.23. Vốn chủ sở hữu

4.23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

ĐVT: Triệu đồng

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu										
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Tại ngày 01/01/2020	3.765.000	107.307	182.186	(90)	(595.686)	422.162	15.473	956.448	3.056	2.872.458	7.728.314
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	737.498	-	532.290	1.269.788
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	-	-	-	106.100	(11.142)	(94.958)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(63.188)	-	(50.819)	(114.007)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(188.246)	-	(350.816)	(539.062)
Tăng/(giảm) từ liên kết	-	650	-	-	-	-	-	8.685	-	-	9.335
Tăng/(giảm) do ngừng hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	(22)	-	(20)	(42)
Tăng/(giảm) vốn trong năm	-	-	51.862	-	-	(51.862)	-	-	-	84.580	84.580
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	5.397	-	(15.938)	-	10.497	(44)
Hoàn trả lại Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.056)	-	(3.056)
Tại ngày 01/01/2021	**3.765.000**	**107.957**	**234.048**	**(90)**	**(595.686)**	**481.797**	**4.331**	**1.340.279**	**-**	**3.098.170**	**8.435.806**
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	901.918	-	595.716	1.497.634
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	-	-	-	116.071	-	(116.071)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(74.178)	-	(57.176)	(131.354)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(376.492)	-	(272.944)	(649.436)
Tăng/(giảm) từ liên kết	-	(2.253)	-	-	2.823	-	-	(2.823)	-	-	(2.253)
Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(33.235)	-	33.235	-
Tăng/(giảm) vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	114.788	114.788
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-	-	2.235	-	7.828	10.063
Tại ngày 31/12/2021	**3.765.000**	**105.704**	**234.048**	**(90)**	**(592.863)**	**597.868**	**4.331**	**1.641.633**	**-**	**3.519.617**	**9.275.248**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn bao gồm các khoản sau:

- Chênh lệch đánh giá lại tài sản của công ty con - Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai: 64.235.766.100 VND;
- Khoản điều chỉnh hợp nhất cho khoản chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty được định giá lại theo Biên bản định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt và giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư với số tiền là 528.627.476.604 VND, được chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Giá trị đánh giá lại VND
	Công ty con:	
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	9.951.757.800
2.	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	151.139.520.000
3.	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	7.527.007.879
4.	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	141.384.600.000
5.	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	126.526.600.000
6.	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	35.060.426.804
7.	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	16.815.054.500
8.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	11.000.000.000
9.	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.374.994.508
	Cộng	**501.779.961.491**
	Công ty liên kết:	
1.	Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	10.643.627.425
2.	Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	7.862.370.888
3.	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	8.341.516.800
	Cộng	**26.847.515.113**
	Tổng cộng	**528.627.476.604**

4.23.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	376.500.000	376.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	376.500.000	376.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(8.200)	(8.200)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	376.491.800	376.491.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.23.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	901.917.681.979	737.498.075.443
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(9.679.339.594)	(8.980.854.536)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	892.238.342.385	728.517.220.907
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	376.491.800	376.491.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.370**	**1.935**

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 86/NQ-SNZ-QTTH ngày 28 tháng 04 năm 2021.

4.23.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	901.917.681.979	737.498.075.443
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(9.679.339.594)	(8.980.854.536)
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	892.238.342.385	728.517.220.907
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	376.491.800	376.491.800
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	376.491.800	376.491.800
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**2.370**	**1.935**

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 86/NQ-SNZ-QTTH ngày 28 tháng 04 năm 2021.

4.24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Ngoại tệ các loại:		
USD	561.849,26	153.865,31
EUR	15,00	15,00

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	8.610.803.452	8.607.269.452

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu kinh doanh khu công nghiệp	1.428.312.666.952	1.359.063.798.055
Doanh thu kinh doanh nhà và hạ tầng	525.689.528.990	373.285.513.756
Doanh thu kinh doanh cung cấp nước sạch	1.147.408.307.633	1.108.376.689.715
Doanh thu kinh doanh dịch vụ cảng	892.513.207.436	793.587.701.756
Doanh thu kinh doanh xử lý chất thải	796.309.523.541	810.961.758.269
Doanh thu khác	397.195.653.863	529.655.633.305
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.955.700)	(12.002.701)
Doanh thu thuần	**5.187.423.932.715**	**4.974.919.092.155**
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	67.111.214.251	8.317.620.289

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn kinh doanh khu công nghiệp	563.352.160.663	627.771.914.002
Giá vốn kinh doanh nhà và hạ tầng	176.615.628.778	110.852.317.039
Giá vốn kinh doanh cung cấp nước sạch	692.038.900.310	646.796.345.503
Giá vốn kinh doanh dịch vụ cảng	624.309.977.506	545.573.366.700
Giá vốn kinh doanh xử lý chất thải	672.461.479.766	680.290.643.380
Giá vốn khác	358.475.283.281	458.943.008.048
Cộng	**3.087.253.430.304**	**3.070.227.594.672**

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	169.358.457.128	311.937.393.462
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.346.180.905	24.042.723.836
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	33.346.480.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.799.914.044	850.275.384
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	126.445.002.226	-
Doanh thu tài chính khác	-	952.547.702
Cộng	**344.296.034.303**	**337.782.940.384**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	118.253.830.309	129.766.838.146
Dự phòng/(Hoàn nhập) tổn thất đầu tư	1.976.067.893	(966.169.104)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	70.223.528	415.077.452
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	87.333.283.938
Chi phí tài chính khác	746.848.614	1.746.538.231
Cộng	**121.046.970.344**	**218.295.568.663**

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	41.919.918.427	27.966.519.862
Chi phí vật liệu	16.900.833.038	32.927.246.149
Chi phí khác bằng tiền	61.294.081.724	52.487.485.810
Cộng	**120.114.833.189**	**113.381.251.821**

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	267.475.889.467	252.663.531.195
Chi phí vật liệu quản lý	3.812.769.509	3.141.816.229
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.765.656.801	7.679.293.715
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.374.892.251	18.385.027.368
Thuế, phí, lệ phí	11.878.093.535	9.417.978.405
Chi phí dự phòng	9.969.455.253	5.545.472.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.273.483.448	37.612.168.081
Chi phí khác bằng tiền	82.958.618.876	70.202.751.505
Cộng	**444.508.859.140**	**404.648.039.089**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	607.196.117.415	714.276.667.798
Chi phí nhân công	771.564.155.062	770.854.414.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	773.389.231.367	779.975.852.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.075.397.582.639	868.988.416.771
Chi phí khác bằng tiền	538.797.243.626	447.843.428.424
Cộng	**3.766.344.330.109**	**3.581.938.779.315**

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	23.193.028.942	22.338.616.299
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	15.050.764.086	17.114.317.677
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	24.117.824.123	10.467.983.469
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	7.061.075.588	10.058.169.814
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	39.806.050.547	17.526.735.688
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	1.435.166.913	2.122.686.801
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	50.227.246.500	66.529.541.431
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	22.188.311.928	22.257.731.837
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	23.910.857.107	26.393.940.895
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	4.898.227.917	4.080.178.155
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	73.056.583.075	33.814.362.515
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	5.312.884.271	2.583.970.359
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	1.947.063.297	1.108.345.213
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**292.205.084.294**	**236.396.580.153**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn được trình bày như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tài sản thuế hoãn lại	40.278.935.578	23.242.483.758

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong năm nay và năm trước được trình bày như sau:

	Khấu hao TSCĐ VND	Chi phí trích trước VND	Lãi nội bộ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	649.953.579	25.562.323.894	7.033.846.841	33.246.124.314
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh năm trước	447.104.339	(3.436.772.117)	(7.013.972.778)	(10.003.640.556)
Tại ngày 01/01/2021	1.097.057.918	22.125.551.777	19.874.063	23.242.483.758
Hạch toán là thu nhập (chi phí) trong kết quả kinh doanh năm nay	(409.815.714)	(10.599.368.468)	28.045.636.002	17.036.451.820
Tại ngày 31/12/2021	**687.242.204**	**11.526.183.309**	**28.065.510.065**	**40.278.935.578**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	3.081.387.839.194	2.710.374.954.626

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(2.595.323.910.573)	(1.909.569.387.715)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực kinh doanh khu công nghiệp;
- Lĩnh vực kinh doanh nhà và hạ tầng;
- Lĩnh vực kinh doanh cung cấp nước sạch;
- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng;
- Lĩnh vực kinh doanh xử lý chất thải;
- Các lĩnh vực khác.

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Kinh doanh khu công nghiệp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Kinh doanh cung cấp nước sạch		Kinh doanh dịch vụ cảng		Kinh doanh xử lý chất thải		Khác		Tổng cộng	
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu thuần														
Từ khách hàng bên ngoài	1,428,313	1,359,064	525,690	373,285	1,147,408	1,108,377	892,513	793,588	796,310	810,962	397,190	529,643	5,187,424	4,974,919

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Kinh doanh khu công nghiệp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Kinh doanh cung cấp nước sạch		Kinh doanh dịch vụ cảng		Kinh doanh xử lý chất thải		Khác		Tổng cộng	
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất														
Kết quả của bộ phận	864.961	731.292	349.074	262.433	455.369	461.580	268.203	248.014	123.848	130.671	38.715	70.701	2.100.170	1.904.691
Chi phí không phân bổ													(564.623)	(518.029)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết													(6.886)	1.845
Lợi nhuận khác không phân bổ													20.892	8.194
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính													1.549.553	1.396.701
Thu nhập tài chính													344.296	337.783
Chi phí tài chính													(121.046)	(218.296)
Lợi nhuận trước thuế													1.772.803	1.516.188
Chi phí thuế TNDN hiện hành													(292.205)	(236.396)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại													17.036	(10.004)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp													**1.497.634**	**1.269.788**

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Kinh doanh khu công nghiệp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Kinh doanh cung cấp nước sạch		Kinh doanh dịch vụ cảng		Kinh doanh xử lý chất thải		Khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Tài sản không phân bổ													21.978.377	20.492.806
Nợ phải trả không phân bổ													12.703.129	12.057.001

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Kinh doanh khu công nghiệp		Kinh doanh nhà và hạ tầng		Kinh doanh cung cấp nước sạch		Kinh doanh dịch vụ cảng		Kinh doanh xử lý chất thải		Khác		Tổng cộng	
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí mua sắm tài sản													(2.073.743)	(2.923.613)
Chi phí khấu hao													773.389	779.976

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty liên kết
5. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
6. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty liên kết
7. Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	Công ty liên kết
8. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Công ty liên kết
9. Công ty TNHH Tiên Triết	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
10. Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
11. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

Đây là danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm với Tập đoàn.

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	9.199.820.643	16.513.225
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	978.691.910	121.377.900
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	293.508.224	293.508.224
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	39.503.800	46.887.225
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	9.563.840	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	857.737.220	11.588.830
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	11.199.100	-
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	1.991.040	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 Đồng Nai	-	950.535.001
Cộng - Xem thêm mục 4.3	**11.392.015.777**	**1.440.410.405**
Trả trước cho người bán ngắn hạn - Xem thêm mục 4.4:		
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	2.106.648.940	10.019.561.507

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn khác:		
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	93.062.403.717	1.315.440.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	364.435.200	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	16.875.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	12.921.945	-
Cộng - Xem thêm mục 4.5	**93.456.635.862**	**1.315.440.000**
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	12.902.134.654	17.126.333.233
Công ty Cổ phần Tiếp vận số 1 Đồng Nai	7.048.170.162	6.681.661.970
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	6.873.328.578	5.564.351.345
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	4.791.468.554	3.807.140.877
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	3.307.169.747	-
Công ty TNHH Tiên Triết	1.632.609.567	1.599.453.352
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	33.135.040
Cộng - Xem thêm mục 4.14	**36.554.881.262**	**34.812.075.817**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	19.386.802	26.876.802
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	32.465.694	-
Công ty TNHH Tiên Triết	116.884.385	-
Cộng - Xem thêm mục 4.15	**168.736.881**	**26.876.802**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Đồng Nai	56.579.814.596	269.376.455
Công ty Cổ phần Tiếp vận Số 1 Đồng Nai	5.826.785.725	2.191.126.448
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	2.170.962.875	153.735.203
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	591.828.859	563.477.074
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	575.292.250	530.566.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	405.685.501	454.936.487
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	339.846.168	615.807.133
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	323.245.356	2.496.269.928
Công ty TNHH Tiên Triết	296.662.021	383.956.740
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	1.090.900	3.272.705
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 Đồng Nai	-	655.096.116
Cộng - Xem thêm mục 5.1	**67.111.214.251**	**8.317.620.289**
Mua hàng hóa, dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	57.962.019.681	63.192.731.716
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	50.787.945.502	48.669.620.383
Công ty Cổ phần Tiếp vận số 1 Đồng Nai	49.111.235.349	48.013.063.140
Công ty TNHH Tiên Triết	4.097.814.740	3.779.088.708
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	838.875.000	52.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	655.154.774	2.456.921.462
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	253.507.720	220.689.600
Cộng	**163.706.552.766**	**166.384.615.009**

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý chủ chốt khác của Tổng Công ty được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.336.112.620	1.410.670.125
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/05/2021)	1.199.256.741	1.193.544.752
Ông Phan Đình Thám	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/05/2021) Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 28/04/2021)	408.015.443	1.242.637.652
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.120.866.035	1.172.690.488
Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.067.454.855	1.393.514.780
Bà Lương Minh Hiền	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/04/2021)	602.861.224	-
Ông Nguyễn Long Bôn	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01/12/2020)	-	516.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	205.658.790	216.281.302
Ông Phạm Quốc Chí	Thành viên Hội đồng quản trị	205.658.790	216.281.302
Bà Lê Thị Bích Loan	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/05/2020)	754.363.936	659.643.241
Bà Phan Thùy Đoan	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/05/2020)	-	159.423.281
Cộng		**6.900.248.434**	**8.180.686.923**

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập và thù lao	1.021.899.566	1.119.629.077

10. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công trình xây dựng khu xử lý chất thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	7.063.994.974	118.379.218.954
Nhà xưởng 2 - KCN Châu Đức	-	13.413.296.032
Cộng	**7.063.994.974**	**131.792.514.986**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31/12/2021, Tập đoàn có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu ước tính trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Từ 1 năm trở xuống	46.089.421.578	37.156.559.634
Trên 1 năm đến 5 năm	163.417.309.651	127.949.187.478
Trên 5 năm	746.701.981.194	685.452.428.764
Cộng	**956.208.712.423**	**850.558.175.876**

12. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2020 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2020 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.935	1.934

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được báo cáo lại do Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 số 86/NQ-SNZ-QTTH ngày 28 tháng 04 năm 2021.

13. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù không tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Tập đoàn đến ngày 31/12/2021 nhưng Tập đoàn cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên (nếu có), không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hoặc tình hình của Tập đoàn trong những giai đoạn tài chính sắp tới.

Trần Thanh Hải	Lê Thị Bích Loan	Nguyễn Thị Chung
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2022

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 220 /BC-SNZ-QTTH

Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

I. Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2021 – 2026):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập		
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II
2	Ông Phan Đình Thám	Thành viên HĐQT	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
3	Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II
4	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II
5	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II
6	Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II
7	Ông Phạm Quốc Chí	Thành viên HĐQT không điều hành	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II
8	Bà Lương Minh Hiền	Thành viên HĐQT	28/04/2021		Nhiệm kỳ II

II. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021:

1. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của HĐQT:

Trong năm 2021, HĐQT Tổng công ty có 07 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên và có 67 Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền, qua đó đã ban hành 84 Nghị Quyết/ Quyết định để lãnh đạo, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ, chỉ đạo, định hướng và giám sát hoạt động của toàn bộ hệ thống với các nội dung như sau:

- Công tác thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty và công tác thoái vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, cụ thể hoàn tất hồ sơ công tác thoái vốn tại Công ty D2D và Amata;

- Công tác chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên;

- Thông qua việc điều chỉnh, ban hành các quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT: Quy chế và Quy trình kiểm toán nội bộ; Quy chế tiền lương, thưởng và thù lao; Quy chế thi đua, khen thưởng; bãi bỏ Quy chế Giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty; Quy chế Công bố thông tin; Quy chế Quản lý tài chính; Quy chế Quản lý và đánh giá người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sonadezi;

- Rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020 - 2025 của Tổng công ty Sonadezi (năm 2021);

- Chủ trương về công tác phòng chống dịch Covid-19 tại Tổng Công ty và các công ty thành viên được an toàn đúng quy định và các chế độ tiền lương đối với người lao động bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid-19;

- Phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc của các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty;

- Chủ trương hợp tác đầu tư kinh doanh với Công ty CP Kinh doanh Nhà Đồng Nai tại Dự án: Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư (khu dân cư số 3) phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Thông qua chủ trương tìm kiếm phát triển các dự án mới trong và ngoài tỉnh Đồng Nai, nghiên cứu hình thức hợp tác với các nhà đầu tư để khai thác tối ưu thương hiệu Sonadezi, cụ thể 04 dự án: phát triển dự án Khu công nghiệp Cẩm Mỹ, KDC Trung tâm TP Nhơn Trạch, dự án hợp tác kinh doanh 141ha KCN Châu Đức, hồ sơ tham gia là nhà đầu tư Khu nhà ở phường Xuân Hà, TP Long Khánh;

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho Ban Lãnh đạo Tổng công ty, NĐDPV tại các đơn vị thành viên: xây dựng thư viện pháp luật tại Tổng Công ty, lớp phổ biến kiến thức pháp luật, workshop chủ đề "Microsoft 365 cùng doanh nghiệp phát

triển trong kỷ nguyên chuyển đổi số" và các khóa đào tạo khác cho CBNV Tổng Công ty và các Công ty thành viên cùng tham gia;

- Chủ trương nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật số trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tại Tổng công ty và các công ty thành viên, cụ thể bổ sung kế hoạch năm 2021 dự án Số hoá báo cáo tại Tổng Công ty Sonadezi;

- Tiếp tục chỉ đạo công tác truyền thông nội bộ về nhận diện thương hiệu trong toàn hệ thống, cụ thể ngày 11/08/2021 nhãn hiệu Sonadezi đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ cho 45 nhóm ngành nghề/dịch vụ phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Ghi chú:

Danh sách các cuộc họp HĐQT Tổng công ty Sonadezi và Danh sách các Nghị Quyết/ Quyết định của HĐQT năm 2021 đã được công bố tại Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021 số 36/BC-SNZ-QTTH ngày 25/01/2022 của Tổng công ty Sonadezi.

Phụ lục 1: Danh sách các Phiếu lấy ý kiến của HĐQT năm 2021.

2. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị thực hiện năm 2021:

STT	Nội dung	Kế hoạch (đồng/tháng)	Thực hiện (đồng/tháng)
1	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT	67.500.000	111.342.718
2	Thù lao của từng thành viên HĐQT	12.000.000	17.138.233
3	Tổng thù lao của 06 thành viên HĐQT		102.829.398

3. Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng công ty Sonadezi, công ty con, công ty do Tổng công ty Sonadezi nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty Sonadezi với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Chi tiết tại mục VII – Danh sách về người có liên quan của Tổng công ty và giao dịch của người có liên quan với Tổng công ty đã được công bố tại Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021 số 36/BC-SNZ-QTTH ngày 25/01/2022 của Tổng công ty Sonadezi.

4. Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2021:

Trong 2/3 thời gian của năm 2021, đại dịch Covid -19 bùng phát mạnh và kéo dài đã tác động đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của toàn hệ thống Sonadezi. Trong bối cảnh đó, Tổng công ty Sonadezi đã nỗ lực khắc phục khó khăn, linh hoạt thích ứng và kịp thời đưa ra các giải pháp sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến của dịch bệnh. HĐQT Tổng công ty đã có những nghị quyết, quyết định về chiến lược và những vấn đề trọng yếu để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức quản lý công ty mẹ và các công ty thành viên. Nhờ vậy, Tổng công ty Sonadezi không có doanh nghiệp nào bị lỗ, đảm bảo an toàn nguồn nhân lực, thực hiện đa nhiệm vụ: vừa phòng chống dịch, vừa tổ chức sản xuất an toàn và đạt một số kết quả nổi bật như sau:

- Hầu hết các đơn vị thành viên của Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch. Qua đó hợp nhất Tổng công ty đã vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

- Năm 2021 trong khi nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, so với kế hoạch, hợp nhất Tổng công ty về doanh thu vượt 16,48%, về lợi nhuận sau thuế vượt 48,00%; so với năm 2020, hợp nhất Tổng công ty về doanh thu vượt 4,08%, về lợi nhuận sau thuế vượt 17,94%;

- Về hoạt động triển khai dự án, sản phẩm, dịch vụ mới, trong mảng bất động sản KCN, Sonadezi Bình Thuận tiếp tục triển khai dự án KCN Tân Đức (quy mô 300 ha) tại xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Dự án này sẽ được đưa vào vận hành trong năm 2022, dự kiến thu hút khoảng 100 doanh nghiệp với số vốn đầu tư 300 - 400 triệu USD và tạo việc làm cho khoảng 11.000 lao động. Trong mảng dịch vụ hỗ trợ, Cảng Đồng Nai đã đầu tư xây dựng thêm một bến tàu 30.000DWT tại Cảng Gò Dầu - khu B; Công ty CP Dịch vụ Sonadezi đã triển khai thêm dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế phát sinh do dịch Covid - 19…

- Thống nhất khung chung để các công ty thành viên sửa đổi Điều lệ công ty, các Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị theo Luật Chứng khoán 2019 và Luật Doanh nghiệp 2020; việc phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc/ Giám đốc của các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty;

- Triển khai các chương trình chung trong toàn Tổng công ty về công tác xã hội cộng đồng, cụ thể trong đại dịch Covid -19, Tổng công ty Sonadezi và các đơn vị thành viên tiếp tục đẩy mạnh trách nhiệm xã hội với tổng kinh phí thực hiện trong năm 2021 là 28,5 tỷ đồng. Riêng công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong hai năm 2020 và 2021, Sonadezi đã hỗ trợ gần 32 tỷ đồng, trong đó gồm 16 tỷ đồng mua sắm thiết bị y tế, vắc xin; gần 16 tỷ đồng hỗ trợ cho các lực lượng tuyến đầu chống dịch, người dân trong vùng dịch và công nhân lao động… Bên cạnh đó, Sonadezi tiếp tục duy trì chương trình hỗ trợ kinh phí cho bệnh nhân nghèo với tổng kinh phí thực hiện đến nay là 3,5 tỷ đồng. Theo báo cáo của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai

(đơn vị phối hợp cùng Sonadezi thực hiện chương trình), sau 4 năm triển khai, chương trình đã kịp thời hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh cho 339 bệnh nhân.

- Một số sự kiện nổi bật trong năm 2021:

+ Ngày 19/3/2021, Sonadezi đạt Top 10 Công ty bất động sản công nghiệp uy tín (theo bảng xếp hạng của Vietnam Report).

+ Ngày 11/08/2021, nhãn hiệu Sonadezi đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ cho 45 nhóm ngành nghề/dịch vụ phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

+ Ngày 16/12/2021, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đã chấp thuận cho gần 55 triệu cổ phiếu của Công ty CP Sonadezi Giang Điền (mã chứng khoán SZG) được đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM. Cổ phiếu SZG đã chính thức giao dịch phiên đầu tiên vào ngày 27/12/2021. Tính đến thời điểm tháng 3/2022, toàn hệ thống Sonadezi có **6** công ty niêm yết trên sàn Hose/ HNX (mã CK: D2D, SZL, PDN, SZC, SZB, SDN) và **7** công ty giao dịch trên sàn Upcom (mã CK: SNZ, SZE, DNW, DND, SZG, SDV, DGT).

4. Về hoạt động của các thành viên HĐQT

Từng thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật.

Các thành viên HĐQT làm việc theo chế độ tập thể, có sự bàn bạc, trao đổi cụ thể, chi tiết về các vấn đề qua đó đã đạt được sự thống nhất cao trong việc nghị quyết, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.

5. Công tác chỉ đạo, giám sát đối với Tổng giám đốc:

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ, HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ, cẩn trọng xem xét, chỉ đạo, nghị quyết, quyết định các vấn đề để Tổng giám đốc điều hành một cách tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông.

Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Tổng công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Tổng công ty, thường xuyên báo cáo, trao đổi với HĐQT Tổng công ty để có những điều chỉnh kịp thời đảm bảo đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất.

HĐQT Tổng công ty và Tổng giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ, thực hiện mối quan hệ quản trị - điều hành theo đúng Điều lệ và các Quy chế nội bộ.

III. Định hướng kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022:

Với những kết quả đã đạt được năm 2021 và trước những diễn biến phức tạp khó lường của dịch bệnh Covid-19 trên thế giới và trong khu vực Đông Nam Á thời gian gần đây; căn cứ kế hoạch thoái vốn của UBND tỉnh Đồng Nai,

Trong năm 2022, HĐQT Tổng công ty tiếp tục kế thừa và phát huy các thành tích đã đạt được, tập trung nguồn lực, trí tuệ để lãnh đạo Tổng công ty tiếp tục phát triển bền vững với những nội dung trọng tâm như sau:

1. Sonadezi xây dựng kế hoạch tăng trưởng với sự thận trọng, thích ứng với từng cấp độ đại dịch và từng giai đoạn. Trong năm 2022, Sonadezi đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất là 5.516 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 1.067 tỷ đồng, nộp ngân sách là 572 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 14,16%.

2. Đảm bảo nguồn nhân lực cho sự phát triển của hệ thống. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo chung trong toàn Tổng công ty, nâng cao năng lực cán bộ quản lý, người đại diện phần vốn để phù hợp với tình hình mới; Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản lý nhân sự các cấp trên cơ sở tuân thủ các quy định;

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và hướng tới số hóa dữ liệu toàn bộ hệ thống Sonadezi.

4. Tùy tình hình thoái vốn để linh hoạt trong việc giao nhiệm vụ cho người ĐDPV tại các công ty thành viên đảm bảo có sự phối hợp, liên kết trong công tác quản lý, điều hành trên nguyên tắc hiệu quả, hài hòa lợi ích và tuân thủ pháp luật;

5. Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, phát triển các dự án trong và ngoài tỉnh Đồng Nai đồng thời nghiên cứu, đề xuất các hình thức hợp tác đầu tư, liên doanh để thực hiện các dự án trong hệ thống Sonadezi cũng như các dự án với các đối tác ngoài hệ thống Sonadezi.

6. Duy trì việc áp dụng Hệ thống nhận diện thương hiệu Tổng Công ty Sonadezi với các công ty thành viên; tiếp tục quảng bá thương hiệu Sonadezi thông qua các hoạt động truyền thông, công tác xã hội cộng đồng...

7. Gia tăng giá trị dịch vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp.

Ghi chú:

Đính kèm: Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021 số 36/BC-SNZ-QTTH ngày 25/01/2022 của Tổng công ty Sonadezi.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ 2022;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01:

DANH SÁCH CÁC PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỦA HĐQT
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

(Đính kèm Báo cáo số 220/BC-SNZ-QTTH ngày .20./04/2022 của HĐQT về hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022)

Stt	Ngày	Nội dung
1	22/01/2021	Nhóm NĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Long Bình (SZB) xin ý kiến Chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án "XD và kinh doanh hạ tầng KT KCN Xuân Lộc"
2	14/01/2021	Nhóm NĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Long Thành (SZL) xin ý kiến vay vốn đầu tư dự án " Cụm Công nghiệp Long Phước 1"
3	01/2/2021	QĐ ban hành Quy chế và quy trình Kiểm toán nội bộ
4	01/2/2021	QĐ chi thưởng các Danh hiệu thi đua cơ sở năm 2020 đối với Người quản lý chuyên trách
5	29/1/2021	Chi lương bổ sung đối với Người quản lý chuyên trách
6	17/2/2021	Đầu tư mua Cổ phiếu phát hành thêm của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai
7	23/2/2021	Rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020 - 2025 của Tổng công ty Sonadezi (năm 2021)
8	15/3/2021	Phân phối số lượng cổ phần không bán hết của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai (DNW)
9	18/3/2021	Nhóm NĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Long Thành (SZL) xin ý kiến biểu quyết phê duyệt DA Cụm CN Long Phước 1
10	19/3/2021	Chấp thuận chủ trương ký kết HĐ "Lập BC kết quả quan trắc môi trường và công tác BVMT KCN BH 1 năm 2021" với Bên có liên quan – Công ty CP Dịch vụ Sonadezi (SDV)
11	24/3/2021	Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020
12	25/3/2021	Chi lương bổ sung đối với Người quản lý chuyên trách
13	24/3/2021	Chấp thuận chủ trương Nhóm NĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Giang Điền (SZG) mua cổ phần Tổng công ty Tín Nghĩa (TID)
14	24/3/2021	Nhóm NĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Giang Điền (SZG) xin bổ sung chi phí quyết toán đầu tư xây dựng dự án thành phần Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối KCN Giang Điền với tuyến tránh QL1A (đường Võ Nguyên giáp) vào chi phí của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Giang Điền

Stt	Ngày	Nội dung
15	06/4/2021	Thông qua quy hoạch cán bộ năm 2021 của Công ty CP Sonadezi Long Thành (SZL)
16	05/4/2021	Chấp thuận chủ trương Nhóm NĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Châu Đức (SZC) xin ý kiến hợp tác đầu tư xây dựng Khu nhà ở liên kế tuyến phố thương mại (Xây dựng thô) KDC Sonadezi Hữu Phước
17	06/4/2021	Góp vốn bổ sung vào Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI
18	05/4/2021	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
19	24/3/2021	Nhóm người ĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Giang Điền xin ý kiến về việc phê duyệt Dự án Khu dân cư – Dịch vụ Giang Điền (Khu B) điều chỉnh
20	13/4/2021	Chi thưởng Người quản lý nhân ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, 30/4 và 1/5
21	13/4/2021	Phân cấp giữa HĐQT và TGĐ/GĐ Công ty CP Sonadezi An Bình và Công ty CP Xây dựng ĐN
22	23/4/2021	Phê duyệt KH lao động và Quỹ tiền lương KH năm 2021
23	26/4/2021	Giới thiệu ứng cử viên thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ II (2021 - 2026)
24	12/5/2021	Nhóm NĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Long Thành (SZL) xin ý kiến phê duyệt dự án Khu nhà ở Sonadezi Long Thành
25	13/5/2021	Xếp lương Tổng giám đốc Tổng Công ty
26	13/5/2021	Ký PLHĐ điều chỉnh một số điều khoản HĐ thuê lại đất và sử dụng HT tại KCN BH 1 với Bên có liên quan
27	18/5/2021	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng/Phó Ban, Chánh VP và Giám đốc chi nhánh Tổng công ty
28	25/5/2021	Bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty
29	25/5/2021	Điều chỉnh HĐLĐ đối với ông Phan Đình Thám
30	14/6/2021	Báo cáo về việc Công ty CP Sơn Đồng Nai mua 01 xe du lịch
31	15/6/2021	Thông qua chủ trương thực hiện ký kết hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền.
32	21/6/2021	Bổ sung kế hoạch năm 2021 dự án Số hoá báo cáo tại Tổng Công ty Sonadezi
33	22/6/2021	Chấp thuận chủ trương điều chỉnh DAĐT xây dựng công trình Hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Châu Đức, huyện Châu Đức và thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
34	22/6/2021	Chấp thuận cho Nhóm người đại diện phần vốn tại Công ty CP Cấp nước Đồng Nai biểu quyết phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D400 từ ngã ba Trị An về cầu Sông Thao
35	28/6/2021	Tờ trình chuyển nhượng CP để thoái vốn tại Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa

Stt	Ngày	Nội dung
36	28/6/2021	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai đầu tư thêm vốn khi Công ty CP Cấp nước Gia Tân tăng vốn điều lệ
37	02/7/2021	Nhóm NĐDPV tại Công ty CP D2D xin ý kiến thuê thêm 21,97 ha đất tại KCN Châu Đức
38	02/7/2021	Nhóm NĐDPV tại Công ty CP D2D xin chủ trương của việc hợp tác kinh doanh 40 căn nhà liên kế với Công ty CP Sonadezi Châu Đức
39	05/7/2021	Chấp thuận chủ trương cho Nhóm NĐDPV tại Công ty D2D biểu quyết phê duyệt dự án đầu tư Nhà văn phòng Công ty D2D
40	13/7/2021	Chấp thuận chủ trương cho Công ty CP Sonadezi An Bình điều chỉnh kế hoạch năm 2021 để thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh 35 căn nhà liên kế với Công ty CP Sonadezi Châu Đức thuộc dự án Khu dân cư Sonadezi Hữu Phước
41	21/7/2021	Chấp thuận chủ trương hợp tác đầu tư kinh doanh 50 căn nhà với Công ty CP Kinh doanh Nhà Đồng Nai tại Dự án: Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư (khu dân cư số 3) phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
42	22/7/2021	Người đại diện phần vốn xin ý kiến phê duyệt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận Trường CĐ CN và QT Sonadezi năm 2021-2022
43	26/7/2021	Nhóm NĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Long Thành phê duyệt Dự án Nhà xưởng 70 và 71 - Đầu tư xây dựng theo yêu cầu của khách hàng
44	04/8/2021	Chấp thuận chủ trương cho Nhóm người ĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Giang Điền xin ý kiến chấp thuận phê duyệt Dự án Khu dân cư – Dịch vụ Giang Điền (Khu B) điều chỉnh
45	06/8/2022	Chấp thuận chủ trương cho Nhóm NĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Bình Thuận biểu quyết phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Tân Đức, Xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận
46	12/8/2021	Về các chế độ tiền lương đối với người lao động bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid-19
47	10/9/2021	Phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc của các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty
48	13/9/2021	Chi trả cổ tức năm 2020 của Tổng công ty
49	22/9/2021	Chấp thuận chủ trương cho Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu nhà ở Bửu Long (khu 3)
50	08/10/2010	Điều chỉnh Quy chế tiền lương, thưởng và thù lao của Tổng Công ty Sonadezi
51	29/10/2021	Điều chỉnh Quy chế thi đua, khen thưởng của Tổng Công ty Sonadezi
52	29/10/2021	NĐDPV xin ý kiến họp Đại hội đồng cổ đông niên độ 2021-2022 của Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi

Stt	Ngày	Nội dung
53	08/11/2021	Người đại diện phần vốn tại Công ty cổ phần Sonadezi An Bình xin ý kiến bán cổ phần Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức
54	12/11/2021	Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2
55	12/11/2021	Đề xuất bãi bỏ Quy chế Giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty
56	12/11/2021	Chấp thuận chủ trương cho Nhóm NĐDPV tại Công ty D2D biểu quyết phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phường Thống Nhất
57	26/11/2021	Chi lương bổ sung đối với Người Quản lý chuyên trách
58	07/12/2021	Điều chỉnh Quy chế Công bố thông tin của Tổng công ty Sonadezi
59	30/11/2021	Bổ nhiệm Phó TGĐ Công ty CP Cảng Đồng Nai
60	10/12/2021	Dự thảo sửa đổi Quy chế Quản lý tài chính
61	03/12/2021	Xin ý kiến về HS họp ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2021 - 2022
62	30/11/2021	Chênh lệch tiền thuê đất của Công ty CP Hàng tiêu dùng Biên Hòa tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 giai đoạn 2006 - 2025
63	16/12/2021	Công ty CP Sonadezi Long Thành xin ý kiến về việc thực hiện bảo lãnh vay vốn dự án cụm công nghiệp Long Phước 1.
64	20/12/2021	Sửa đổi Quy chế Quản lý và đánh giá người đại diện phần vốn
65	23/12/2021	Chi lương bổ sung đối với Người Quản lý chuyên trách
66	28/12/2021	Tờ trình Nhóm NĐDPV tại Công ty CP Sonadezi Châu Đức xin ý kiến phê duyệt Dự án ĐT kinh doanh hạ tầng Khu đô thị Châu Đức
67	31/12/2021	Giảm tiền thuê đất cho khách hàng trong KCN Biên Hòa 1 năm 2021

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **TỔNG CÔNG TY SONADEZI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 36/BC-SNZ-QTTH	*Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2022*

BÁO CÁO

Tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường 1, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 8860561 Fax: (0251) 8860573
- Vốn điều lệ: 3.765.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: SNZ
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	Số 86/NQ-SNZ-QTTH	28/4/2021	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập		
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Bà Đỗ Thị Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập		
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
2	Ông Phan Đình Thám	Thành viên HĐQT	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
3	Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II
4	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II
5	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II
6	Ông Đinh Ngọc Thuận	Thành viên HĐQT	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II
7	Ông Phạm Quốc Chí	Thành viên HĐQT không điều hành	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			28/04/2021		Nhiệm kỳ II
8	Bà Lương Minh Hiền	Thành viên HĐQT	28/04/2021		Nhiệm kỳ II

2. Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự		Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
		Nhiệm kỳ I (2016-2021)	Nhiệm kỳ II (2021-2026)		
1	Đỗ Thị Thu Hằng	3	4	100%	
2	Phan Đình Thám	3	0	100%	Không tham gia HĐQT Nhiệm kỳ II
3	Trần Thanh Hải	3	4	100%	
4	Đinh Ngọc Thuận	3	4	100%	
5	Nguyễn Thị Hạnh	3	4	100%	
6	Nguyễn Văn Tuấn	3	4	100%	
7	Phạm Quốc Chí	3	4	100%	
8	Lương Minh Hiền	0	4	100%	Tham gia HĐQT Nhiệm kỳ II

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

Trong quá trình thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm, Hội đồng quản trị luôn tuân thủ Điều lệ, xem xét cẩn trọng, đưa ra các khuyến nghị, chỉ đạo để Ban Tổng giám đốc điều hành một cách tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông.

Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Tổng công ty theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, thường xuyên báo cáo, trao đổi với Hội đồng quản trị và có những điều chỉnh kịp thời đảm bảo đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất.

Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ, thực hiện mối quan hệ quản trị - điều hành theo đúng Điều lệ và các Quy chế nội bộ.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: **Không có**

5. Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	27/QĐ-SNZ-NS	06/01/2021	Quyết định về việc điều chỉnh phần vốn ủy quyền cho Người Đại diện phần vốn Tổng Công ty CP Phát triển KCN tại Công ty CP Sonadezi Giang Điền	100%
2	28/QĐ-SNZ-NS	06/01/2021	Quyết định về việc điều chỉnh phần vốn ủy quyền cho Người Đại diện phần vốn Tổng Công ty CP Phát triển KCN tại Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	100%
3	29/QĐ-SNZ-NS	06/01/2021	Quyết định về việc khen thưởng năm 2020 đối với nhóm người đại diện phần vốn Sonadezi tại Công ty CP Công ty CP Cấp nước Đồng Nai Đồng Nai	100%
4	30/QĐ-SNZ-NS	06/01/2021	Quyết định về việc khen thưởng năm 2020 đối với nhóm người đại diện phần vốn Sonadezi tại Công ty CP Phát triển Đô thị công nghiệp số 2	100%
5	31/QĐ-SNZ-NS	06/01/2021	Quyết định về việc khen thưởng năm 2020 đối với nhóm người đại diện phần vốn Sonadezi tại Công ty CP Sonadezi Long Bình	100%
6	13/QĐ-SNZ-NS	07/01/2021	Quyết định về việc khen thưởng cho tập thể đã có thành tích trong các hoạt động văn nghệ - thể thao kỷ niệm 30 năm thành lập Tổng	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Công ty (15/12/1990-15/12/2020) (Công ty CP Cấp nước Đồng Nai)	
7	32/QĐ-SNZ-NS	07/01/2021	Quyết định về việc khen thưởng cho tập thể đã có thành tích trong các hoạt động văn nghệ - thể thao kỷ niệm 30 năm thành lập Tổng Công ty (15/12/1990-15/12/2020) (Công ty CP Cảng Đồng Nai)	100%
8	33/QĐ-SNZ-NS	07/01/2021	Quyết định về việc khen thưởng cho tập thể đã có thành tích trong các hoạt động văn nghệ - thể thao kỷ niệm 30 năm thành lập Tổng Công ty (15/12/1990-15/12/2020) (Công ty CP Phát triển đô thị công nghiệp số 2)	100%
9	34/QĐ-SNZ-NS	13/01/2021	QĐ điều chỉnh nhân sự Hội đồng thi đua khen thưởng của Tổng Công ty Sonadezi	100%
10	35/QĐ-SNZ-NS	21/01/2021	QĐ củng cố tổ chức Cụm thi đua Tổng Công ty	100%
11	37/QĐ-SNZ-NS	26/01/2021	Quyết định về việc đánh giá, phân loại năm 2020 đối với Người quản lý của Tổng công ty và Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	100%
12	46/QĐ-SNZ-NS	29/01/2021	Quyết định về việc chi lương bổ sung đối với Người quản lý chuyên trách	100%
13	41/QĐ-SNZ-NS	02/02/2021	Quyết định về việc chi thưởng đối với Người quản lý chuyên trách được khen tặng các danh hiệu thi đua cơ sở năm 2020	100%
14	47/NQ-SNZ-QTTH	19/02/2021	Nghị quyết v/v đầu tư mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	100%
15	48/NQ-SNZ-QTTH	05/03/2021	Nghị quyết v/v thông qua ngày đăng ký cuối cùng để xác định Danh sách người sở hữu chứng khoán được quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
16	53/QĐ-SNZ-NS	18/03/2021	Quyết định về việc cử nhân sự làm Người đại diện phần vốn tại Công ty Đô thị Amata Biên Hòa	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	54/NQ-SNZ-QTTH	19/03/2021	Nghị quyết v/v thông qua việc ký Hợp đồng với Bên có liên quan - Hợp đồng "lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường và công tác bảo vệ môi trường"	100%
18	63/NQ-SNZ-QTTH	24/03/2021	Nghị quyết v/v Công ty CP Sonadezi Giang Điền mua cổ phần của Tổng công ty Tín Nghĩa	100%
19	57/QĐ-SNZ-NS	25/03/2021	Quyết định về việc chi lương bổ sung đối với Người quản lý chuyên trách	100%
20	60/QĐ-SNZ-NS	29/03/2021	Quyết định về việc cử nhân sự làm NĐDPV tại Công ty CP Sonadezi An Bình	100%
21	58/QĐ-SNZ-NS	29/03/2021	Quyết định về việc cử nhân sự làm người đại diện phần vốn tại Công ty CP Kinh doanh nhà ĐN	100%
22	59/QĐ-SNZ-NS	29/03/2021	QĐ thôi cử nhân sự làm Người đại diện phần vốn tại Công ty CP Sonadezi An Bình	100%
23	66/QĐ-SNZ-NS	30/03/2021	Quyết định về việc thôi cử nhân sự làm NĐDPV tại Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	100%
24	67/QĐ-SNZ-NS	30/03/2021	Quyết định về việc thay đổi nhân sự làm NĐDPV tại Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	100%
25	68/QĐ-SNZ-NS	30/03/2021	QĐ v/v đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và khen tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến năm 2020 đối với các Tập thể Công ty thành viên	100%
26	74/QĐ-SNZ-NS	06/04/2021	Quyết định về việc cử nhân sự làm người đại diện phần vốn tại Công ty CP Sonadezi Long Thành	100%
27	76/QĐ-SNZ-NS	06/04/2021	Quyết định về việc thôi cử nhân sự làm NĐDPV tại Công ty CP Xây dựng Dân dựng CN số 1 ĐN	100%
28	77/QĐ-SNZ-NS	06/04/2021	Quyết định về việc cử nhân sự làm NĐDPV tại Công ty CP Xây dựng Dân dựng CN số 1 ĐN	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
29	72/NQ-SNZ-QTTH	07/04/2021	Nghị quyết v/v tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
30	73/NQ-SNZ-QTTH	07/04/2021	Nghị quyết v/v góp vốn bổ sung vào Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI	100%
31	78/QĐ-SNZ-NS	12/04/2021	Quyết định về việc cử nhân sự làm người đại diện phần vốn tại Công ty CP Cảng Đồng Nai	100%
32	79/QĐ-SNZ-NS	13/04/2021	Quyết định về việc cử nhân sự làm người đại diện phần vốn tại Công ty D2D	100%
33	80/QĐ-SNZ-NS	13/04/2021	Quyết định về việc thôi cử nhân sự làm người đại diện phần vốn tại Công ty D2D	100%
34	81/QĐ-SNZ-NS	14/04/2021	Quyết định về việc thôi cử nhân sự làm người đại diện phần vốn tại Công ty DNC	100%
35	82/QĐ-SNZ-NS	14/04/2021	Quyết định về việc cử nhân sự làm người đại diện phần vốn tại Công ty DNC	100%
36	83/QĐ-SNZ-NS	15/04/2021	Quyết định về việc cử nhân sự làm người đại diện phần vốn tại Công ty CP Sonadezi Giang Điền	100%
37	82a/QĐ-SNZ-NS	15/04/2021	Quyết định về việc thôi cử nhân sự làm người đại diện phần vốn tại Công ty CP Sonadezi Giang Điền	100%
38	82b/QĐ-SNZ-NS	15/04/2021	Quyết định về việc thôi cử nhân sự làm người đại diện phần vốn tại Công ty CP Sonadezi Giang Điền	100%
39	85/QĐ-SNZ-NS	16/04/2021	Quyết định về việc chi thưởng nhân ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, ngày chiến thắng 30/4 và Ngày Quốc tế lao động 01/5 đối với Người quản lý chuyên trách	100%
40	89/QĐ-SNZ-NS	23/04/2021	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lao động và Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021	100%
41	90/QĐ-SNZ-NS	29/04/2021	Quyết định về việc miễn nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Công ty	100%
42	91/QĐ-SNZ-NS	29/04/2021	Quyết định về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Công ty	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
43	92/QĐ-SNZ-NS	29/04/2021	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	100%
44	93/QĐ-SNZ-NS	29/04/2021	Quyết định về việc bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	100%
45	94/QĐ-SNZ-NS	29/04/2021	Quyết định về việc bổ nhiệm lại Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Kế toán Tổng Công ty	100%
46	95/QĐ-SNZ-NS	29/04/2021	Quyết định điều chỉnh phần vốn ủy quyền cho Người đại diện phần vốn tại Công ty CP Công trình Giao thông ĐN	100%
47	97/QĐ-SNZ-NS	04/05/2021	QĐ v/v củng cố tổ chức Cụm thi đua Tổng Công ty	100%
48	103/QĐ-SNZ-NS	13/05/2021	Quyết định về việc xếp lương đối với Tổng Giám đốc Tổng Công ty	100%
49	100/QĐ-SNZ-NS	13/05/2021	Quyết định về việc điều chỉnh thành viên Tổ Chuyên gia đánh giá kết quả thẩm định giá trị cổ phần của Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	100%
50	99/QĐ-SNZ-NS	13/05/2021	Quyết định về việc điều chỉnh thành viên Tổ Chuyên gia đánh giá kết quả thẩm định giá trị cổ phần của Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa	100%
51	102/NQ-SNZ-QTTH	14/05/2021	Nghị quyết v/v thông qua việc ký Hợp đồng với Bên có liên quan - Phụ lục Hợp đồng "điều chỉnh một số điều khoản của HĐ thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại KCN Biên Hòa 1 số 84/HĐTĐ-BH1 "	100%
52	104/QĐ-SNZ-NS	14/05/2021	Quyết định về việc xếp lương đối với Phó TGĐ Tổng Công ty	100%
53	105/QĐ-SNZ-NS	14/05/2021	Quyết định về việc điều chỉnh thành viên Tổ Chuyên gia đánh giá kết quả thẩm định giá trị cổ phần của Tổng Công ty CP Phát triển KCN	100%
54	110/QĐ-SNZ-NS	19/05/2021	Quyết định về việc bổ nhiệm lại Trưởng Ban KTNB Tổng Công ty	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
55	119/QĐ-SNZ-NS	25/05/2021	Quyết định về việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	100%
56	122/QĐ-SNZ-NS	03/06/2021	Quyết định về việc nâng bậc lương định kỳ năm 2021 đối với Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	100%
57	123/QĐ-SNZ-KTNB	25/05/2021	Quyết định kiểm tra việc tuân thủ của người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty thành viên trong công tác phân cấp, phân quyền và sự tuân thủ nghĩa vụ của người đại diện phần vốn theo quy định của Tổng Công ty	100%
58	124/NQ-SNZ-QTTH	09/06/2021	Nghị quyết về việc thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	100%
59	127/QĐ-SNZ-NS	17/06/2021	Quyết định về việc đánh giá năm 2020 đối với Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sonadezi	100%
60	138/NQ-SNZ-QTTH	29/06/2021	Nghị quyết thoái vốn tại Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa	100%
61	142/QĐ-SNZ-NS	05/07/2021	Quyết định điều chỉnh nhân sự Hội đồng thi đua khen thưởng của Tổng Công ty Sonadezi	100%
62	150/QĐ-SNZ-BCV	02/08/2021	Quyết định kiện toàn nhân sự Ban phòng chống tham nhũng, lãng phí Tổng Công ty Sonadezi	100%
63	156/NQ-SNZ-QTTH	20/08/2021	Nghị quyết thông qua việc ký kết giao dịch nội bộ thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng 50 căn nhà liên kế vườn và biệt thự- phần thô" tại dự án Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư (khu dân cư số 3) phường Bửu Long, thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng Nai	100%
64	157/QĐ-SNZ-NS	23/08/2021	Quyết định chi thưởng nhân ngày Quốc khánh (02/9) đối với Người quản lý Tổng Công ty	100%
65	498/NQ-SNZ-QTTH	13/09/2021	Nghị quyết chi trả cổ tức năm 2020	100%
66	160/NQ-SNZ-QTTH	27/09/2021	Nghị quyết về việc phê duyệt danh sách nhà đầu tư quan tâm và giá khởi điểm chuyển nhượng cổ phần để thoái vốn tại Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
67	166/QĐ-SNZ-NS	13/10/2021	Quyết định ban hành Quy chế tiền lương, thưởng và thù lao của Tổng Công ty Sonadezi	100%
68	167/QĐ-SNZ-NS	13/10/2021	Quyết định ban hành Quy chế bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý và cử người đại diện phần vốn	100%
69	168/QĐ-SNZ-NS	19/10/2021	Quyết định điều chỉnh nhân sự Hội đồng thẩm định sáng kiến của Tổng Công ty Sonadezi	100%
70	175/QĐ-SNZ-NS	04/11/2021	Quyết định ban hành Quy chế thi đua khen thưởng của Tổng Công ty Sonadezi	100%
71	184/NQ-SNZ-QTTH	17/11/2021	Nghị quyết bãi bỏ Quy chế giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty Sonadezi làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty	100%
72	189/QĐ SNZ-DAKD	02/12/2021	Quyết định về việc thành lập Đoàn kiểm tra giám sát đánh giá hiệu quả đầu tư dự án và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021	100%
73	190/QĐ-SNZ-QTTH	08/12/2021	Quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin	100%
74	194/QĐ-SNZ-QTTH	13/12/2021	Quyết định ban hành Quy chế tài chính	100%
75	196/QĐ-SNZ-QTTH	21/12/2021	Quyết định ban hành quy chế quản lý và đánh giá người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sonadezi	100%
76	204/QĐ-SNZ-NS	30/12/2021	Quyết định về việc đánh giá, phân loại năm 2020-2021 đối với Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sonadezi tại Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	100%
77	206/QĐ-SNZ-NS	30/12/2021	Quyết định về việc khen tặng huy hiệu Sonadezi đối với bà Lê Thị Hoàng Oanh	100%
78	207/QĐ-SNZ-NS	30/12/2021	Quyết định về việc khen tặng huy hiệu Sonadezi đối với ông Nguyễn Thế Phòng	100%
79	208/QĐ-SNZ-NS	30/12/2021	Quyết định về việc khen tặng huy hiệu Sonadezi đối với ông Trương Minh Hoàng	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
80	209/QĐ-SNZ-NS	30/12/2021	Quyết định về việc khen tặng huy hiệu Sonadezi đối với ông Lê Anh Hoàn	100%
81	210/QĐ-SNZ-NS	31/12/2021	Quyết định về việc khen thưởng năm 2021 đối với Nhóm Người đại diện phần vốn Sonadezi tại Công ty CP Sonadezi Châu Đức	100%
82	211/QĐ-SNZ-NS	31/12/2021	Quyết định về việc khen thưởng năm 2021 đối với Nhóm Người đại diện phần vốn Sonadezi tại Công ty CP Sonadezi Long Thành	100%
83	212/QĐ-SNZ-NS	31/12/2021	Quyết định về việc khen thưởng năm 2021 đối với Nhóm Người đại diện phần vốn Sonadezi tại Công ty CP Cảng Đồng Nai	100%
84	213/QĐ-SNZ-NS	31/12/2021	Quyết định về việc khen thưởng năm 2021 đối với Nhóm Người đại diện phần vốn Sonadezi tại Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	100%

III. BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

STT	Thành viên BKS	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS		Ghi chú
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Bà Đặng Lê Bích Phượng	Cử nhân Kinh tế	Thành viên	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			Trưởng Ban	28/04/2021		Nhiệm kỳ II
2	Ông Trần Ngọc Tòng	Thạc sỹ Kế toán	Trưởng Ban	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
			Thành viên	28/04/2021		Nhiệm kỳ II
3	Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Cử nhân Kinh tế	Thành viên	25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I
				28/04/2021		Nhiệm kỳ II

2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Đặng Lê Bích Phượng	3/3	100%	100%	
2	Trần Ngọc Tòng	3/3	100%	100%	

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
3	Phạm Thị Cẩm hà	3/3	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát:

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc. Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

- Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và năm 2021 của Tổng công ty; giám sát công tác ghi chép, cập nhật chứng từ và sổ sách kế toán.

- Kiểm tra công tác thẩm định giá, các thủ tục thoái vốn các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty.

- Kiểm tra công tác xây dựng cơ bản, công tác triển khai các dự án tại Tổng công ty.

- Ban Kiểm soát đã tham gia góp ý về các nội dung xin ý kiến của người đại diện phần vốn như hồ sơ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, lập kế hoạch hằng năm và các nội dung khác theo Quy chế quản lý người đại diện phần vốn Tổng công ty.

- Ngoài ra, Ban Kiểm soát thực hiện giám sát tình hình hoạt động của các công ty thành viên thông qua báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác theo quy định của Tổng công ty nhằm xem xét, đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính và mức độ an toàn về tài chính của các công ty thành viên.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

- HĐQT và Tổng giám đốc đã thực hiện tốt công tác phối hợp với Ban Kiểm soát, tạo mọi điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

- Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, họp giao ban và các cuộc họp khác, đồng thời được tham gia đóng góp ý kiến một số nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản trị công ty tại Tổng công ty và các công ty thành viên nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc, giúp cho công tác kiểm tra, giám sát kịp thời và thuận tiện hơn.

- Các cán bộ quản lý đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ và giải trình giúp Ban Kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

5. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát: **Không có**

IV. BAN ĐIỀU HÀNH:

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	Ghi chú
1	Ông Phan Đình Thám	29/06/1965	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2016 – Miễn nhiệm ngày 01/5/2021	Nhiệm kỳ I
2	Ông Trần Thanh Hải	31/05/1971	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cầu đường	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2016	Nhiệm kỳ I
				Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/5/2021	Nhiệm kỳ II
3	Ông Đinh Ngọc Thuận	16/07/1978	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Xây dựng	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/5/2019	Nhiệm kỳ I
					Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2021	Nhiệm kỳ II
4	Bà Nguyễn Thị Hạnh	03/02/1976	Thạc sỹ Kế toán quốc tế, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế chính trị	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2016	Nhiệm kỳ I
					Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2021	Nhiệm kỳ II
5	Bà Lương Minh Hiền	10/11/1975	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế chính trị	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/05/2021	Nhiệm kỳ II

V. KẾ TOÁN TRƯỞNG:

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm	Ghi chú
Bà Lê Thị Bích Loan	27/08/1981	Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý, Cử nhân Kế toán, Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế chính trị	Bổ nhiệm từ ngày 01/05/2020	Nhiệm kỳ 2016 - 2020
			Bổ nhiệm lại ngày 29/04/2021	Nhiệm kỳ 2021 - 2026

VI. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Thành viên HĐQT có 4 người đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, gồm ông Trần Thanh Hải (cấp tháng 11/2013), bà Nguyễn Thị Hạnh (cấp tháng 8/2009), ông Đinh Ngọc Thuận (cấp tháng 11/2013) và bà Lương Minh Hiền (cấp tháng 3/2010).

2. Trong năm 2021, không có các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng tham gia các khóa học về quản trị công ty.

VII. DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY VÀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN VỚI TỔNG CÔNG TY

1. Danh sách về người có liên quan của Tổng công ty: **Phụ lục 1 đính kèm.**

2. Giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan của Tổng công ty; hoặc giữa Tổng công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: **Phụ lục 2 đính kèm.**

3. Giao dịch giữa người nội bộ Tổng công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát: **Phụ lục 3 đính kèm.**

4. Giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc /Tổng giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây: **Phụ lục 4 đính kèm.**

4.2. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc /Tổng giám đốc điều hành: **Phụ lục 5 đính kèm.**

4.3. Các giao dịch khác của Tổng công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác: **không có.**

VIII. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: **Phụ lục 6 đính kèm.**

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Tổng công ty: **Không có.**

IX. CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC:

Không có.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, QTTH.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 3600335363 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02: GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN, GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Đính kèm Báo cáo Tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021, số 36/BC-SNZ-QTTH, ngày 25 tháng 01 năm 2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Tổng công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH Tiên Triết	Tổ chức có liên quan của NNB Phạm Quốc Chí – Thành viên HĐQT	Số GCNĐKDN: 3600489525 Ngày cấp: 17/10/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Lô số 07, KCN Biên Hòa II, P. An Bình, Biên Hoà, Đồng Nai	Năm 2021	Hợp đồng thuê đất số 71/HĐTĐ/BH1 ngày 18/11/2005	314.287.505	Bán hàng
						Nghị quyết số 258/NQ-SNZ-QTTH ngày 14/12/2020	4.507.596.215	Mua hàng
2	Công ty CP Sonadezi Châu Đức	Công ty con gián tiếp/Tổ chức có liên quan của NNB Đinh Ngọc Thuận và Nguyễn Văn Tuấn	Số GCNĐKDN: 360 0899948 (thay đổi lần 11) Ngày cấp: 16/6/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 9, Tòa nhà Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2021	Nghị quyết số 132/NQ-SNZ-QTTH ngày 28/4/2020	3.661.199.148	Mua hàng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Tổng công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3	Công ty CP Sonadezi Giang Điền	Công ty con/Tổ chức có liên quan của NNB Nguyễn Thị Hạnh	Số GCNĐKDN: 3603474037 Ngày cấp: 21/12/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 1, Tòa nhà Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2021	Hợp đồng thuê đất số 84/HĐTĐ/BH1 ngày 08/12/2017	184.657.531	Bán hàng
						BB số 11/BB-SNZ-QTTH ngày 24/7/2017	4.786.514.976	Mua hàng
4	Công ty CP Sonadezi An Bình	Công ty con gián tiếp/Tổ chức có liên quan của NNB Phạm Trần Hòa Hiệp	Số GCNĐKDN: 3600449307 Ngày cấp: 18/8/2018 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 113-116 Lô C2, Đường số 9, KDC An Bình, P.An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2021	Hợp đồng thuê đất số 51/HĐTĐ/BH1 ngày 01/12/2003	394.004.495	Bán hàng
5	Công ty CP Sơn Đồng Nai	Công ty liên kết/Tổ chức có liên quan của NNB Đặng Lê Bích Phượng	Số GCNĐKDN: 3600451024 Ngày cấp: 30/8/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2021	Hợp đồng thuê đất số 42/HĐTĐ/BH1 ngày 09/10/2003	239.184.510	Bán hàng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Tổng công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6	Công ty CP Kinh doanh nhà Đồng Nai	Công ty liên kết	Số GCNĐKDN: 4703000287 Ngày cấp: 01/11/2005 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 121 Phan Chu Trinh, P.Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2021	Nghị quyết số 156/NQ-SNZ-QTTH ngày 20/8/2021	93.062.403.717	Hợp đồng hợp tác kinh doanh
7	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	Công ty con/Tổ chức có liên quan của NNB Đinh Ngọc Thuận và Phạm Trần Hòa Hiệp	Số GCNĐKDN: 3600890938 Ngày cấp: 26/6/2019 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 8 Tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2021	Nghị quyết số 54/NQ-SNZ-QTTH ngày 19/3/2021	157.462.870	Mua hàng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY 6 THÁNG NĂM 2021

Đính kèm Báo cáo Tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021, số 36/BC-SNZ-QTTH, ngày 25 tháng 01 năm 2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
A	**Người nội bộ của Tổng công ty**								
I	**Thành viên HĐQT**								
1	Đỗ Thị Thu Hằng		Chủ tịch HĐQT			25/01/2016		Nhiệm kỳ I	Người quản lý
						28/04/2021		Nhiệm kỳ II	
2	Phan Đình Thám		Thành viên HĐQT			25/01/2016	28/04/2021	Nhiệm kỳ I	Người quản lý
3	Trần Thanh Hải		Thành viên HĐQT			25/01/2016		Nhiệm kỳ I	Người quản lý
						28/04/2021		Nhiệm kỳ II	
4	Nguyễn Thị Hạnh		Thành viên HĐQT			25/01/2016		Nhiệm kỳ I	Người quản lý
						28/04/2021		Nhiệm kỳ	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
								II	
5	Nguyễn Văn Tuấn		Thành viên HĐQT			25/01/2016		Nhiệm kỳ I	Người quản lý
						28/04/2021		Nhiệm kỳ II	
6	Đinh Ngọc Thuận		Thành viên HĐQT			25/01/2016		Nhiệm kỳ I	Người quản lý
						28/04/2021		Nhiệm kỳ II	
7	Phạm Quốc Chí		Thành viên HĐQT			25/01/2016		Nhiệm kỳ I	Người quản lý
						28/04/2021		Nhiệm kỳ II	
8	Lương Minh Hiền		Thành viên HĐQT			28/04/2021		Nhiệm kỳ II	Người quản lý
II	**Thành viên Ban Kiểm soát**								
1	Đặng Lê Bích Phượng		Thành viên Ban			25/01/2016		Nhiệm kỳ I	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
			Kiểm soát						
			Trưởng Ban Kiểm soát			28/4/2021		Nhiệm kỳ II	Người nội bộ
2	Trần Ngọc Tòng		Trưởng Ban Kiểm soát			25/01/2016		Nhiệm kỳ I	Người nội bộ
			Thành viên Ban Kiểm soát			28/4/2021		Nhiệm kỳ II	
3	Phạm Thị Cẩm Hà		Thành viên Ban Kiểm soát			25/01/2016		Nhiệm kỳ I	Người nội bộ
						28/4/2016		Nhiệm kỳ II	
III	**Ban Tổng giám đốc**								
1	Phan Đình Thám		Tổng giám đốc	Đã khai mục HĐQT		01/02/2016	01/05/2021	Nhiệm kỳ I	Người quản lý
2	Trần Thanh Hải		Phó Tổng giám	Đã khai mục HĐQT		01/02/2016		Nhiệm kỳ I	Người quản lý

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
			đốc						
			Tổng giám đốc			01/05/2021		Nhiệm kỳ II	
3	Đinh Ngọc Thuận		Phó Tổng giám đốc	Đã khai mục HĐQT		02/05/2019		Nhiệm kỳ I	Người quản lý
						29/04/2021		Nhiệm kỳ II	
4	Nguyễn Thị Hạnh		Phó Tổng giám đốc	Đã khai mục HĐQT		01/04/2017		Nhiệm kỳ I	Người quản lý
						29/04/2021		Nhiệm kỳ II	
5	Lương Minh Hiền		Phó Tổng giám đốc	Đã khai mục HĐQT		01/05/2021		Nhiệm kỳ II	Người quản lý
IV	**Kế toán trưởng**								
1	Lê Thị Bích Loan		Kế toán trưởng			01/05/2020		Nhiệm kỳ I	Người quản lý
						29/04/2021		Nhiệm kỳ II	
V	**Ban Kiểm toán nội bộ**								
1	Lê Thị Lệ Hằng		Trưởng Ban			01/02/2016		Nhiệm kỳ I	Người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
			Kiểm toán nội bộ			19/5/2021		Nhiệm kỳ II	
2	Nguyễn An Quốc		Nhân viên Ban Kiểm toán nội bộ			01/02/2016			Người nội bộ
3	Nguyễn Thị Huyền Trang		Nhân viên Ban Kiểm toán nội bộ			01/02/2016			Người nội bộ
4	Nguyễn Thúy Hằng		Nhân viên Ban Kiểm toán nội bộ			18/5/2020			Người nội bộ
VI	**Người được ủy quyền công bố thông tin**								
1	Phạm Trần Hòa Hiệp		Người được ủy quyền công bố thông			25/8/2017		Nhiệm kỳ I	Người nội bộ
						12/5/2021		Nhiệm kỳ II	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
			tin						
VII	**Người Phụ trách quản trị Tổng công ty**								
1	Lai Thị Đài Trang		Người Phụ trách quản trị Tổng công ty			25/5/2021		Nhiệm kỳ II	Người nội bộ
B	**Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty**								
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai			Số: 535/UBND-KT Ngày: 20/01/2016	Số 2 Nguyễn Văn Trị, Phường Thanh Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai				Chủ sở hữu nắm giữ 99,54% vốn điều lệ
C	**Người có liên quan của Người Quản lý, Ban Kiểm soát: Khai tại Phụ lục 5 Người có liên quan của Người nội bộ**								
D	**Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con**								
I	**Công ty CP Cấp nước Đồng Nai**			Số: 3600259296 (thay đổi lần thứ 7) Ngày cấp: 11/5/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai				Công ty con
1	Đặng Văn Chất					17/4/2020		Nhiệm kỳ II	Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
2	Nguyễn Văn Thiền					17/4/2020		Nhiệm kỳ II	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Phạm Thị Hồng					01/04/2019		Nhiệm kỳ II	Thành viên HĐQT, Giám đốc
4	Nguyễn Cao Hà					17/4/2020		Nhiệm kỳ II	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
5	Võ Văn Bình					17/4/2020		Nhiệm kỳ II	Thành viên HĐQT
6	Trần Trung Chiến					17/4/2020		Nhiệm kỳ II	Thành viên HĐQT
7	Phạm Anh Tuấn	016C106868				17/4/2020		Nhiệm kỳ II	Thành viên HĐQT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
8	Nguyễn Thu Oanh					17/4/2020		Nhiệm kỳ II	Kế toán trưởng
II	**Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2**			Số: 3600259560 Ngày cấp: 03/01/2006 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	H22 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai				Công ty con
1	Hà Quan Dũng					22/04/2016		Nhiệm kỳ III	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc
						27/04/2021		Nhiệm kỳ IV	
2	Hồ Đức Thành	068C-002473				28/09/2017		Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
						27/04/2021		Nhiệm kỳ IV	
3	Trần Thị Kim Thu					22/04/2016		Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
						27/04/2021		Nhiệm kỳ IV	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
4	Lê Trọng Đức					24/4/2019		Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT
						27/04/2021		Nhiệm kỳ IV	
5	Thái Vũ Đoài	002C - 043770				22/4/2016	27/4/2021	Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT
6	Phạm Đức Tùng					22/4/2016	27/04/2021	Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Thế Phòng					27/4/2021		Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT
8	Nguyễn Văn Lương					27/04/2021		Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT
9	Lai Thị Đài Trang					27/4/2021		Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT
10	Hồ Đình Thái	068C - 002478				27/04/2011			Phó Tổng giám đốc
11	Nguyễn Văn Hiếu	068C - 004371				06/01/2014			Phó Tổng giám đốc
12	Trương Lưu	068C - 001786					27/4/2021	Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT
						4/12/2010			Kế toán trưởng
III	**Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật**			Số: 4703000281 Ngày cấp: 29/9/2005	138 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành				

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
	liệu Đồng Nai			Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai				
1	Trương Cường					20/04/2016		Nhiệm kỳ III	Chủ tịch HĐQT
						26/04/2021		Nhiệm kỳ IV	
2	Lê Thị Giang	0790261277 KIMENG				20/04/2016		Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
						26/04/2021		Nhiệm kỳ IV	
3	Nguyễn Tiến Toản	001C537410 tại Công ty CK Bảo Việt				01/05/2016		Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
						26/04/2021		Nhiệm kỳ IV	
4	Trần Tiến Bình	009C071159 tại Vietcombank				26/04/2021		Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT
5	Trần Anh Điền					26/04/2021		Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Thế Phòng	003C30478 61				20/04/2016	26/04/2021	Nhiệm kỳ III	Phó Chủ tịch HĐQT
7	Trương Minh Hoàng					20/04/2016	26/04/2021	Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
8	Lê Thị Bích Thủy					20/04/2016	26/04/2021	Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT
9	Phạm Thái Hoài Hương					01/05/2016		Nhiệm kỳ III	Kế toán trưởng
						26/04/2021		Nhiệm kỳ IV	
IV	**Công ty CP Cảng Đồng Nai**			Số: 3600334112 Ngày cấp: 04/01/2006 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	1B-D3 KP Bình Dương, P.Long Bình Tân, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai				
1	Trần Thanh Hải					15/3/2016		Nhiệm kỳ III	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật
						27/4/2021		Nhiệm kỳ IV	
2	Huỳnh Ngọc Tuấn	058C810073				15/3/2016		Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính, Đại diện CBTT
						27/4/2021		Nhiệm kỳ IV	
3	Trần Văn Nguyên	058C861164				19/4/2018		Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT, Phó

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
						27/4/2021		Nhiệm kỳ IV	Tổng giám đốc
4	Nguyễn Tiến Hùng					23/4/2019		Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT
						27/4/2021		Nhiệm kỳ IV	
5	Đặng Doãn Kiên					27/4/2021		Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT
6	Phan Trọng Dũng					15/3/2016	27/4/2021	Nhiệm kỳ III	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Ngọc Tuấn					25/3/2019		Nhiệm kỳ III	Tổng giám đốc
						27/4/2021		Nhiệm kỳ IV	
8	Vũ Thị Quỳnh Trang					01/10/2019		Nhiệm kỳ III	Kế toán trưởng
						27/4/2021		Nhiệm kỳ IV	
V	**Công ty CP Sonadezi Long Thành**			Số: 4703000058 (thay đổi lần thứ 15) Ngày cấp: 02/07/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Đường 5, KCN Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai				

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Nguyễn Văn Tuấn					26/4/2016		Nhiệm kỳ IV	Chủ tịch Hội đồng quản trị
						27/4/2021		Nhiệm kỳ V	
2	Phạm Anh Tuấn					26/4/2016		Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
						27/4/2021		Nhiệm kỳ V	
3	Đinh Ngọc Thuận					26/4/2016		Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT
						27/4/2021		Nhiệm kỳ V	
4	Trần Anh Tuấn					27/4/2021		Nhiệm kỳ V	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Thế Phòng	003C3047861				27/4/2021		Nhiệm kỳ V	Thành viên HĐQT
6	Ngô Xuân Quảng					27/4/2021		Nhiệm kỳ V	Thành viên HĐQT
7	Trần Thị Thanh Thủy					27/4/2021		Nhiệm kỳ V	Thành viên HĐQT
8	Huỳnh Hoàng Oanh	898964				26/4/2016	27/4/2021	Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT
9	Lê Tiến Bộ	011C005589				26/4/2016	27/4/2021	Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
10	Vũ Tiến Hùng					26/4/2016	27/4/2021	Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT
11	Nguyễn Thị Thu Vân					26/4/2016	27/4/2021	Nhiệm kỳ IV	Thành viên HĐQT
12	Lê Xuân Sâm					15/11/2017		Nhiệm kỳ IV	Phó Tổng giám đốc
						27/4/2021		Nhiệm kỳ V	
13	Huỳnh Long Đức					01/6/2021		Bổ nhiệm Phó TGĐ theo Nghị quyết số 141A/NQ-SZL-HĐQT	Phó Tổng giám đốc
14	Phạm Trần Hưng Thịnh					01/05/2017		Nhiệm kỳ IV	Kế toán trưởng
						27/4/2021		Nhiệm kỳ V	
VI	**Công ty CP Môi trường Sonadezi**			Số: 3600274914 Ngày cấp: 07/08/2015 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	12 Huỳnh Văn Nghệ, P.Bửu Long, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai				

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Võ Huỳnh Trung Hưng					10/4/2020		Nhiệm kỳ II	Chủ tịch HĐQT
2	Quách Ngọc Bửu					10/4/2020		Nhiệm kỳ II	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
3	Trần Võ Hoài Hương					10/4/2020		Nhiệm kỳ II	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
4	Trần Anh Dũng					10/4/2020		Nhiệm kỳ II	Thành viên HĐQT
5	Võ Thành Tâm					10/4/2020		Nhiệm kỳ II	Thành viên HĐQT
6	Phí Thị Lệ Thủy					10/4/2020		Nhiệm kỳ II	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Thanh Phúc					10/4/2020		Nhiệm kỳ II	Thành viên HĐQT
8	Nguyễn Duy					28/4/2020		Nhiệm kỳ	Phó Tổng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
	Hoàng							II	giám đốc
9	Nguyễn Hoàng Dương					28/4/2020		Nhiệm kỳ II	Kế toán trưởng
VII	**Công ty CP Sonadezi Giang Điền**			Số: 3603474037 Ngày cấp: 21/12/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai				Công ty con
1	Nguyễn Thế Phòng					06/07/2017	27/04/2021	Miễn nhiệm	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Hoài Nam					27/04/2021		ĐHĐCĐ 2021 bầu cử	Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Thị Hạnh					06/07/2017			Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
4	Hà Điệp					06/07/2017			Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
5	Đặng Văn Chất					06/07/2017			Thành viên HĐQT
6	Vũ Trọng					06/07/2017			Thành viên

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
	Dũng								HĐQT
7	Nguyễn Bách Thảo					06/07/2017			Kế toán trưởng
VIII	**Công ty CP Sonadezi An Bình**			Số: 3600449307 Ngày cấp: 12/01/2000 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 113 – 116, Lô C2, Đường 9, KDC An Bình, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai				
1	Phạm Trần Hòa Hiệp					20/04/2016		Nhiệm kỳ VI	Chủ tịch HĐQT
						22/04/2021		Nhiệm kỳ VII	
2	Lê Anh Hoàn					20/04/2016	22/04/2021	Nhiệm kỳ VI	Phó chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
						22/04/2021		Nhiệm kỳ VII	Thành viên HĐQT
3	Trần Hồ Dũng					19/04/2019		Nhiệm kỳ VI	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
						01/05/2021		Nhiệm kỳ VII	Phó chủ tịch HĐQT, Tổng giám

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
									đốc
4	Trương Viết Hoàng Sơn					20/04/2016		Nhiệm kỳ VI	Thành viên HĐQT
						22/04/2021		Nhiệm kỳ VII	
5	Huỳnh Hoàng Oanh					20/04/2016	22/04/2021	Nhiệm kỳ VI	Thành viên HĐQT
6	Trần Anh Tuấn					22/04/2021		Nhiệm kỳ VII	Thành viên HĐQT
7	Lê Văn Bình					01/11/2020		Nhiệm kỳ VI	Phó Tổng giám đốc
						01/05/2021		Nhiệm kỳ VII	
8	Lê Hoàng Phi					01/12/2020		Nhiệm kỳ VI	Kế toán trưởng
						01/05/2021		Nhiệm kỳ VII	
IX	**Công ty CP Dịch vụ Sonadezi**			Số: 3600890938 Ngày cấp: 26/6/2019 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai				Công ty con
1	Nguyễn Long Bôn					25/4/2017	19/4/2021	Miễn nhiệm	Chủ tịch HĐQT

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
2	Phạm Trần Hòa Hiệp					19/04/2021		ĐHĐCĐ 2021 bầu cử	
3	Trần Anh Dũng					25/4/2017			Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
4	Trần Hồ Dũng					25/04/2017			Thành viên HĐQT
5	Đinh Ngọc Thuận					25/04/2017			Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Văn Hiếu					25/04/2017			Thành viên HĐQT
7	Võ Huỳnh Trung Hưng					17/04/2020			Thành viên HĐQT
8	Phạm Anh Tuấn					25/4/2017	19/4/2021	Từ nhiệm	Thành viên HĐQT
9	Lê Xuân Sâm					19/4/2021		ĐHĐCĐ 2021 bầu cử	Thành viên HĐQT
10	Nguyễn Thị Hồng Lý					06/4/2020			Phó Tổng giám đốc
11	Nguyễn Ngọc Đại					01/4/2020			Phó Tổng giám đốc
12	Huỳnh Phú					06/04/2020	-		Phó Tổng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
	Hào								giám đốc
13	Bà Chu Huyền Trang					06/04/2020			Kế toán trưởng
X	**Công ty CP Sonadezi Châu Đức**			Số:3600899948 (thay đổi lần 11) Ngày cấp: 16/06/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 9, Tòa nhà Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai				
1	Phạm Xuân Bách					22/5/2007			Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Văn Tuấn					28/04/2009			Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
3	Đinh Ngọc Thuận					25/01/2016			Thành viên HĐQT
4	Phạm Anh Tuấn					12/5/2016			Thành viên HĐQT
5	Trần Hào Hiệp					12/4/2019			Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Văn					12/4/2019			Thành viên

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
	Lương								HĐQT
7	Trần Trung Chiến					31/3/2017			Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
8	Trương Viết Hoàng Sơn					01/06/2019			Phó Tổng giám đốc
9	Phạm Thị Kim Hòa					01/07/2018			Kế toán trưởng
XI	**Công ty CP Sonadezi Long Bình**			Số: 3601867699 (thay đổi lần thứ 4) Ngày cấp: 25/05/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai				Công ty con
1	Trần Thanh Hải					18/04/2019			Chủ tịch HĐQT
2	Lương Minh Hiền					18/04/2019			Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
3	Nguyễn Ngọc Đại					18/4/2019			
4	Phạm Văn Tinh					18/04/2019			Thành viên

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
									HĐQT
5	Phạm Anh Tuấn					18/4/2019			Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Bá Chuyên					18/4/2019			Phó Tổng giám đốc
7	Đặng Thị Ngọc Hà					10/9/2019			Phó Tổng giám đốc
8	Lê Thị Ngọc Sáu					18/4/2019			Kế toán trưởng
XII	**Công ty CP Sonadezi Bình Thuận**			Số: 3401205899 (thay đổi lần thứ 1) Ngày cấp: 21/09/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận	443 Khu phố 1, Thị trấn Tân Minh, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận				Công ty con
1	Phạm Anh Tuấn					09/07/2020			Chủ tịch HĐQT
2	Trần Văn Nguyên	058C861164				09/07/2020			Thành viên HĐQT
3	Đinh Ngọc Thuận					09/07/2020			Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
4	Nguyễn Bá Chuyên					09/07/2020			Thành viên HĐQT
5	Phan Thùy Đoan					09/07/2020			Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng
6	Đỗ Quốc Bảo					09/07/2020			Phó Tổng giám đốc

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3: GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ TỔNG CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO TỔNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Đính kèm Báo cáo Tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021, số 36/BC-SNZ-QTTH, ngày 25 tháng 01 năm 2022

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con của Tổng công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Phạm Trần Hòa Hiệp		Người được ủy quyền công bố thông tin	075065000737	4A/81 khu phố 12, Hố Nai, Biên Hòa, Đồng Nai	Công ty CP Sonadezi Châu Đức	05/10/2021	Hợp đồng hợp tác góp vốn Dự án KDC Hữu Phước. Giá trị vốn góp là 1,35 tỷ đồng	

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 4: GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC /TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM TRỞ LẠI ĐÂY

Đính kèm Báo cáo Tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021, số 36/BC-SNZ-QTTH, ngày 25 tháng 01 năm 2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Tổng công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH Tiên Triết	Tổ chức có liên quan của NNB Phạm Quốc Chí – Thành viên HĐQT (thôi làm thành viên HĐTV từ T12/2019)	Số GCNĐKDN: 3600489525 Ngày cấp: 17/10/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Lô số 07, KCN Biên Hòa II, P. An Bình, Biên Hoà, Đồng Nai	Năm 2021	Hợp đồng thuê đất số 71/HĐTĐ/BH1 ngày 18/11/2005	314.287.505	Bán hàng
						Nghị quyết số 258/NQ-SNZ-QTTH ngày 14/12/2020	4.507.596.215	Mua hàng
2	Công ty CP Sonadezi Châu Đức	Công ty con /Tổ chức có liên quan của NNB Đinh Ngọc Thuận và Nguyễn Văn Tuấn	Số GCNĐKDN: 360 0899948 (thay đổi lần 11) Ngày cấp: 16/6/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 9, Tòa nhà Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2021	Nghị quyết số 132/NQ-SNZ-QTTH ngày 28/4/2020	3.661.199.148	Mua hàng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Tổng công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3	Công ty CP Sonadezi Giang Điền	Công ty con/Tổ chức có liên quan của NNB Nguyễn Thị Hạnh	Số GCNĐKDN: 3603474037 Ngày cấp: 21/12/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 1, Tòa nhà Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2021	Hợp đồng thuê đất số 84/HĐTĐ/BH1 ngày 08/12/2017	184.657.531	Bán hàng
						BB số 11/BB-SNZ-QTTH ngày 24/7/2017	4.786.514.976	Mua hàng
4	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	Công ty con/Tổ chức có liên quan của NNB Đinh Ngọc Thuận và Phạm Trần Hòa Hiệp	Số GCNĐKDN: 3600890938 Ngày cấp: 26/6/2019 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 8 Tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2021	Nghị quyết số 54/NQ-SNZ-QTTH ngày 19/3/2021	157.462.870	Mua hàng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 5: GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC LÀ THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Đính kèm Báo cáo Tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021, số 36/BC-SNZ-QTTH, ngày 25 tháng 01 năm 2022

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Tổng công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty CP Sonadezi Châu Đức (SZC)	Công ty con/Tổ chức có liên quan: Ông Phạm Xuân Bách – CT.HĐQT SZC là người có liên quan của ông Phạm Quốc Chí TV.HĐQT SNZ và Ông Trần Trung Chiến – TV.HĐQT SZC là người có liên quan của bà Lương Minh Hiền TV.HĐQT, Phó Tổng giám đốc SNZ	Số GCNĐKDN: 360 0899948 (thay đổi lần 11) Ngày cấp: 16/6/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 9, Tòa nhà Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	Năm 2021	Nghị quyết số 132/NQ-SNZ-QTTH ngày 28/4/2020	3.661.199.148	Mua hàng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY SONADEZI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 06: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ NĂM 2021

Đính kèm Báo cáo Tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021, số 36/BC-SNZ-QTTH, ngày 25 tháng 01 năm 2022

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
I	**Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị**							
1	**Bà Đỗ Thị Thu Hằng**		**Chủ tịch HĐQT**			27.200	0,0072%	
1.1	Đỗ Mạnh Quang							Bố đẻ (Đã mất)
1.2	Phạm Thị Hải Lượng					0	0%	Mẹ đẻ
1.3	Đỗ Mạnh Hưng							Anh ruột (Đã mất)
1.4	Đỗ Hải Triều							Anh ruột (Đã mất)
1.5	Đỗ Thị Hải Yến					0	0%	Chị ruột
1.6	Nguyễn Văn Chất							Bố chồng (Đã mất)

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.7	Nguyễn Thị Công					0	0%	Mẹ chồng (Đã mất ngày 25/12/2021)
1.8	Nguyễn Văn Xà Nam					0	0%	Chồng
1.9	Nguyễn Kim Thu					0	0%	Con đẻ
1.10	Phan Phúc Thịnh					0	0%	Con rể
1.11	Ngô Minh Chi					0	0%	Anh rể
1.12	Võ Thị Loan					0	0%	Chị dâu
1.13	Phan Ngọc Bích							Chị dâu (Đã mất)
2	**Ông Phan Đình Thám**		**Thành viên HĐQT**			11.500	0,0031%	**Miễn nhiệm ngày 28/4/2021**
2.1	Đặng Thị Sen							Mẹ đẻ
2.2	Ngô Thị Hằng							Vợ
2.3	Phan Hoàng Nam							Con đẻ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.4	Phan Hoàng Nam Anh							Con đẻ
3	**Ông Trần Thanh Hải**		**Thành viên HĐQT**			26.800	0,0071%	
3.1	Trần Văn Cự					0	0%	Bố đẻ
3.2	Phạm Thị Nhung					0	0%	Mẹ đẻ
3.3	Trần Thị Minh Nguyệt					0	0%	Chị ruột
3.4	Trần Thị Thu					0	0%	Em ruột
3.5	Trần Thị Hồng Ánh					0	0%	Em ruột
3.6	Đinh Thị Xuân Thy					0	0%	Vợ
3.7	Trần Hải Đăng					0	0%	Con đẻ
3.8	Trần Đăng Quang					0	0%	Con đẻ
3.9	Trương Đỗ Thuận					0	0%	Anh rể
3.10	Nguyễn Trung Thiện					0	0%	Em rể
3.11	Đinh Văn Hơn					0	0%	Bố vợ
3.12	Lai Thị Xuân					0	0%	Mẹ vợ
3.13	Công ty CP Cảng Đồng Nai			Số GCNĐKDN: 3600334112	1B-D3, khu phố Bình Dương, P. Long Bình Tân, Biên			Chủ tịch HĐQT/Tổ chức có liên

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Ngày cấp: 19/3/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Hòa, Đồng Nai			quan
3.14	Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang			Số GCNĐKDN: 3603181739 Ngày cấp: 02/06/2015 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 315 đường Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai			Thành viên HĐQT/Tổ chức có liên quan
3.15	Công ty CP Sonadezi Long Bình			Số GCNĐKDN: 3601567699 (thay đổi lần thứ 4) Ngày cấp: 25/5/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai			Chủ tịch HĐQT/Tổ chức có liên quan
4	**Bà Nguyễn Thị Hạnh**		**Thành viên HĐQT**			10.600	0,0028%	
4.1	Nguyễn Văn Trung							Bố đẻ (Đã mất)
4.2	Võ Thị Trung					0	0%	Mẹ đẻ
4.3	Nguyễn Trung Hiếu					0	0%	Em ruột
4.4	Đặng Như Quỳnh					0	0%	Con đẻ
4.5	Huỳnh Anh Đào					0	0%	Em dâu
4.6	Công ty CP Sonadezi Giang			Số GCNĐKDN:	Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1,			Thành viên HĐQT,

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Điền			3603474037 Ngày cấp: 01/7/2017 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai			Tổng giám đốc/Tổ chức có liên quan
5	**Ông Nguyễn Văn Tuấn**		**Thành viên HĐQT**			5.000	0,0013%	
5.1	Nguyễn Văn Khánh							Bố đẻ (Đã mất)
5.2	Lã Thị Huyên							Mẹ đẻ (Đã mất)
5.3	Hoàng Thị Hạnh					0	0%	Vợ
5.4	Nguyễn Hoàng Hà Thu					0	0%	Con đẻ
5.5	Nguyễn Hoàng Bách					0	0%	Con đẻ
5.6	Nguyễn Văn Thuyên							Anh ruột (Đã mất)
5.7	Nguyễn Mạnh Văn					0	0%	Anh ruột
5.8	Vũ Thị Thanh Hải					0	0%	Chị dâu
5.9	Hoàng Văn Khảm					0	0%	Bố vợ
5.10	Lê Thị Minh					0	0%	Mẹ vợ
5.11	Công ty CP			Số GCNĐKDN:	KCN Long Thành,			Chủ tịch

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Sonadezi Long Thành			3600649539 (thay đổi lần 15) Ngày cấp: 02/07/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	xã Tam An, Long Thành, Đồng Nai			HĐQT/Tổ chức có liên quan
5.12	Công ty CP Sonadezi Châu Đức		Tổ chức liên quan	Số GCNĐKDN:3600899948 (thay đổi lần 11) Ngày cấp: 16/6/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 9, cao ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai			Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc/Tổ chức có liên quan
6	**Bà Lương Minh Hiền**		**Thành viên HĐQT**			10.000	0,0027%	
6.1	Lương Việt Hùng					0	0%	Bố đẻ
6.2	Phạm Minh Hà					0	0%	Mẹ đẻ
6.3	Trần Trung Chiến					0	0%	Chồng
6.4	Trần Thu Thủy					0	0%	Con đẻ
6.5	Trần Thị Gia An					0	0%	Con đẻ
6.6	Lương Thị Thúy Hòa					0	0%	Em ruột
6.7	Nguyễn Mạnh Thắng					0	0%	Em rể

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
6.8	Trần Mạnh Tường					0	0%	Bố chồng
6.9	Phạm Thị Phúc					0	0%	Mẹ chồng
6.10	Công ty CP Sonadezi Long Bình		Tổ chức có liên quan	Số GCNĐKDN: 3601867699 (thay đổi lần thứ 4) Ngày cấp: 25/05/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 01 đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0	0%	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc/Tổ chức có liên quan
7	**Ông Đinh Ngọc Thuận**		**Thành viên HĐQT**			6.300	0,0017%	
7.1	Đinh Ngọc Uẩn							Bố đẻ (Đã mất)
7.2	Đinh Thị Dung					0	0%	Mẹ đẻ
7.3	Đỗ Chí Hùng							Bố vợ (Đã mất)
7.4	Trần Thị Như Hậu					0	0%	Mẹ vợ
7.5	Đỗ Trần Chân Nhi					0	0%	Vợ
7.6	Đinh Ngọc Gia Hân					0	0%	Con đẻ
7.7	Đinh Gia Phát					0	0%	Con đẻ
7.8	Đinh Ngọc Sơn					0	0%	Anh ruột
7.9	Phạm Thị Thiêng					0	0%	Chị dâu
7.10	Đinh Thị Phượng					0	0%	Chị ruột

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
7.11	Nguyễn Văn Sang					0	0%	Anh rể
7.12	Đinh Ngọc Hoàng					0	0%	Anh ruột
7.13	Nguyễn Thị Hồng Loan					0	0%	Chị dâu
7.14	Đinh Thị Nghĩa					0	0%	Chị ruột
7.15	Nguyễn Văn Thế					0	0%	Anh rể
7.16	Đinh Thị Bích Hợp					0	0%	Chị ruột
7.17	Trần Quốc Tuấn					0	0%	Anh rể
7.18	Đinh Ngọc Út					0	0%	Em ruột
7.19	Hoàng Thanh Vân					0	0%	Em dâu
7.20	Đinh Ngọc Phước					0	0%	Em ruột
7.21	Nguyễn Thị Mỹ Dung					0	0%	Chị dâu
7.22	Công ty CP Sonadezi Long Thành			Số GCNĐKDN: 3600649539 (thay đổi lần 15) Ngày cấp: 02/07/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	KCN Long Thành, Long Thành, Đồng Nai			Thành viên HĐQT/Tổ chức có liên quan
7.23	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi			Số GCNĐKDN: 3600890938 Ngày cấp: 05/05/2017 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 8, cao ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai			Thành viên HĐQT/Tổ chức có liên quan

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
7.24	Công ty CP Sonadezi Châu Đức		Tổ chức liên quan	Số GCNĐKDN:3600899948 (thay đổi lần 11) Ngày cấp: 16/6/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Tầng 9, cao ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai			Thành viên HĐQT/Tổ chức có liên quan
7.25	Công ty CP Sonadezi Bình Thuận		Tổ chức liên quan	Số GCNĐKDN:3401205899 (thay đổi lần thứ 1) Ngày cấp: 21/9/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận	443 khu phố 1, Thị trấn Tân Minh, Hàm Tân, Bình Thuận			Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc/Tổ chức có liên quan
8	**Ông Phạm Quốc Chí**		**Thành viên HĐQT**			0	0%	
8.1	Phạm Văn Chế							Bố đẻ (Đã mất)
8.2	Lê Thị Tuệ Hằng							Mẹ đẻ (Đã mất)
8.3	Trần Pháp							Bố vợ (Đã mất)
8.4	Nguyễn Thị Nhất							Mẹ vợ (Đã mất)
8.5	Phạm Mạnh Thiều					0	0%	Anh ruột

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
8.6	Phạm Trọng Lập					0	0%	Anh ruột
8.7	Phạm Minh Hà					0	0%	Chị ruột
8.8	Phạm Quý Tùng					0	0%	Anh ruột
8.9	Phạm Xuân Bách					10.000	0,0027%	Anh ruột
8.10	Trần Thị Thanh Thảo					0	0%	Vợ
8.11	Phạm Thị Thư Trang					0	0%	Con đẻ
8.12	Phạm Thiên Trung					0	0%	Con đẻ
8.13	Chu Thị Thư					0	0%	Chị dâu
8.14	Vũ Thị Đức Thanh					0	0%	Chị dâu
8.15	Lương Việt Hùng					0	0%	Anh rể
8.16	Nguyễn Thị Thiệp			Số CMND: 271012118 Ngày cấp: 05/07/2005 Nơi cấp: CA Đồng Nai	Khu dân cư An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0	0%	Chị dâu
8.17	Trần Ngọc Hạnh					0	0%	Chị dâu
8.18	Công ty TNHH Tiên Triết			Số GCNĐKDN: 3600489525 Ngày cấp: 17/10/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Lô số 07, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	0	0%	Ban lãnh đạo Công ty TNHH Tiên Triết/Tổ chức có liên quan
II	**Người có liên quan của Ban Tổng giám đốc**							
1	Ông Phan Đình		**Tổng**	Đã khai tại mục Người có liên quan của HĐQT				Miễn nhiệm

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Thám		**giám đốc**					ngày 01/5/2021
2	Ông Trần Thanh Hải		**Tổng giám đốc**	Đã khai tại mục Người có liên quan của HĐQT				Bổ nhiệm ngày 01/05/2021
3	Bà Lương Minh Hiền		**Phó Tổng giám đốc**	Đã khai tại mục Người có liên quan của HĐQT				Bổ nhiệm ngày 01/05/2021
4	Bà Nguyễn Thị Hạnh		**Phó Tổng giám đốc**	Đã khai tại mục Người có liên quan của HĐQT				Bổ nhiệm lại ngày 29/4/2021
5	Ông Đinh Ngọc Thuận		**Phó Tổng giám đốc**	Đã khai tại mục Người có liên quan của HĐQT				Bổ nhiệm lại ngày 29/4/2021
III	**Người có liên quan của Thành viên Ban Kiểm soát**							
1	**Bà Đặng Lê Bích Phượng**		**Trưởng Ban Kiểm soát**			0	0%	Bổ nhiệm ngày 28/4/2021
1.1	Đặng Văn Mừng					0	0%	Bố đẻ
1.2	Lê Thị Trâm					0	0%	Mẹ đẻ
1.3	Đặng Công Khánh					0	0%	Anh ruột
1.4	Huỳnh Thị Huyền					0	0%	Chị dâu

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Trang							
1.5	Đặng Hoàng Nhân					0	0%	Em ruột
1.6	Trương Thị Thùy Trang					0	0%	Em dâu
1.7	Đặng Đình Phước					0	0%	Em ruột
1.8	Trần Thị Ngọc Hòa					0	0%	Em dâu
1.9	Đặng Đình Nguyên					0	0%	Em ruột
1.10	Phan Thị Thủy					0	0%	Em dâu
1.11	Phạm Quang Viên					0	0%	Chồng
1.12	Phạm Tuấn					0	0%	Con đẻ
1.13	Phạm Tuấn Kiệt					0	0%	Con đẻ
1.14	Phạm Văn Dõn							Bố chồng (Đã mất)
1.15	Trần Thị Ba							Mẹ chồng (Đã mất)
1.16	Công ty CP Sơn Đồng Nai			Số GCNĐKDN: 3600451024 Ngày cấp: 01/03/2000 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai			Trưởng Ban Kiểm soát/Tổ chức có liên quan
2	**Bà Phạm Thị Cẩm Hà**		**Thành viên Ban Kiểm soát**			5.000	0,0013%	
2.1	Phạm Thế Hanh		Bố đẻ					Bố đẻ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
								(Đã mất)
2.2	Nguyễn Thị Lan					0	0%	Mẹ đẻ
2.3	Phạm Thị Vân							Chị ruột (Đã mất)
2.4	Nguyễn Văn Khải					0	0%	Anh rể
2.5	Phạm Thế Dũng					0	0%	Anh ruột
2.6	Nguyễn Thị Lưu					0	0%	Chị dâu
2.7	Phạm Thị Thúy					0	0%	Chị ruột
2.8	Phạm Thị Tuyết					0	0%	Chị ruột
2.9	Nguyễn Đức Yên					0	0%	Anh rể
2.10	Phạm Thế Mạnh					0	0%	Anh ruột
2.11	Bùi Thị Thanh Hương					0	0%	Chị dâu
2.12	Phạm Thị Thanh					0	0%	Chị ruột
2.13	Phạm Thế Cương					0	0%	Anh ruột
2.14	Trần Thị Hương Quế					0	0%	Chị dâu
2.15	Phạm Thị Hoa					0	0%	Chị ruột
2.16	Phạm Thị Thu					0	0%	Em ruột

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.17	Nguyễn Nam Phương					0	0%	Con đẻ
2.18	Nguyễn Phương Anh					0	0%	Con đẻ
2.19	Công ty CP Sonadezi Bình Thuận			Số GCNĐKDN: 3401205899 (thay đổi lần thứ 1) Ngày cấp: 21/09/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận	443 khu phố 1, Thị trấn Tân Minh, Hàm Tân, Bình Thuận			Thành viên Ban Kiểm soát/Tổ chức có liên quan
3	**Ông Trần Ngọc Tòng**		**Thành viên Ban Kiểm soát**			5.000	0,0013%	
3.1	Trần Ngọc Sơn					0	0%	Bố đẻ
3.2	Nguyễn Thị Thảo					0	0%	Mẹ đẻ
3.3	Hà Thị Thu Thủy					0	0%	Vợ
3.4	Trần Hà Hưng Thịnh					0	0%	Con đẻ
3.5	Trần Hà Anh Thư					0	0%	Con đẻ
3.6	Công ty CP Sonadezi Bình Thuận			Số GCNĐKDN: 3401205899 (thay đổi lần thứ 1) Ngày cấp: 21/09/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận	443 khu phố 1, Thị trấn Tân Minh, Hàm Tân, Bình Thuận	0	0%	Trưởng Ban kiểm soát/Tổ chức có liên quan

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3.7	Hà Công Thụ					0	0%	Bố vợ
3.8	Nguyễn Thị Tuyến					0	0%	Mẹ vợ
IV	**Người có liên quan của Kế toán trưởng**							
	Bà Lê Thị Bích Loan		**Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kế toán**			0	0%	
1	Lê Văn Liên					0	0%	Bố đẻ
2	Nguyễn Thị Bích					0	0%	Mẹ đẻ
3	Lê Thị Hương					0	0%	Em ruột
4	Nguyễn Công Phương					0	0%	Em rể
5	Trần Văn Chung					0	0%	Chồng
6	Trần Lê Phương Nghi					0	0%	Con đẻ
7	Trần Lê An Khánh					0	0%	Con đẻ
8	Trần Chính					0	0%	Bố chồng
9	Nguyễn Thanh Thủy					0	0%	Mẹ chồng
V	**Người có liên quan của Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ**							
1	**Bà Lê Thị Lệ Hằng**		**Trưởng Ban Kiểm toán nội**			5.000	0,0013%	

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
			bộ					
1.1	Lê Cảnh Bái					0	0%	Bố đẻ
1.2	Hà Thị Phơn					0	0%	Mẹ đẻ
1.3	Tăng Thị Phỉ					0	0%	Mẹ chồng
1.4	Dương Văn Sáu							Bố chồng (Đã mất)
1.5	Dương Thành Đức					0	0%	Chồng
1.6	Dương Thảo Tâm					0	0%	Con đẻ
1.7	Dương Thảo An					0	0%	Con đẻ
1.8	Lê Thị Lệ Thủy					0	0%	Em ruột
1.9	Lê Thị Lệ Xinh					0	0%	Em ruột
1.10	Lê Thị Ngọc Trâm					0	0%	Em ruột
1.11	Nguyễn Duy Quốc					0	0%	Em rể
1.12	Trần Xuân Thao					0	0%	Em rể
2	**Ông Nguyễn An Quốc**		**Nhân viên Ban Kiểm toán nội bộ**			3.400	0,0009%	
2.1	Nguyễn Văn Tiêu							Bố đẻ
2.2	Trần Thị Bàng							Mẹ đẻ
2.3	Đỗ Thị Diệu Uyên							Vợ
2.4	Nguyễn Thanh Toàn							Em ruột

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.5	Nguyễn Thị Thúy Nga							Em dâu
2.6	Nguyễn Thị Thanh Thịnh							Em ruột
2.7	Phan Đức Nhẫn							Em rể
2.8	Nguyễn Văn Thành							Em ruột
2.9	Nguyễn Thị Thu Thủy							Em dâu
2.10	Nguyễn Đỗ Hạ Nhiên							Con đẻ
2.11	Nguyễn Quốc Hưng							Con đẻ
2.12	Đỗ Như Ngà							Bố vợ
2.13	Trương Thị Hậu							Mẹ vợ
2.14	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai			Số: 3600259296 Ngày cấp: 29/12/2014 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	48 CMT8, P.Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai			Thành viên Ban Kiểm soát/Tổ chức có liên quan
3	**Bà Nguyễn Thị Huyền Trang**		**Nhân viên Ban Kiểm toán nội bộ**			0 cổ phần	0%	
3.1	Nguyễn Hữu Tuấn							Bố đẻ
3.2	Trần Thị Tươi							Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Hữu Ngọc							Em ruột

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
	Chinh							
3.4	Nguyễn Hữu Ngọc Chí							Em ruột
3.5	Nguyễn Quốc Việt							Chồng
3.6	Nguyễn Phương Tuệ Nhiên							Con đẻ
3.7	Nguyễn Phương Tuệ Anh							Con đẻ
3.8	Nguyễn Văn Hảo							Bố chồng
3.9	Tạ Thị Tơ							Mẹ chồng
4	**Bà Nguyễn Thúy Hằng**		**Nhân viên Ban Kiểm toán nội bộ**			2.300	0,0006%	
4.1	Nguyễn Văn Đức							Bố đẻ
4.2	Trần Thị Cúc							Mẹ đẻ
4.3	Nguyễn Hữu Hạnh					5.000	0,0013%	Anh ruột
4.4	Phạm Thị Nguyệt							Chị dâu
4.5	Nguyễn Thị Phúc							Chị ruột
4.6	Nguyễn Phúc Hậu							Anh ruột
4.7	Nguyễn Thị Út							Chị dâu
4.8	Nguyễn Hữu Hiệp							Anh ruột
4.9	Huỳnh Quốc Phuôi							Chồng

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.10	Huỳnh Gia Cát							Con đẻ
4.11	Huỳnh Gia Khiêm							Con đẻ
4.12	Huỳnh Văn Xấu							Bố chồng
4.13	Phạm Thị Nguyệt							Mẹ chồng
VI	**Người có liên quan của Người được ủy quyền công bố thông tin**							
	Ông Phạm Trần Hòa Hiệp		**Người được ủy quyền công bố thông tin**			17.500	0,0046%	
1	Đinh Thị Dung							Vợ
2	Phạm Trần Xuân Hòa							Con đẻ
3	Phạm Trần Xuân An							Con đẻ
4	Phạm Trần Xuân Phú							Con đẻ
5	Trần Thị Mộng Điệp							Chị ruột
6.	Phạm Trần Đình Tân							Anh ruột
7	Nguyễn Thị Tố Phượng							Chị dâu
8	Trần Thị Mộng Lan							Chị ruột

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9	Phạm Trần Thị Mộng Đào							Em ruột
10	Nguyễn Văn Cường							Em rể
11	Phạm Trần Văn Hội							Em ruột
12	Nguyễn Thị Tuyết Mai							Em dâu
13	Phạm Trần Thị Huệ							Em ruột
14	Trần Quốc Tân							Em rể
15	Phạm Trần Thị Xuân Thảo							Em ruột
16	Nguyễn Duy Cường							Em rể
17	Nguyễn Thị Y							Mẹ vợ
18	Đào Ngọc Thủy Tiên							Con dâu
19	Công ty CP Sonadezi An Bình			Số ĐKDN:3600449307 Ngày cấp: 18/8/2018 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 113-116 Lô C2, Đường số 9, KDC An Bình, P.An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai			Chủ tịch HĐQT/Tổ chức có liên quan
20	Công ty CP Xây dựng DDCN Số 1 Đồng Nai			Số ĐKDN:3600503226 Ngày cấp: 27/11/2018 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 15, đường Đồng Khởi, P.Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai			Thành viên HĐQT/Tổ chức có liên quan
21	Công ty CP Dịch vụ Sonadezi			Số GCNĐKDN: 3600890938	Tầng 8, cao ốc Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên			Chủ tịch HĐQT/Tổ chức có liên

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				Ngày cấp: 05/05/2017 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai			quan
VII	**Người có liên quan của Người Phụ trách Quản trị Tổng công ty**							
	Bà Lai Thị Đài Trang		**Người Phụ trách Quản trị Tổng công ty**			9.800	0,0026%	Bổ nhiệm ngày 25/05/2021
1	Lai Hoàng Phi					0	0%	Bố đẻ
2	Lê Thị Kim Anh					0	0%	Mẹ đẻ
3	Trần Văn Nhỏ					0	0%	Bố chồng
4	Phạm Thị Phụng							Mẹ chồng (Đã mất)
5	Lai Hoàng Chương					0	0%	Anh ruột
6	Lai Hoàng Phú					0	0%	Em ruột
7	Lai Hoàng Liêm					0	0%	Em ruột
8	Trần Thanh Xuân					0	0%	Chồng
9	Trần Bảo Long					0	0%	Con đẻ
10	Lê Thị Ánh Đào					0	0%	Chị dâu
11	Phan Thị Thu Trâm					0	0%	Em dâu
12	Công ty TNHH Xây lắp Phú Hưng Long			Số GCNĐKDN: 3603242332 Ngày cấp: 08/01/2015 Nơi	12A19, Đường 16, KDC An Bình mở rộng, Phường An Bình, Thành phố	0	0%	Giám đốc/Tổ chức có liên quan

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Số ID, Ngày cấp	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
				cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai			
13	Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2			Số GCNĐKDN: 3600259560 Ngày cấp: 03/01/2006 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	H22, Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	0	0%	Thành viên HĐQT/Tổ chức có liên quan

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **TỔNG CÔNG TY SONADEZI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 221 /BC-SNZ-KS	*Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2022*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 tại Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát,

Ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 tại Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp (Tổng công ty) với các nội dung, cụ thể như sau:

A. THẨM ĐỊNH CÁC BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022:

I. Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán:

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam, Ban kiểm soát đã thẩm định và thống nhất các vấn đề sau: Báo cáo tài chính năm 2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Tổng công ty.

II. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2021:

- Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh năm 2021 đã phản ánh đầy đủ, trung thực về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình triển khai dự án, công tác thoái vốn và các hoạt động khác của Tổng công ty trong năm 2022.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 đã phản ánh đúng và đầy đủ hoạt động của HĐQT trong việc đề ra các chiến lược kinh doanh, quản trị hệ thống Tổng công ty; chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đại hội động cổ đông; giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; giám sát đối với Ban Tổng giám đốc trong quản lý điều hành Tổng công ty và các công việc khác theo đúng thẩm quyền của HĐQT.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY:

Qua quá trình giám sát các hoạt động tại Tổng công ty năm 2021, Ban kiểm soát có các đánh giá sau:

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản suất kinh doanh:

1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty mẹ:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% thực hiện	
						So với cùng kỳ năm trước	So với kế hoạch
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	3.765.000	3.765.000	3.765.000	100,00%	100,00%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	582.404	629.454	581.006	99,76%	92,30%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	441.283	484.266	442.492	100,27%	91,37%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	418.944	442.272	419.299	100,08%	94,81%
5	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu	%	11,01	11,56	10,96	99,55%	94,83%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	59.395	75.597	65.399	110,11%	86,51%

1.2 Kết quả kinh doanh theo số liệu hợp nhất Tổng công ty:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% thực hiện	
						So với cùng kỳ năm trước	So với kế hoạch
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	3.765.000	3.765.000	3.765.000	100,00%	100,00%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	5.338.570	4.770.000	5.556.255	104,08%	116,48%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.516.188	1.264.860	1.772.802	116,92%	140,16%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.269.788	1.011.888	1.497.634	117,94%	148,00%
5	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu	%	17,67	13,73	19,58	110,80%	142,60%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	662.763	556.734	1.051.195	158,61%	188,81%

1.3 Đánh giá:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021, tại Công ty mẹ được thể hiện thông qua các chỉ tiêu sau: Tổng doanh thu đạt 581 tỷ đồng, tương ứng với 92,30% so với kế hoạch và giảm 0,24% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 419 tỷ đồng,

tương ứng với 94,81% so với kế hoạch và tăng 0,08% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế chưa đạt là do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid-19, dẫn đến công tác tiếp thị cho thuê nhà xưởng tại KCN Châu Đức không hoàn thành kế hoạch; Đồng thời việc thoái vốn tại các doanh nghiệp khác cũng chưa thực hiện đúng như kế hoạch đề ra.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2021 của Tổng công ty, như sau: Chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 5.556 tỷ đồng, vượt 16,48% so với kế hoạch và vượt 4,08% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.498 tỷ đồng, vượt 48% so với kế hoạch và vượt 17,94% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2021, có 12/16 công ty con thực hiện hợp nhất hoàn thành vượt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, nổi bật có 5 công ty hoàn thành vượt trên 50% kế hoạch lợi nhuận sau thuế, gồm: Công ty CP Sonadezi Bình Thuận (đạt 828,2%), Công ty CP Sơn Đồng Nai (đạt 202,8%), Công ty CP Sonadezi An Bình (đạt 180,4%), Công ty CP Sonadezi Châu Đức (đạt 183,6%), Công ty CP Cấp nước Đồng Nai (đạt 157,1%).

2. Hoạt động đầu tư tài chính và công tác thoái vốn của Tổng công ty:

- Hoạt động đầu tư tài chính:

+ Tổng giá trị khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác đến ngày 31/12/2021 là 3.209 tỷ đồng. Trong đó: Đầu tư vào công ty con là 1.745 tỷ đồng, đầu tư vào công ty liên kết là 1.315 tỷ đồng và đầu tư vào các đơn vị khác là 149 tỷ đồng, tăng 193 tỷ đồng so với năm 2020:

• Ngày 19/02/2021, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 47/NQ-SNZ-QTTH về việc đầu tư mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai với số lượng cổ phiếu mua thêm: 12.797.820 cổ phiếu, với giá trị đầu tư là 767.869 tỷ đồng để duy trì tỷ lệ sở hữu 63,99%.

• Đầu tư dài hạn khác: Tổng Công ty Sonadezi góp vốn bổ sung 1 tỷ đồng vào Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI theo Nghị quyết HĐQT số:73/NQ-SNZ-QTTH ngày 07/04/2021, với giá trị đầu tư là 20.250 tỷ đồng, tỷ lệ nắm giữ 10% vốn điều lệ.

+ Về hiệu quả đầu tư tài chính: Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2021 của các công ty thành viên, Ban kiểm soát đánh giá như sau:

Các khoản đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác của Tổng công ty Sonadezi đều đạt hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, ngoại trừ một số Công ty có tỷ lệ vốn góp không chi phối của Tổng công ty hoạt động không hiệu quả, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi so với Hợp đồng BOT đã ký (như đóng trạm, dừng thu phí trước hạn), *chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.*

+ Về tình hình tài chính của các đơn vị tại ngày 31/12/2021, Ban kiểm soát lưu ý một số công ty có hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn thấp như Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ An Giang là 0,04 lần, Công ty CP Sonadezi Châu Đức 0,28 lần và Công ty CP Dịch vụ Sonadezi là 0,76 lần. Ngoài vấn đề lưu ý trên, sau khi xem xét các chỉ số tài chính và tình hình hoạt động của các công ty thành viên khác, Ban kiểm soát đánh giá rằng các công ty thành viên còn lại đều an toàn về tài chính.

- Công tác thoái vốn của Tổng công ty:

Do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid-19, thời gian phong toả giãn cách xã hội kéo dài, việc công bố thông tin chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa phải gia hạn nhiều lần và cuối cùng không thành công do không có nhà đầu tư đăng ký nhận chuyển nhượng cổ phần. Đồng thời, công tác thoái vốn tại D2D cũng không thể hoàn

tất trong năm 2021, do dịch bệnh kéo dài dẫn đến Chứng thư thẩm định giá đã quá 6 tháng và hết hiệu lực vào ngày 17/12/2021.

II. Tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2021:

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng công ty:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1	**Cơ cấu tài sản**			
	Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	74,29%	76,91%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	25,71%	23,09%
2	**Cơ cấu nguồn vốn**			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	1,84%	1,93%
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	98,16%	98,07%
3	**Khả năng thanh toán**			
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	24,38	19,78
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	24,11	19,54
4	**Tỷ suất sinh lợi**			
	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản BQ (ROA)	%	9,71%	9,60%
	Tỷ suất LNST/Vốn CSH BQ (ROE)	%	11,01%	10,96%
	Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	47,36%	55,64%

Đánh giá về tình hình tài chính của Tổng công ty:

- Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Hoạt động chính của Tổng công ty hiện nay là đầu tư tài chính nên tài sản dài hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản. Các dự án của Tổng công ty đang trong giai đoạn triển khai và chưa có dự án mới nên nguồn vốn hoạt động của Tổng công ty chủ yếu là từ vốn chủ sở hữu, chưa có nhu cầu sử dụng đến nguồn vốn vay.

- Về khả năng thanh toán: Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán cho thấy Tổng công ty đảm bảo được khả năng thanh toán trong ngắn hạn.

- Về khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần năm 2021 tăng so với năm 2020 cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đạt hiệu quả.

Nhìn chung, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt hiệu quả, cụ thể các chỉ tiêu tài chính cơ bản đã thể hiện được tình hình tài chính lành mạnh, Tổng công ty đã bảo toàn và sử dụng vốn hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. Tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021:

- HĐQT đã ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty sửa đổi, bổ sung; Thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2020; chi trả tiền lương và thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết; ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2021 với Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM; Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- HĐQT đã thông qua nghị quyết chi trả cổ tức năm 2020 là 10%/cổ phần bằng tiền. Thời gian chi trả là 26/10/2021.

C. ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN

TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty và công ty con của Tổng công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

- Giao dịch giữa Tổng công ty và công ty con của Tổng công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đã được công bố đầy đủ tại Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021 ngày 25/01/2022 trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Sonadezi.

- Các giao dịch đã được báo cáo và được HĐQT thông qua theo đúng thẩm quyền quy định của Điều lệ Tổng công ty, đảm bảo công khai, công bằng và lợi ích của Tổng công ty.

II. Đánh giá hoạt động của HĐQT Tổng công ty:

- Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động chuyên trách và 04 thành viên kiêm nhiệm trong ban điều hành Tổng công ty. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

- HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp HĐQT, các báo cáo của Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm toán nội bộ.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty. Ngoài ra, để kịp thời đưa ra các quyết định, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT còn thường xuyên thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản các nội dung thuộc thẩm quyền. Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 07 phiên họp và 67 lần lấy ý kiến bằng văn bản. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tổng công ty. Các quyết định, nghị quyết của HĐQT luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

III. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty:

- Ban Tổng giám đốc gồm 04 thành viên, Tổng giám đốc đã thực hiện phân công công việc từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc hợp lý, mỗi thành viên đều phát huy và nêu cao vai trò trách nhiệm của mình trong công việc.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại đội đồng cổ đông năm 2021 và các quyết định của HĐQT. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện việc quản lý, điều hành một cách cẩn trọng, hợp lý, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty.

IV. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý:

- HĐQT và Tổng giám đốc đã thực hiện tốt công tác phối hợp với Ban kiểm soát, tạo mọi điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, họp giao ban và các cuộc họp khác, đồng thời được tham gia đóng góp ý kiến một số nội dung liên quan đến hoạt động

sản xuất kinh doanh, công tác quản trị công ty tại Tổng công ty và các công ty thành viên nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc, giúp cho công tác kiểm tra, giám sát kịp thời và thuận tiện hơn.

- Các cán bộ quản lý đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ và giải trình giúp Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

D. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Tổng công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty. Nhiệm vụ của từng thành viên được thống nhất phân công cụ thể như sau:

STT	Thành viên	Nhiệm vụ phân công
1	Đặng Lê Bích Phượng - Trưởng ban	- Xem xét, kiểm tra thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty; - Xem xét tính pháp lý các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; - Đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính và công tác thoái vốn; - Kiểm tra xây dựng kế hoạch và quyết toán tiền lương; - Kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh; - Các công việc còn lại khác thuộc nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
2	Trần Ngọc Tòng - Thành Viên	- Kiểm tra doanh thu và công nợ phải thu, phải trả; - Kiểm tra tình hình tăng, giảm TSCĐ và CCDC.
3	Phạm Thị Cẩm Hà - Thành Viên	- Kiểm tra công tác xây dựng cơ bản; tình hình thực hiện các dự án đầu tư.

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện các công tác sau:

+ Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc. Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và năm 2021 của Tổng công ty; giám sát công tác ghi chép, cập nhật chứng từ và sổ sách kế toán.

+ Kiểm tra công tác thẩm định giá, thực hiện các thủ tục thoái vốn các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty.

+ Kiểm tra công tác xây dựng cơ bản, triển khai các dự án tại Tổng công ty.

+ Ban kiểm soát đã tham gia góp ý về các nội dung xin ý kiến của người đại diện phần vốn như công tác Đại hội đồng cổ đông thường niên, lập kế hoạch hằng năm và các nội dung khác theo quy định của Quy chế quản lý người đại diện phần vốn Tổng công ty.

+ Ngoài ra, Ban kiểm soát thực hiện giám sát tình hình hoạt động của các công ty thành viên thông qua báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác theo quy định của Tổng công ty nhằm xem xét, đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính và mức độ an toàn về tài chính của các công ty thành viên.

+ Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC hằng năm của Tổng công ty.

+ Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp, nội dung thông qua các vấn đề sau:

+ Bầu trưởng Ban kiểm soát.

+ Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát, phân công công việc cho từng thành viên Ban kiểm soát.

+ Thông qua Bản dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021.

- Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động năm 2021:

ĐVT: Đồng

STT	Thành viên BKS	Tổng tiền lương, thù lao năm 2021			Chi phí hoạt động		
		Tiền lương	Thù lao	Tổng cộng	Phụ cấp	Đào tạo	Tổng cộng
1	Đặng Lê Bích Phượng	506.886.033	39.989.209	546.875.242	1.530.518	5.000.000	6.530.518
2	Trần Ngọc Tòng	275.078.277	79.978.419	355.056.696	2.132.793	0	2.132.793
3	Phạm Thị Cẩm Hà		119.967.628	119.967.628	0	0	0
Tổng cộng		**781.964.310**	**239.935.256**	**1.021.899.566**	**3.663.311**	**5.000.000**	**8.663.311**

E. KIẾN NGHỊ:

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm và khai thác các dự án mới, giúp Tổng công ty phát triển bền vững.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với các công ty thành viên, đặc biệt là các công ty có dấu hiệu mất khả năng về tài chính. Đồng thời, quan tâm và hỗ trợ kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của các công ty thành viên giúp hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2022.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị công ty tại Tổng công ty và các công ty thành viên.

E. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc. Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

- Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên thông qua báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác theo quy định của Tổng công ty.

- Phối hợp các Ban chức năng của Tổng công ty giám sát, kiểm tra người đại diện phần vốn tại các công ty thành viên về việc thực hiện các chỉ đạo, nghị quyết của HĐQT Tổng công ty và việc thực hiện nhiệm vụ của người đại diện phần vốn Tổng công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm của Tổng công ty.

- Kiểm tra công tác định giá và thoái vốn của Tổng công ty tại các công ty thành viên.

- Kiểm tra công tác xây dựng cơ bản và triển khai dự án của Tổng công ty.

- Rà soát và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

- Đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 là 50 triệu đồng (bao gồm các khoản phụ cấp và chi phí đào tạo). Các khoản lợi ích khác thực hiện theo quy định của Tổng công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 tại Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đặng Lê Bích Phượng

PHỤ LỤC 1

(Đính kèm Báo cáo số 221/BC-SNZ-KS ngày 20/4/2022 của Ban kiểm soát Tổng công ty)

STT	Tên Công ty	ĐVT	Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp của Sonadezi	Lỗ năm 2021	Lỗ luỹ kế đến ngày 31/12/2021	Chiếm tỷ lệ trên Vốn chủ sở hữu	Nguyên nhân
1	Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang	Triệu đồng	282.000	39,72% (Tổng công ty 27,81%, D2D 3,97%, SZA 7,94%)	36.394	69.099	24,50%	Đóng trạm T2
2	Công ty CP Xây dựng DDCN số 1	Triệu đồng	40.992	15%	7.315	5.503	13,42%	Hoạt động không hiệu quả
3	Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Cầu Đồng Nai	Triệu đồng	386.473	10,74%	121.190	24.644	6,37%	Tạm dừng thu phí
4	Công ty CP BOT 319 Cường Thuận CTI	Triệu đồng	202.500	10%	12.359	12.359	6,10%	Lưu lượng xe chưa đạt yêu cầu

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **TỔNG CÔNG TY SONADEZI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 222/BC-SNZ-QTTH	*Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2022*

BÁO CÁO
Về tiền lương của người điều hành, tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2021 và Kế hoạch năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 05/BB-SNZ-QTTH ngày 30/3/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-SNZ-QTTH ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước,

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 về tiền lương của người điều hành, tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 như sau:

1. Tiền lương của người điều hành năm 2021:

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương năm 2021
1	Phan Đình Thám	TGĐ (miễn nhiệm từ ngày 01/5/2021)	339.462.513
2	Trần Thanh Hải	TGĐ (bổ nhiệm từ ngày 01/5/2021)	993.597.950
3	Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng giám đốc	915.207.244
4	Lương Minh Hiền	Phó TGĐ (lương từ 01/6/2021)	465.755.363
5	Đinh Ngọc Thuận	Phó Tổng giám đốc	861.796.064
6	Lê Thị Bích Loan	Kế toán trưởng	754.363.936

2. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện năm 2021:

STT	Nội dung	Kế hoạch (đồng/tháng)	Thực hiện (đồng/tháng)
1	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT	67.500.000	111.342.718
2	Tiền lương của Trưởng Ban KS		

STT	Nội dung	Kế hoạch (đồng/tháng)	Thực hiện (đồng/tháng)
	(01/01/2021-30/04/2021)	41.500.000	68.769.569
	(01/05/2021-31/12/2021)	38.500.000	63.360.754
3	Thù lao của 01 thành viên HĐQT	12.000.000	17.138.233
4	Thù lao của 01 thành viên BKS	7.000.000	9.997.302
		Kế hoạch (đồng)	**Thực hiện (đồng)**
5	Tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách năm 2021	1.612.800.000	1.473.888.000

3. Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022:

STT	Nội dung	Kế hoạch
I	Mức tạm ứng hàng tháng:	
1	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT	67.500.000 đồng/tháng
2	Tiền lương của Trưởng Ban KS	38.500.000 đồng/tháng
3	Thù lao của 01 thành viên HĐQT	12.000.000 đồng/tháng
4	Thù lao của 01 thành viên BKS	7.000.000 đồng/tháng
II	Tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách năm 2022	1.612.800.000 đồng

Tiền lương và thù lao thực hiện năm 2022 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ quyết toán theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và sẽ được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2021 và Kế hoạch năm 2022.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600335363
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **TỔNG CÔNG TY SONADEZI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 223 /TTr-SNZ-QTTH	*Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 05/BB-SNZ-QTTH ngày 30/3/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-SNZ-QTTH ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	3.765.000.000.000
2	Giá trị mệnh giá 376.491.800 CP đang lưu hành	3.764.918.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021	419.298.871.402
4	Trích quỹ:	29.231.687.284
	- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	20.964.943.570
	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	4.192.988.714
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động (2,8 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.536.400.000
	- Quỹ thưởng của người quản lý (01 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý)	537.355.000
5	Chia cổ tức (10% mệnh giá cổ phần đang lưu hành)	376.491.800.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021 còn lại	13.575.384.118
7	Lợi nhuận năm trước để lại	52.204.054.819
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*16.459.733.407*
8	Lợi nhuận chuyển năm sau	65.779.438.937

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*30.035.117.525*

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	3.765.000.000.000
2	Giá trị mệnh giá 376.491.800 CP đang lưu hành	3.764.918.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2022	446.210.057.215
4	Trích quỹ:	31.804.383.433
	- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	22.310.502.861
	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	4.462.100.572
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động (3 tháng lương bình quân kế hoạch của người lao động)	4.134.780.000
	- Quỹ thưởng của người quản lý (1,5 tháng lương bình quân kế hoạch của người quản lý)	897.000.000
5	Chia cổ tức (10% mệnh giá cổ phần đang lưu hành)	376.491.800.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2022 còn lại	37.913.873.782
7	Lợi nhuận năm trước để lại	65.779.438.937
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*30.035.117.525*
8	Lợi nhuận chuyển năm sau	103.693.312.719
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*67.948.991.307*

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và Quỹ thưởng của người quản lý được trích theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

Đỗ Thị Thu Hằng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **TỔNG CÔNG TY SONADEZI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 224 /TTr-SNZ-KS	*Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

Căn cứ danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022 (Kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ Tài chính),

Để thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty Sonadezi:

STT	Tên công ty kiểm toán	Địa chỉ trụ sở
1	Công ty TNHH Kiểm toán & tư vấn RSM Việt Nam	Số 140, Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
2	Công ty TNHH Kiểm toán VACO	Tầng 12A, Tòa nhà Tổng công ty 319, số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
3	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C	Số 2, Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đặng Lê Bích Phượng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
Ngày 28 tháng 04 năm 2022

PHIẾU BIỂU QUYẾT

- Họ tên cổ đông/ người đại diện cổ đông:.....	
- Số thứ tự của cổ đông: ..... - Số CP sở hữu/đại diện sở hữu:..... CP	Chữ ký cổ đông/ người đại diện cổ đông:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
01	Thông qua Danh sách Ban Kiểm phiếu			
02	Thông qua Quy chế làm việc			
03	Thông qua Chương trình họp			
04	Thông qua Báo cáo số 219/BC-SNZ-QTTH ngày 20/4/2022 về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022			
05	Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam			
06	Thông qua Báo cáo số 220/BC-SNZ-QTTH ngày 20/4/2022 về hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022			
07	Thông qua Báo cáo số 221/BC-SNZ-KS ngày 20/4/2022 về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2021 tại Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp			
08	Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện năm 2021			
09	Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022			
10	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021			
11	Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022			
12	Thông qua Tờ trình số 224/TTr-SNZ-KS ngày 20/4/2022 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022			

Lưu ý:

- Cổ đông chỉ được lựa chọn 1 phương án biểu quyết cho mỗi nội dung;
- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào ô lựa chọn;
- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn ⊗ và đánh dấu "X" vào ô lựa chọn mới;
- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy ●

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **TỔNG CÔNG TY SONADEZI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /NQ-SNZ-QTTH **(DỰ THẢO)**	*Đồng Nai, ngày 28 tháng 4 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi);

Căn cứ nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Tổng công ty Sonadezi đã biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo số 219/BC-SNZ-QTTH ngày 20/4/2022 về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022 với các nội dung chủ yếu như sau:

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2021:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/ KH
	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000	100,00%
	Công ty mẹ			
1	Tổng doanh thu	629.454	581.006	92,30%
2	Lợi nhuận trước thuế	484.266	442.492	91,37%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	442.272	419.299	94,81%
4	Phải nộp ngân sách nhà nước	75.597	65.399	86,51%
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	11,56%	10,96%	94,83%
	Hợp nhất			
1	Tổng doanh thu	4.770.000	5.556.255	116,48%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.264.860	1.772.802	140,16%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.011.888	1.497.634	148,00%
4	Phải nộp ngân sách nhà nước	556.734	1.051.195	188,81%
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	13,73%	19,58%	142,60%

1.2. Kế hoạch SXKD năm 2022:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Vốn điều lệ	3.765.000	3.765.000
2	Tổng doanh thu	682.215	5.516.407
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	482.741	1.263.770
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	446.210	1.067.290
5	Phải nộp ngân sách nhà nước	75.166	572.278
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	11,60%	14,16%

2. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

3. Thông qua Báo cáo số 220/BC-SNZ-QTTH ngày 20/4/2022 về hoạt động năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.

4. Thông qua Báo cáo số 221/BC-SNZ-KS ngày 20/4/2022 về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2021 tại Tổng công ty CP Phát triển Khu công nghiệp.

5. Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện năm 2021:

STT	Nội dung	Kế hoạch (đồng/tháng)	Thực hiện (đồng/tháng)
1	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT	67.500.000	111.342.718
2	Tiền lương của Trưởng Ban KS		
	(01/01/2021-30/04/2021)	41.500.000	68.769.569
	(01/05/2021-31/12/2021)	38.500.000	63.360.754
3	Thù lao của 01 thành viên HĐQT	12.000.000	17.138.233
4	Thù lao của 01 thành viên BKS	7.000.000	9.997.302
		Kế hoạch (đồng)	**Thực hiện (đồng)**
5	Tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách năm 2021	1.612.800.000	1.473.888.000

6. Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022:

STT	Nội dung	Kế hoạch
I	Mức tạm ứng hàng tháng	
1	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT	67.500.000 đồng/tháng
2	Tiền lương của Trưởng Ban KS	38.500.000 đồng/tháng
3	Thù lao của 01 thành viên HĐQT	12.000.000 đồng/tháng
4	Thù lao của 01 thành viên BKS	7.000.000 đồng/tháng
II	Tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách năm 2022	1.612.800.000 đồng

Tiền lương và thù lao thực hiện năm 2022 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ quyết toán theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động

- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và sẽ được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

7. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	3.765.000.000.000
2	Giá trị mệnh giá 376.491.800 CP đang lưu hành	3.764.918.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021	419.298.871.402
4	Trích quỹ:	29.231.687.284
	- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	20.964.943.570
	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	4.192.988.714
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động (2,8 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động)	3.536.400.000
	- Quỹ thưởng của người quản lý (1 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý)	537.355.000
5	Chia cổ tức (10% mệnh giá cổ phần đang lưu hành)	376.491.800.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020 còn lại	13.575.384.118
7	Lợi nhuận năm trước để lại	52.204.054.819
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*16.459.733.407*
8	Lợi nhuận chuyển năm sau	65.779.438.937
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*30.035.117.525*

8. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	3.765.000.000.000
2	Giá trị mệnh giá 376.491.800 CP đang lưu hành	3.764.918.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2022	446.210.057.215
4	Trích quỹ:	31.804.383.433
	- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	22.310.502.861
	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	4.462.100.572
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động (3 tháng lương bình quân kế hoạch của người lao động)	4.134.780.000
	- Quỹ thưởng của người quản lý (1,5 tháng lương bình quân kế hoạch của người quản lý)	897.000.000
5	Chia cổ tức (10% mệnh giá cổ phần đang lưu hành)	376.491.800.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021 còn lại	37.913.873.782
7	Lợi nhuận năm trước để lại	65.779.438.937
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*30.035.117.525*
8	Lợi nhuận chuyển năm sau	103.693.312.719
	- Lợi nhuận do đánh giá lại tài sản	*35.744.321.412*
	- Lợi nhuận chưa phân phối	*67.948.991.307*

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và Quỹ thưởng của người quản lý được trích theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

9. Thông qua Tờ trình số 224/TTr-SNZ-KS ngày 20/4/2022 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022:

- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28/4/2022. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, QTTH.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Đỗ Thị Thu Hằng